

895.922 803

ĐC

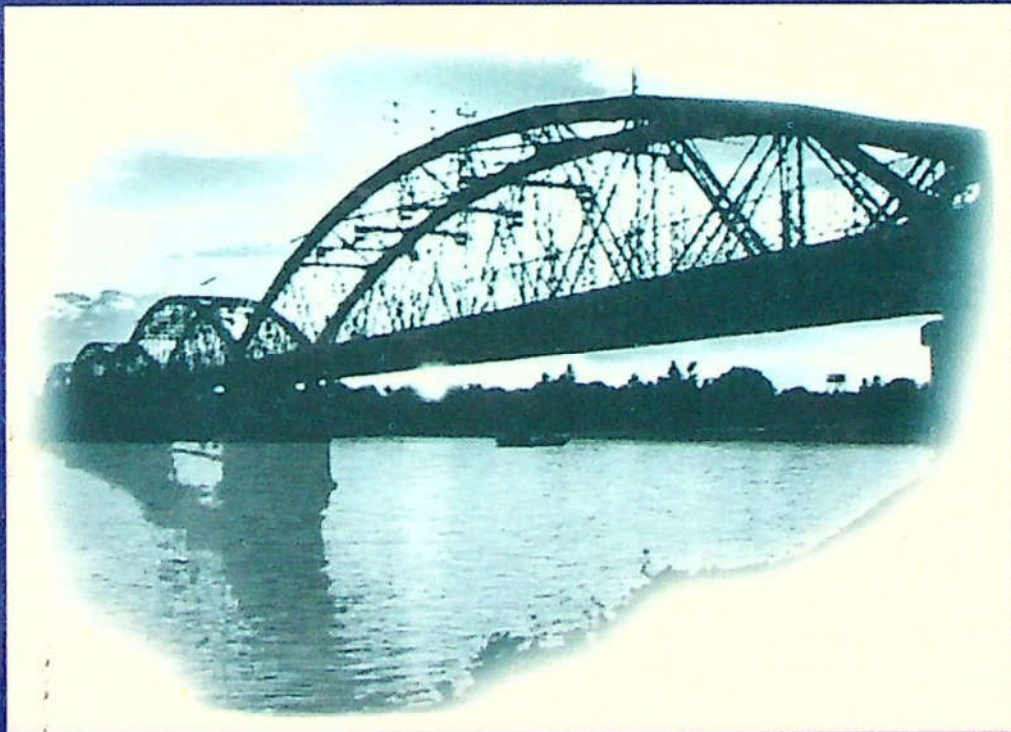
NH 556 T

HOANG VĂN BỔN

NHỮNG TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

TẬP 2 - KÝ, HỒI KÝ

HOÀNG VĂN BỔN - TRẦN THU HÀNG (tuyển chọn)
Tiến sĩ HUỲNH VĂN TỐI (giới thiệu)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

HOÀNG VĂN BỔN
Những tác phẩm tiêu biểu

(tập 2)
Ký - Hồi ký

J

895.922 803
NH 556T

HOÀNG VĂN BỔN

NHỮNG TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

TẬP 2 : KÝ - HỒI KÝ

2015/ĐC/VV

900915

HOÀNG VĂN BỔN - TRẦN THU HẰNG
(tuyển chọn)

Tiến sĩ HUỲNH VĂN TỚI
(giới thiệu)

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI


82603

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

*Tuổi Thơ
Ngọt Ngào*

(Hồi ký)

CÒN ĐÂU NHỮNG NGÀY ÊM Ắ

 hưa đến ngày hăm ba đưa ông táo châu Trời, pháo đã nổ lẹt đẹt khắp nơi. Chợ Tân Uyên tấp nập đầu có vài ngày, rồi bắt đầu lộn xộn. Tiếng súng đánh nhau ở Biên Hòa, Thủ Đức ngày đêm vọng đến. Người già lo gom góp đồ đạc, tiền bạc, gói lại, mở ra, chạy ra chạy vô, nhìn những khúc quanh con sông Đồng Nai phía bên đò Bình Ninh, cù lao Mỹ Quới.

Nhiều tàu bè, đoàn ghe chài kìn kìn gạo, mắm, lính Vệ quốc đoàn, chiếc cắm mũi vào bến chợ Tân Uyên, chiếc đi thẳng lên hương Tân Hòa, Lạc An. Chú Tám Nghệ tay cầm chiếc cặp da màu bồ quân, đầu đội nón nỉ hiệu Mốt-săng, lưng đeo súng lục, trầm tư dọc bờ sông, rảo khắp mặt trận phía cầu Bình Hóa, cù lao Mỹ Quới, cầu ông Hựu. Có hôm, chú cưỡi ngựa, phi như bay trên con đường lát đá xanh. Từ dốc quận Tân Uyên lao xuống xông vào khu chợ đang nháo nhào, chuẩn bị tản cư triệt để.

Gặp chú Cao Văn Bộ phụ trách Ủy ban hành chánh huyện Tân Uyên đang ngồi uống cà phê gần bến đò, chú Tám Nghệ ghìim ngựa, hỏi:

– Sao chưa cho tiêu thổ kháng chiến?

Chú Cao Văn Bộ lúng túng, xốc lại khẩu súng ngắn, vượt mồ hôi chua loét trên lưng con ngựa của chú Tám Nghệ:

– Đồng bào khóc quá, đót chưa đành. Rồi đi đâu? Sống bằng gì?

– Mặt trận Sài Gòn mất. Mặt trận cầu Bình Lợi, Thủ Đức, Biên Hòa tan vỡ... Anh em bộ đội Nam tiến số lớn rút về thành lập mặt trận Xuân Lộc. Bốn sư đoàn ở mặt trận Sài Gòn coi như tan. Thành Lơcole tuyên bố sẽ bình định Nam Kỳ trong vòng ba tuần lễ... Chậm lắm là hai ngày nữa, chúng sẽ tấn công lên đây bằng đường bộ, đường thủy, có cả máy bay yểm trợ... Ra lệnh tiêu thổ kháng chiến. Không thì chậm...

Chú Cao Văn Bô nhìn khu chợ Tân Uyên, dòng sông Đồng Nai, bụi ngùi, rút khẩu súng ngắn lau chùi bằng vạt áo bà ba:

– Phải thi hành lệnh của Ủy ban hành chánh Nam Bộ, của Thanh tra chánh trị miền Đông thôi... Đót hết, rồi tụi mình rút về đâu, anh Tám?

– Rút về Mỹ Lộc làng tôi, đặt Tổng hành dinh kháng chiến tại làng tôi, trụ lại, chết sống tại xứ mình. Xây dựng chiến khu kháng chiến. Nó đánh mau thắng mau. Ta đánh lâu dài. Có gì đâu mà dàn binh ra chơi nhau với nó. Có thằng nào biết đánh giặc đâu... À, anh nhớ cất người đón anh Tám Tàng, kinh lý Tàng rút khỏi mặt trận Biên Hòa mấy ngày nay cùng với anh Dương Bạch Mai Thanh tra chánh trị miền Đông, dẫn lên nhà tôi, đặt trụ sở Ủy ban hành chánh kháng chiến tỉnh tại đó.

– Trời...

– Tình thế buộc phải vậy thôi. Kháng chiến mà – Chú Tám cười rất hiền, rất vui, đôi mắt hình lá răm lung linh, đưa tay vuốt mồ hôi còn ướt đẫm lưng ngựa.

– Có một người dẫn một đoàn ghe chài chở súng ống, đạn dược từ xưởng Ba Son mò về Biên Hòa, ngược dòng Đồng Nai

lên đây, hỏi tìm anh. Tụi tôi cho tịch thu súng ống, đạn dược, gạo, mắm, bị thằng chả chửi bới, xua lính tráng bắn nhau với tụi tôi một trận tơ bời.

– Chả đang ở đâu?

Cao Văn Bồ đưa tay chỉ mấy chiếc tàu cây đậu dưới bến chợ Tân Uyên:

– Đang xây phòng tuyến tại bến chợ.

– Hay cha nội Quang trắng? Trời, được cha đó, ngon lành. Mình đang rất cần chả. Hồi ở mặt trận Sài Gòn, ông Trần Văn Giàu giao mình bắt cha nội Phan Văn Giáo, mình có gặp cha nội Quang trắng...

Đến đây, mấy tay thanh niên Tiền phong nón rơm rộng vành, quần sọc xanh, áo sơ mi trắng, tay cầm tầm vông vạt nhọn, lưng đeo dây mũi trâu, lựu đạn chày của Nhật đang trì kéo một người có nước da trắng, mặt thanh tú. Người ấy vùng vẫy, quát tháo, vung tay vung chân... Một tay thanh niên xung phong bước đến chỗ chú Tám Nghê:

– Thưa anh Tám, tụi tui bắt được dọ thám Tây...

Chú Tám bước đến chỗ đang đánh nhau giữa đám thanh niên Tiền phong và người “dọ thám Tây”.

– Tám Nghê! Ông ở đây hả? Ngon quá ta! – Người ấy kêu mừng rỡ.

– Bỏ người ấy ra, mấy cậu Tiền phong! – Chú Tám nạt đám thanh niên Tiền phong, vội bước đến cời trói người ấy, phủi bụi đất đỏ khắp người ông ta – Làm sao lọt lên đây được, cha nội? Tưởng chết cháy ở mặt trận Sài Gòn rồi chớ?

– Linh tráng của ông du côn thấy mẹ. Thấy tôi bận cái áo sơ mi có viền chỉ xanh, đỏ, nó bảo là cờ Tây, cờ tam tài, bắt trói. Nể tình anh, không tôi bắn nát đầu vài thằng chơi.

– Xin lỗi commăngđăng, những ngày tao loạn mà. Nè, sao không ở lại Sài Gòn làm ăn với bọn thằng Lợcole, lên đây làm gì?

– Hỏi vậy cũng hỏi! Có lệnh lên tìm ông kiếm người thành lập Ban ám sát thành. Đ.m, cái xứ của ông coi bộ ngon lành, dám thành Thủy Hử lắm đó. Có tay nào ngon ngon, cho vài thằng coi, gan lì, bắn súng ngon hơn Báchsima đại hiệp sĩ, chơi dao búa ngon hơn Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng, cũng có thể cho tuyển vài thằng kiểu đá cá, lăn dưa, ngồi đầu cầu thổi ống tiêu, lất túi, rạch hầu bao... Nghĩa là cái đội quân ám sát thành của tôi bao gồm đủ thứ 108 anh hùng Lương Sơn Bạc...

Chú Tám Nghệ kéo Chín Heo – chính là người ấy vào tiệm hủ tiếu đãi một chầu, khuyên nhủ đôi câu về cái gọi là Ban ám sát thành của Chín Heo về sau đổi tên là Ban công tác số Bảy, tiễn Chín Heo xuống sông Đồng Nai, qua cù lao Mỹ Quới, lộn trở về Sài Gòn. Nào ai ngờ, đó là lần chia tay cuối cùng giữa họ. Chỉ vài tháng sau đó, chính chú Tám Nghệ và Ban chỉ huy công tác thành phải đau lòng tuyên án xử tử Chín Heo tại sân banh Tân Lợi phía trong chợ Tân Uyên non cây số. Chín Heo và đội ám sát của anh đã tung hoành giữa đô thành Sài Gòn – Chợ Lớn mà anh thích xưng là “tảo phạt”. Giặc Pháp và lính thân binh, lính Maroc, Tuynidi... đều ngán anh, đem tên tuổi anh ra để thề độc cùng nhau. Pháp đã phải treo giải thưởng đầu anh với giá rất cao. Nhưng, anh vẫn xuất quỷ nhập thần, báo trước ngày xử tội những tên gian ác cầm súng, chỉ điểm. Một khi nhận được mũi tên báo giờ chết, chúng không sao tránh khỏi viên đạn đồng hoặc mũi dao của anh. Khi anh đóng vai dân buôn, Hoa kiều, lưu manh... Khi anh đóng vai sĩ quan Pháp lại,

công chức... Dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Kẻ thù khiếp sợ. Nhưng cũng từ đó, anh làm nhiều chuyện không hay, ảnh hưởng đến uy tín rất cần thiết của kháng chiến. Do nhiều hành động “Lương Sơn Bạc” ấy, nhiều cơ sở bị lộ, nhiều đồng đội của anh bị bắt, bị hành quyết giữa Sài Gòn. Trên cử nhiều “Ám sát viên” có cờ vào cảnh cáo anh, anh chẳng coi ra gì, lại cho những người ấy là ghen tị... Cuối cùng, trên phải ký lệnh bắt anh, lập tòa án binh công khai. Nhiều ông già, bà già khóc khi điều anh ra pháp trường, và người thi hành án quyết tay xách lưỡi gươm Nhật chấp tay cúi lạy bốn phương. Chú Tám Nghệ cúi mặt lau nước mắt. Vĩnh biệt mày, Chín Heo! Tao chẳng có cách nào cứu mày được. Dẫu biết trong những ngày ấu trĩ này, có rất nhiều người manh động, tung hoành chẳng kém mày. Nhưng, sự đời... Biết làm sao hở bạn?

Chín Heo xin đặc ân tự xử mình. Người chỉ huy lên đạn khẩu súng Môde, trao tay anh. Anh cúi chào đồng bào Tân Uyên, và kê đầu nòng súng vào mang tai...

Đó là những chuyện về sau. Còn bây giờ, khi chú Tám tiễn anh xuống bến chợ, anh vỗ ngực cười ha hả, ngửa mặt nhìn trời nước Tân Uyên:

– Phải thành lập xứ này thành một Lương Sơn Bạc, ông Tám Nghệ. Đánh nhau với cái thằng Tây chó đẻ này, tức như bị bò đá. Nó thì súng máy, xe tăng, đại bác... Còn mình thì lèo tèo vài cây tầm vông, mấy khoan dây trói trâu, mấy cây dao phay... Phải xuất quỷ nhập thần lập sào huyết ở đây, vọt sâu vô giữa bụng tụi nó, vung dao, lại vọt trở ra...

Chim tu hú kêu ba tiếng trên chòm dậu cổ thụ bên dậu cù lao Mỹ Quới. Pháo nhà ai nổ ù ù... Chín Heo trầm ngâm:

– Cú kêu ba tiếng cú kêu. Mau mau gói bánh dựng nêu ăn chè. Hai ngày nữa, cái tụi Tây chó đẻ ấy sẽ tấn công lên đây.

Ông phải đánh cho ngon lành, phải ráng giữ mình – Thế rồi Chín Heo rút hai khẩu súng ngắn hai bên hông bắn hai phát lên trời, nhảy xuống đò...

Chú Tám Nghệ lắc đầu, áy náy, linh cảm thấy điều không hay sẽ xảy ra với Chín Heo trong những ngày tới, nhưng chẳng biết làm thế nào...

Cao Văn Bô và cán bộ Ủy ban quận, Việt Minh quận đi qua, chú Tám dặn phải thúc hối đồng bào tản cư gấp rút trong ngày và đêm nay. Đúng mười hai giờ đêm là phải phát hỏa, tiêu thổ kháng chiến, phá đường. Chặt nát con đường nhựa từ chợ Biên Hòa qua Tân Ba lên Bình Hóa. Phá cầu Bình Hóa. Bên kia sông, huy động đồng bào Bình Long, Cây Đào phá con đường từ sân bay Biên Hòa lên Trị An, qua bến đò Bình Ninh.

– Mấy ngôi nhà gạch, nhà tô của bà con quanh đây, làm sao? – Cao Văn Bô hỏi.

– Đốt hết. Chùa chiền, miếu mạo, cầu đường, sở cao su... đều đốt hết. Không cho chúng đến. Đến, không chỗ ở. Ở, không có cái ăn.

Một tốp đồng bào Sotiên, Châu Ro trần trụi trực, đóng khố, mang dao rừng, chà gạch kéo qua chợ Tân Uyên.

Xe bò, xe trâu, ô tô, gồng gánh, chất đầy gạo, đồ đạc gia đình, vừa khóc vừa lôi thoi lếch thếch đi về hướng Mỹ Lộc, Phước Vĩnh, Ông Đông – Bình Chánh... Phía sau họ, lửa đã bốc cao. Nhiều ông già, bà già quỵ xuống đất, lau nước mắt lẫn khói đen tro than... Đâu đó tiếng súng trường, súng máy nổ từng chập. Trẻ con quần xà lỏn, đầu trần chạy theo cha mẹ, mặt mày nhọ nhem. Ngang các nhà ven đường, chúng chạy vào mức nước trong lu uống ừng ực, chạy ra cho cha mẹ uống.

– Ráng chịu cực, con. Đi vài ngày xong giặc lại trở về –
Cha mẹ chúng bảo vậy.

Nào ai ngờ, phải ba chục năm sau, những người còn sống trong chuyến ra đi hôm ấy mới được trở về làng quê.

Đêm hôm ấy, lũ trẻ chúng tôi nai nịt gọn gàng bằng dây rơm, trang bị bằng tầm vông vạt nhọn, kéo đàn kéo lũ tiến vào các ngôi nhà gạch kang trang, chẳng cần biết nhà ai, phóng lửa. Lửa bốc cao cả khu chợ Tân Uyên, dọc các làng bên sông Đồng Nai. Lửa đỏ dòng sông Đồng Nai. Những người chủ còn lén lút ở lại nháy ra chửi bới chúng tôi, rượt đánh chúng tôi, khóc âm ỉ, lại xông vào chữa cháy. Nhưng rồi, cả làng, cả quận đều bốc cháy, họ bị lửa bao vây, cháy cả râu, tóc, quần áo. Nổ khùng, họ mỗi lửa đốt nốt những ngôi nhà còn lại: Cho cháy hết, cho chết hết...

Phía Bình Chánh, Bình Hòa, Phước Hòa, lửa tiêu thổ ánh đỏ góc trời. Các nơi ấy, nhiều sở cao su đã bốc lửa.

Lũ chúng tôi khoái trá mỗi thằng hươ một cây đuốc bằng bã mía khô, phừng phực, kéo giữa đường, hát to bài “Thanh niên hành khúc”, vừa hát vừa xông vào những ngôi nhà còn sót lại. Nhìn những ông già bà già khóc than, hai tay cố đập lửa... chúng tôi há miệng cười toe toét, lại châm lửa... Tiếc cái gì? Mình không tự đốt, nay mai rồi cái quân râu xồm mắt đục ấy đến, cũng vậy thôi. Chúng tôi bảo thế, bị các ông bà già rượt đánh khắp đường làng. Chúng tôi chửi lại họ là “phản động”, là “gián điệp”, là “phản quốc” mặc dầu chúng tôi chẳng hiểu mấy tiếng ấy nghĩa là gì. Chúng tôi được người lớn giao sứ mạng đốt, phá, tiêu thổ kháng chiến, thế thôi. Khi gà đã gáy sang canh, chúng tôi vác đuốc đến ngôi nhà gần cầu ông Hựu, xông vào. Mấy thằng đi trước bỗng nhiên quăng đuốc chạy nhào trở ra cầu

cứu. Tôi nhảy vào vừa hươu thuốc châm vào mái nhà, liền bị một bàn tay tóm đầu, đập mạnh vào tường nhà.

– Thằng chó đẻ, ai cho phép mày đốt nhà tao? – Ông già râu ba chòm cầm chiếc móc thông sáng quắc nhằm ngay giữa ngực tôi, lăm lăm phóng tới. Hoảng quá, tôi nhảy tránh vào gốc cây dầu, lừa thế phóng bó thuốc phùng phùng vào giữa mặt ông già, chạy biến lên hướng Tân Hòa.

Sau đó, hăng máu, lũ chúng tôi hò hét nhau vác thuốc xông vào các sở cao su phía sau chợ Tân Uyên. Mỗi đứa một lô cây cao su, chúng tôi mỗi mỏ cao su khô, châm lửa. Chẳng mấy chốc, cả sở cao su cháy đỏ trời. Thật hả hê. Đứa nào cũng tự coi mình là Bà Hỏa, là thần Lửa, là kẻ kháng chiến hăng hái nhất. Chúng tôi lặn ngụp trong bể lửa, khói cay xè mắt, tóc tai cháy xém. Trong đám chúng tôi có mấy đứa con gái cùng trang tuổi cũng hăng hái vác thuốc chạy theo, hát vang: “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi. Đồng lòng cùng đi, đi, đi...”. Tóc tai mấy đứa con gái cũng bị lửa tiêu thổ cháy xém, mặt nhọ nhem...

Đến gần sáng, thấm mệt, lại đói meo, lũ chúng tôi nằm khoanh giữa lô cao su ngủ mòn, trong khi lửa tiêu thổ vẫn cháy đỏ trời. Nhiều đoàn quân Vệ quốc từ mặt trận Biên Hòa, Sài Gòn kéo về ngang, lòi thoi lếch thếch, băng bó trắng người, nheo mắt nhìn chân trời đỏ lửa. Đến khi thấy lũ con nít chúng tôi ngủ lả lác, họ mỉm cười, bỏ lại cho chúng tôi vài đòn bánh tét, vài trứng vịt muối. Mấy đứa con gái sợ ma chen vào giữa chúng tôi, ngủ vùi, gác cả tay chân lên ngực, bụng chúng tôi...

Đang mơ màng, bỗng có tiếng súng rất gần, tiếng la hét gì đó dựng chúng tôi dậy. Bọn con gái hăng hái là thế đã chui vào niu áo quần chúng tôi, quỳnh quít lên, mặt tái xanh:

– Tây tới! Tây tấn công lên chợ Tân Uyên...

– Bình tĩnh nào! Làm gì mà túm áo quần người ta, chạy sao được?

Ngoài bìa sớ cao su, trong ánh lửa đỏ, một đoàn quân lấm lem, hầu như người nào cũng quần băng trắng nhấm hương Phước Vĩnh vừa đi vừa chạy, la toáng lên:

– Tây tới! Tây tấn công!

Một con ngựa trắng phi nước đại từ chợ Tân Uyên, chặn đầu đoàn quân.

– Quay lại! Quay lại ngay, không được chạy! – Người ngồi trên lưng ngựa là chú Tám Nghệ, tay cầm súng ngắn.

– Chú mày là ai? – Người chỉ huy đoàn quân thất trận quát hỏi – Tránh ra. Không tránh, bắn nát đầu bây giờ.

– Ai cho lệnh tháo chạy?

– Chỉ huy trưởng Tám Nghệ!

– Tám Nghệ là tôi đây. Tôi không ra lệnh tháo chạy cho các anh.

– Láo! Tám Nghệ là Tư lệnh vùng này. Chú mày còn con nít mà Tám Nghệ sao được. Tránh ra chú em.

Tám Nghệ nhảy xuống ngựa, đưa mảnh giấy nhỏ cho người chỉ huy.

Người chỉ huy im lặng một lúc, sửa lại mảnh băng trắng trên trán nhìn thẳng mắt Tám Nghệ kinh ngạc, làu bàu:

– Chú em là Tám Nghệ thật sao? Lạ thật, người ta truyền rằng Tám Nghệ là một võ tướng dằng dặc sát khí, văn võ song toàn, là đệ nhất anh hùng của xứ Đồng Nai này... Thế mà...

Tám Nghệ cười rất hiền, bảo lũ trẻ chúng tôi đang túm tụm chung quanh:

– Kiếm cơm, nước cho các anh các chú đây dùng tạm, các cháu... Cái đạo quân thiết giáp của thằng Lơcole, tôi căm thù nó suốt đời...

Lính tráng trong đạo quân tháo chạy vây quanh chú Tám Nghệ, hút thuốc lá, thay băng, chuyện trò râm ran... Gặp chiến khu của anh Tám Nghệ ở đây, còn chạy đi đâu nữa cho mệt xác... Họ bảo vậy.

Chúng tôi chạy vào xóm tìm gạo, nước, cùng các chị, các má thổi lửa nấu cơm, nước mang ra cho họ... Từ đó cho đến sáng, còn nhiều đạo quân kéo từ mặt trận Sài Gòn, Biên Hòa về, mệt mỏi, chán nản, quần áo nhàu nát, người bê bết máu. May quá, lúc bối rối ấy đạo quân của ông tướng cướp Chín Quì từ Mỹ Lộc kéo xuống, phối hợp với lực lượng dân quân tự vệ Tân Uyên xây mặt trận chặn hậu cho họ rút về hướng Mỹ Lộc, Thường Lang, Tân Tịch, Đất Cước theo lệnh của chú Tám Nghệ...

Đội quân “Tiêu thổ kháng chiến” chúng tôi không ai bảo ai, tự do gia nhập vào các đạo quân ấy, cả mấy đứa con gái cũng vậy. Ở lại với ai bây giờ? Cha mẹ, anh chị em... đều tản cư cả rồi. Khu chợ Tân Uyên và làng mạc hai bên sông Đồng Nai đã thành đồng tro tàn, lập lòe vài đám lửa sắp lụi.

CÚ KÊU BA TIẾNG CÚ KÊU...

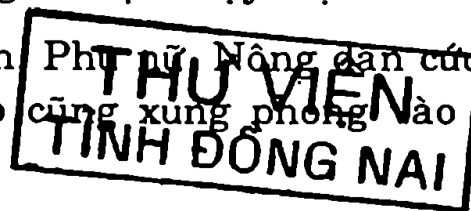
Khoảng mười giờ trưa ngày 23 tháng chạp hôm ấy, lũ trẻ chúng tôi náo nức đứng tai đón nghe tiếng pháo đưa ông Táo chầu trời. Với chúng tôi, đưa ông Táo có nghĩa là mùa Tết âm lịch, mùa chơi bời, đánh bài cắc-tê, mổ đáo tường, mặc quần áo mới, chạy lang thang thâu đêm suốt sáng không bị công việc và cha mẹ ràng buộc.

Trước mỗi nhà, một cây nêu bằng nguyên cây tre được trồng lên. Trên chót vót ngọn tre buộc gói bùa yểm quỷ ma vương không được “thăm” nhà trong dịp năm mới.

Chè xôi, gà luộc được bày ra mâm, bày trước bàn Thần Nông dưới gốc cây nêu. Cha tôi lâm râm khấn vái. Tôi và anh trai kể tôi cầm cây nhang, sẵn sàng châm vào dây pháo chuột. Dưới bếp, các chị và má tôi lo gói bánh tét, nấu nếp làm xôi ép... Nhiều trẻ con trong làng đã quần áo mới chạy thập thò khoe cùng tôi, xé lá chuối, thổi sáo miệng ra ám hiệu cho tôi chú ý đến bộ cánh Tết của nó. Hình như nhiều đứa còn được cha mẹ cạo trọc đầu cho có vẻ mới, cổ đeo chiếc nanh cạp hoặc chùm vỏ ốc biển, hột bo bo xanh đỏ.

Tuy nhiên, chú Từ Khâm cũng bước rất nhanh quanh con đường nhỏ khắp thôn xóm, bảo nhỏ: “Coi chừng, ăn Tết thì ăn Tết, nhưng phải sẵn sàng đồ đạc chạy loạn”.

Các hội Thanh niên Phụ nữ Nông dân cứu quốc cũng rậm rịt họp hành, người nào cũng xung phong.



cứu thương, dân quân. Cùng với cảnh gói bánh, may quần áo mới, là cảnh chặt tầm vông ram lửa, mài dao phát mía, dao phay, cuộn sẵn dây mũi trâu.

Đúng lúc cha tôi đội khăn đóng, áo dài cúi khom lâm râm khẩn vái, bỗng trên bầu trời một chiếc máy bay giặc cổ ngỗng từ sân bay Biên Hòa lao nghiêng lên hướng Phước Vĩnh lại quày trở lại, hạ thấp độ cao rà sát dòng sông Đồng Nai từ chợ Tân Uyên xẹt lên hướng Trị An...

Cả làng nhốn nháo. Các bà mẹ kêu réo trẻ con. Người già vung dao chặt cây chuối hột quăng ngang miệng hầm trú ẩn đào cấp tốc mấy hôm trước, chạy ra cổng hối thúc con cái tháo ách trâu bò đang cày bừa, vấp té bên các bờ ruộng vì mãi ngó theo chiếc máy bay cổ ngỗng. Đàng miếu, chú Từ Khâm thúc trống hồi một đến nôn ruột, diếc tai. Người nháy qua rào xách dao, mác, tầm vông vạt nhọn, bồ cào, chĩa ba, cán cuốc kêu nhau chạy ra đường, đến tập họp tại miếu chờ lệnh.

Ngoài con đường sát bờ sông, đội quân Vệ quốc của chú Tám Nghệ vác súng chạy rầm rập xuống phía chợ Tân Uyên. Người nào cũng mồ hôi ướt đầm áo. Người chạy cuối cùng lùn tịt, tay chân cuộn cuộn vác cả khẩu đại liên Hoóckít 13 ly 2. Đó là chú Phúc người Nhật trong đội quân thất trận của Nhật hoàng, đầu hàng chú Tám Nghệ. Mấy ngày trước, đêm nào ngày nào lũ chúng tôi cũng kéo đến miếu xem chú Phúc Nhật tập bắn súng, đi đứng, chào, tập họp... cho đội quân Vệ quốc của chú Tám Nghệ.

Khi cả nhà tôi ùm ùe chạy ra giữa cánh đồng, chỉ còn vài trăm thước nữa là đến bìa rừng, thì ai đó la lớn:

– Tàu Tây chạy tới.

Gần nghìn người đàn bà, trẻ con mang, gánh, lừa trâu, rượt bò bỗng dưng nằm lăn ra giữa cánh đồng khi súng máy từ chiếc tàu đen bắn như vãi trấu lên cánh rừng trước mặt. Trâu nghênh cổ, nghênh sừng, vông đuôi lên trời, tùm tùm lại như đánh hơi thấy thú dữ. Thế rồi đại bác từ chiếc tàu thứ hai đang tìm cách cập bến chợ Tân Uyên bắn lên. Đạn đại bác nổ ùng oàng giữa cánh đồng, dọc bờ sông, phạt đứt nhiều ngọn dừa, cây rừng. Bùn, nước bắn vọt lên cao, rơi lả tả xuống đầu dân làng.

Tôi và hai thằng bạn vùng chạy ra bờ sông, bò sát mép nước cốt nhìn kỹ được chiếc tàu đen đỏ bắn như điên lên bờ khiến cha mẹ, dân làng chúng tôi khốn đốn. Làm gì chúng bây giờ? Chúng tôi đưa mắt hỏi nhau trong khi đạn đại bác từ chiếc tàu thập thò ngang chợ Tân Uyên cứ thụt cạ nông lên khắp ven sông. Chiếc tàu trước mắt chúng tôi cứ chạy lên một đoạn, quăng ngang áp Vườn Vù bắn hàng loạt đạn lửa, lại giảm máy thụt lùi xuống, lại tăng máy chạy trở lên. Dọc boong tàu, hàng chục chiếc nón sắt đen bóng nhúc nhích, nhiều nòng súng gác lên thành ụ, phun lửa... Trên chiếc chuồng cu giữa tàu, thằng Tây đỏ rần như gà chọi la lối gì đó, chỉ trỏ lên chỗ chúng tôi...

Thế nào chúng cũng bắn mình. Chúng tôi bảo thế và vùng chạy dọc bờ sông, bỗng lọt xuống hầm giao thông ai đào sẵn. Có tiếng trợ trợ quát nhỏ:

– Lại đây, mấy thằng ôn dịch – Và họ lôi chúng tôi đến chỗ khẩu đại liên Hoóckít.

Chú Phúc Nhật đang quì mọp phía sau báng khẩu đại liên, mặt rờn rờn mồ hôi. Chú lau mồ hôi mặt, bảo chúng tôi bằng tiếng Nhật pha tiếng ta, mắt một mí xếch ngược lên dữ dội:

– Chạy vô rừng đi! Đánh nhau tới nơi rồi đấy. Chiến tranh, không phải chuyện chơi của chúng mày. Datônaycà. Nêkhôva arimátka.

Chú chỉ huy phát nhẹ lên lưng bọn tôi, chỉ tay lên cây sao cổ thụ giữa dốc chùa:

– Hai thằng tụi bây chạy lên vọng gác đó đó, biểu thằng Chó con ráng căng mắt ra mà quan sát hướng chợ Tân Uyên, cầu ông Hựu. Ngủ gật là chết mẹ cả đám. Còn chiếc tàu đen kia, để tụi tao lo.

Chú lại giữ tôi lại, biểu thêm:

– Chú em coi bộ nhanh chân hơn, bò ra doi đất kia, núp phía sau gò mối chỗ kia kìa, thấy không, quan sát chiếc tàu chó đẻ ấy. Hễ nó quay mũi định tấp vô đây, chú em la lên một tiếng cho mũi khẩu đại liên của cha nội Phúc Nhật này quay ra sông. Nhớ không?

Thế là bạn tôi chạy lên dốc Chùa. Tôi bò men theo giao thông hào ra sát mép nước sông Đồng Nai. Tôi run lên vì thích thú và sợ sệt. Từ cha sanh mẹ đẻ, tôi có làm cái chuyện kiểu này bao giờ đâu? Khi chiếc tàu từ từ quay lại, thằng Tây trắng trên chuồng cu la to, tay chỉ trở lên cây sao cổ thụ trên dốc Chùa, tôi hoảng quá chạy lại gần chú Phúc Nhật:

– Nó... Nó đẻ ý trạm gác trên dốc Chùa.

Đúng lúc ấy, vài loạt súng nổ đanh. Chú Phúc Nhật nhòem dậy, kêu thét một tiếng. Tôi nghe tiếng người thét trên cây sao cổ thụ và nghe tiếng người rớt xuống ngay mái chùa loảng xoảng ghê rợn.

Cậu bạn của tôi chạy nhào trở về, mặt tái xanh, vài vệt máu đỏ trên mặt chàng ta:

– Chúng giết chết chú gác rồi. Chúng bắn rụng chú ấy như trái mít ớt... – Thế rồi cậu bạn chặn trâu của tôi bung mặt khóc thét. Vệt máu của anh chiến sĩ trinh sát trên ngọn cây dầu cổ thụ loang đỏ mặt cậu ta.

Chú Phúc Nhật hát tôi và bạn tôi văng ra sau, rùn người như con rùa, mặt đỏ bầm, kê hai khúc sắt báng súng đại liên vào vai, quay nòng rất nhanh, rê rê đầu nòng súng theo hướng di chuyển của chiếc tàu đang tìm cách cập bờ ngay trận địa phục kích.

Khi chiếc tàu sắt cập gần bờ, lũ Pháp đứng xông lưng định nhảy lên bờ, tôi thấy lửa từ đầu nòng khẩu đại liên phun đỏ lòm...

Từ giây phút ấy, tôi chẳng thấy sợ nữa... Cho đến khi tôi tỉnh lại giữa khu rừng đại ngàn sau này là Chiến khu Đ, tôi cứ nghe thấy tiếng la của chú Phúc Nhật, tiếng chúng bạn kêu khóc ở dốc Chùa, tôi vẫn cứ thấy hình ảnh mấy thằng Tây nhảy dựng lên dưới boong tàu như đùa giỡn cùng sông nước...

Đã qua ngày đưa ông Táo chầu Trời. Giặc Pháp đã chiếm chợ Tân Uyên. Con sông Đồng Nai đỏ lòm, muốn qua lại, phải đợi lúc đêm xuống ôm chuối cây len len bơi theo dòng nước tanh tưởi, khét lẹt mùi dầu mỡ và khói thuốc súng. Xác người và cá nổi lênh bênh, nước lớn trôi lên, nước ròng trôi xuống...

Cú kêu ba tiếng cú kêu. Mau mau gùi bánh dựng nêu ăn chè... Lũ trẻ chúng tôi không còn háo hức chờ đợi ngày Tết như mấy ngày trước đó nữa. Chúng tôi cảm thấy mình đã lớn, già rất mau. Già ở tuổi mười lăm.

GIÃ BIỆT TUỔI THƠ

Trạm gác ở dốc chùa ông Mỗ thuộc xã Tân Hòa vẫn còn đó. Người này bị bắn rụng xuống mái chùa, người khác thay thế. Chú Tám Nghệ sợ người dân làng mất tinh thần, điều một đơn vị đóng quân ngay ngôi chùa ấy. Đó là đơn vị có chú Phúc Nhật và cây đại liên Hoóckít chúng tôi rất thích.

Khi tôi từ dốc Tổng Ngãi giáp bìa rừng chạy về, thì Tây đã đầy làng. Chúng từ tàu đen đổ lên, từ cầu ông Hựu đánh lạc hướng quân ta, vòng sâu vô Đất Cuộc, vòng ra bao vây làng Tân Hòa có trận địa của chú Phúc Nhật. Khi chạy ngang dốc Tổng Ngãi, tôi còn thấy chú Tám Nghệ cầm súng lục đứng dưới gốc cây trắc cổ thụ, bắc ống dòm quan sát phía chợ Tân Uyên đỏ lửa.

Từ đầu làng tới cuối làng, lửa đỏ trời. Xe Jeep nhảy cà xôm đầy đồng ruộng giáp bìa rừng. Dưới sông, ba chiếc tàu nổ máy xình xịch, chốc chốc lại bắn vãi đạn lên bờ. Chỗ nào cũng có tiếng Tây chửi bới, la hét, súng nổ ù ù ù. Đàn bà, con gái bị chúng rượt bắt, giằng kéo, kêu hét dậy trời... Nhiều người lủi vô mía đám, chui xuống bờ sông, trèo cây, chui hầm bí mật. Tụi Tây phục kích sẵn từ bên kia bờ sông, chỉ điểm cho bọn bên này nã đại liên sang.

Nước con sông Đồng Nai đỏ ngầu máu. Nhiều người từ những đám mía cháy chạy ra, khắp người phừng phừng như bó đuốc, làm bia cho chúng thi nhau bắn. Tôi dậy vội nấp hầm cho

một anh cán bộ Việt Minh huyện, vừa trở ra thì có tiếng lơ lơ bên tai:

– Theo tao, thằng nhỏ...

Thằng Tây trắng sứ môi nắm áo tôi kéo xénh qua cánh đồng đến nhà Hai Khinh. Nhà Hai Khinh đầy nghẹt người, vang động tiếng búa, tiếng cưa, tiếng dũa từ trên ngọn rớt xuống bình bịch và tiếng Tây cười hô hố, quát tháo: “Dỡ nhà này về xây bót”.

Thằng Tây sứ môi quăng tôi vào giữa đám đông nhậy nhựa. Lưng, bụng, mặt mũi người nào cũng nhậy nhựa, lẫn ngang lẫn dọc. Chúng bắt kẻ nấu cơm, người dâng nước, trèo lên nóc nhà hạ xuống tất cả, khiêng cả vách thờ ra hai chiếc xe GMC.

Khi triệt hạ xong dinh cơ Hai Khinh, trừ những người bị thương nặng, tàn tật, trẻ con lên năm, lên bảy, còn thì bị lừa lên xe tất. Giầy giụa, chửi bới, lạy lục, xin xỏ, hối lộ. Nhiều người bị chúng động báng súng vào ngực, đập té bò giữa ruộng khô, mép rừng. Lần đầu tiên tôi và bà con chung quanh khóc, không hẳn khóc vì sợ Tây, sợ chết, tiếc nuôi nhà cửa, tài sản. Mà vì lần đầu tiên trong đời tôi thấy mình là một con vật trong tay chúng, mình không còn chút quyền hành nào của mình, của một con người. Đó là lần đầu tiên tôi xa quê hương giữa lúc hai chân tôi còn đứng trên mảnh đất quê hương.

Ba chiếc xe GMC chở đầy cây, gỗ, lúa thóc, đường, đậu và người dân làng tôi nổ máy âm ỉ, nghiêng bánh xuống con đường làng mà như nghiêng tan nát tim óc chúng tôi. Từ dốc chùa ông Mõ, ngày nào cũng vang ngân đều đặn tiếng chuông, tiếng mõ công phu vào lúc gà gáy canh tư, xóm Đền, cầu Gõ có mấy lò than chúng tôi ngày ngày đi học ngang qua... Thế là từ nay, vĩnh biệt!

Chiếc GMC đột ngột dừng lại. Chúng tôi vùng dậy, tưởng có đảng mình phục kích. Nào ngờ, cái lá cờ tam tài hiện lù lù giữa sân nhà giam lúc nhúc người.

Để nguyên dây trời, chúng đá, đập, quăng chúng tôi xuống đất như quăng heo, tuôn cây. Như một bầy heo bị quăng vô lò thịt. Tôi liếc mắt nhìn kỹ bà con lúc đó. Chẳng ai khóc than, xin xỏ như lúc bị quăng lên xe. Chắc họ cũng cùng tâm trạng lúc ấy như tôi: Cái chết đã hiển hiện trước mắt rồi. Phải chọn một cái chết cho ngon. Đó là vào những lúc bà con dân làng thường nói với nhau gặp lúc nguy hiểm: “Làm tới đi bà con. Đảng nào rồi cuối cùng cũng một lần chết. Có ai lột da sống đời bao giờ? Khóc than lạy lạy, nó cũng giết kia mà? Chết hèn là chết hai lần, con cháu về sau cũng bị chết lây”.

Trong cái nhà giam nhỏ xíu, chúng nhốt hơn ba trăm con người các xã lân cận... Chật như nêm cối. Chật đến mức nửa đêm có con bò cạp trên trần nhà rớt xuống, mặc sức chích người này người khác, không còn chỗ cựa quậy để tránh hoặc bắt giết nó.

Đúng mười hai giờ khuya đêm đầu tiên, thằng Tây lại mở cửa khám xộc vào, bấm đèn pin dẫn chú Tư hột vịt lộn ra đi. “Mày bán hột vịt lộn tiếp tế cho Vệ quốc đoàn đánh chúng tao...”. Con dao găm trong tay nó liếc qua liếc lại trước cổ chú Tư. Cửa bốt đóng sầm lại. Nửa tiếng đồng hồ sau, thằng Tây lại trở về có một mình, không có chú Tư hột vịt lộn. Nó chống nạnh nhìn chúng tôi thị oai rồi trật chiếc mũ calô bằng kaki vàng, chùi hai mép con dao đỏ máu vào đó. Nó cười khe khẽ, giọng lơ lơ:

– Phan Văn Vịt, chỉ còn có vậy thôi – Nó chỉ hai vệt máu tươi in hình con dao găm trên chiếc mũ calô.

Chúng tôi nhìn nó và nhìn nhau, rùng mình.

Phòng giam ngày càng chật sau mỗi trận chúng đi ruộng bố. Nếu một người run là cả trại giam run theo. Thằng quan hai Tây lại nhe răng cười, hươ hươ con dao găm trước mặt chúng tôi rồi mới bước ra, đóng sầm cửa lại.

Từ đó, mỗi lần nó xuất hiện đúng mười hai giờ khuya giữa cửa bốt là một người trong chúng tôi bị lôi đi. Và nửa giờ sau, nó lại trở lại có một mình, liếc con dao găm đỏ tươi máu trên chiếc mũ calô bằng vải kaki vàng.

Trong số dân làng bị bắt, hình như chỉ có tôi là nhỏ tuổi nhất. Thằng Tây lại thường gọi tôi là học trò con “Poti elevor”. Lợi dụng tuổi nhỏ, tôi lén ra ngoài phòng giam đi kiếm nước, thức ăn thừa ở nhà bếp mang về cho bà con. Có khi, tôi lân la ra tận bờ tường gần đường cái, nhặt bánh trái, xôi, cơm gói của người nhà tù nhân quăng hú họa vào.

Sáng ngày thứ mười lăm từ ngày bị bắt, tôi vẫn lang thang sát bờ tường gần đường cái, bỗng nghe tiếng gọi “Chín ơi...” khiến tôi run bắn. Tôi liếc nhìn bốn chung quanh: Chỉ có lính thân binh và lính Tây trắng, Tây đen. Vậy ai gọi tôi? Tôi vừa quay đi, bỗng tiếng gọi “Chín ơi” lại vang lên, lần nay nghe rõ hơn và quen lắm. Liên sau đó, một gói cơm bằng mo cau từ ngoài đường lao vòng cầu rớt dưới chân tường. Như con chim bói cá, tôi lao xuống xốt gói cơm ôm chặt vào ngực, bỗng lời lẽ của má tôi từ ngoài chân tường bay vào rành rọt: “Chín ơi, ráng chịu đau nghe con. Khai là nó giết chết anh Năm, anh Bảy con cũng bị nhốt trong này. Ráng sống nghe Chín...”.

Trời, lời lẽ của má tôi, tôi không thể nào nhầm lẫn được. Tôi choáng váng, đứng đó ôm gói cơm trong tay, run bần bật. Anh Năm, anh Bảy tôi cũng bị bắt, bị nhốt trong này sao? Phải chỉ chúng chỉ giam, chỉ đánh đập có mỗi mình tôi? Anh Tám, anh Tư tôi cũng đã bị bắt, bị giam cầm ở Biên Hòa gần tháng

trời rồi. Giờ thì tôi, anh Năm, anh Bảy tôi bị giam ở đây. Nhà cửa bị đốt sạch. Trâu bò, đường, lúa... bị đốt thành tro, bị chúng cướp đi cả. Làm sao cha, má tôi chịu đựng được nỗi đau đớn này? Mà thằng Tây lai quan hai thì đêm nào cũng xuất hiện đúng 12 giờ khuya, con dao găm đỏ máu... Nhớ lại hình ảnh ghê rợn ấy, hai chân tôi bỗng khụy xuống chân tường. Mấy hôm trước, khi má tôi không xuất hiện quanh đây, khi không biết tin anh Năm, anh Bảy tôi bị giam ở đây, cảnh con dao găm đỏ máu trong tay thằng Tây lai cũng không làm tôi hoảng hốt đến thế này. Thế mà sáng hôm nay...

Tôi lần mò theo tường các phòng giam, cố gọi khê tên anh Năm, anh Bảy tôi... Đến một khúc quanh, bỗng có một bàn tay đỏ máu từ bậu cửa phòng giam thò ra, một bàn tay trơ gân, đỏ lòm máu:

– Chín, tao đây...

Tôi lao xuống ôm chầm lấy bàn tay trơ gân của anh Năm. Từ bên trong, tiếng anh Năm khò khè như đang hấp hối:

– Anh Bảy mày ở phòng số 8... Thế nào nó cũng giết tao... Nói với cha, má... tao, tao...

Tiếng nấc nghẹn của anh khiến tôi chết điếng, luồn tay vào bên trong mong sao sờ được mặt anh, người anh...

– Ê, poti êlevơ... Làm cái gì đấy... – Thằng Tây lai tóm gáy tôi lôi đi.

Tôi vùng vẫy, tôi la thét như hóa điên. May sao, ông Tư Càng, ông Hai Thố chèo đò chạy đến lạy thằng quan hai Tây lai, lôi tôi vô nhà giam.

– Đừng có liều mạng, nhỏ. Sống được người nào, phải ráng sống. Không được liều mạng.

Tôi tỉnh lại, ngược nhìn chòm râu bạc của ông già chèo đò đâm đìa nước mắt... Đừng có dại, con. Nó muốn mình chết, mình đừng có dại mà chết cho nó khoái. Ra khỏi được chỗ này, theo chú Tám Nghệ mặc sức vẫy vùng...

Tôi đang nghe ông nói, tôi nhìn chòm râu bạc của ông như trông thấy được cả con sông Đồng Nai trong vắt vào mùa tháng giêng. Bỗng có tiếng kêu thét bật tôi dậy:

– Tụi bây cứ giết tao tại chỗ này, tao không sợ đâu...

Tiếng kêu của anh Năm tôi. Tiếng cười khềnh khệch của thằng Tây lai. Tiếng người điên trong góc khám hôi hám: “Đúng mười hai giờ...”.

Tôi chạy lao theo anh Năm. Đằng sau tôi, ông già chèo đò và ông Tư Càng chạy theo. Tôi bị hai người ngáng chân té lăn quay, bất tỉnh.

... Không biết bao lâu, tôi bỗng nghe tiếng cười của thằng Tây lai ngoài cửa bót. Tôi vùng chạy lao ra. Nó đứng dang hai chân giữa cửa bót, đưa con dao găm đỏ máu trước mặt tôi. Lúc đó, tôi bất chấp cái chết. Đúng hơn là tôi quên hẳn trên đời này có cái chuyện chết. Thằng Tây lai quắc mắt nhìn tôi, trở sống dao găm đỏ máu anh Năm tôi khứa khứa vào cổ tôi. Tôi không hề biết có chuyện đó. Nói như người dân quê tôi thường nói vào giờ phút ấy: “Làm tới đi! Có thằng nào lột da sống đời đâu? Đừng để phải chết đến hai, ba lần trong đời vì hèn nhát...”.

– Anh Năm tao đâu?

Nó nhìn tôi trừng trừng vì ngạc nhiên. Chắc nó cũng không nghĩ rằng trên đời này lại có cái chuyện kỳ quặc như vậy. Nó ngửa cổ nhìn tôi một lúc. Bọn lính chung quanh lên cò súng lách cách.

– Anh Năm mày há, thằng nhỏ? Đây, anh Năm Việt Minh của mày đây – Nó giơ con dao găm trước mặt tôi. Trời, máu của anh Năm.

– Anh Năm ơi!... – Tôi húc đầu vào bụng thằng Tây lai và lăn đùng ra giữa sân khám vì nhiều báng súng giáng xuống người...

Người điên trong góc khám lại cười sằng sặc, lại ngêu ngao ai oán:

– Đúng mười hai giờ đêm...

THẾ LÀ RA ĐI

– Má ơi, má đứng chỗ này chờ con – Tôi thì thầm vào tai má dặn má đứng chờ tại gốc cây sao cổ thụ gần đầu cầu.

Đêm tối như bưng, ngựa bàn tay không trông thấy. Sờ soạng giữa đám đất đầy người chết, tôi lần tìm anh Năm tôi. Ruồi, nhặng bay vù lên, mùi thối nồng nặc, nhớp nhúa... Cuối cùng, tôi tìm được anh. Cổ anh bị con dao găm của thằng Tây lai cắt gần đứt. Tôi cắn răng nâng anh vào chiếc vồng bố...

Đêm ấy, trên con đường làng từ bãi giết người về làng, tôi một đầu vồng, má tôi một đầu vồng, im lặng. Sợ má ngất xỉu vì nhìn anh, nhìn cái cổ lặc lìa của anh theo nhịp vồng, tôi khiêng phía sau. Đằng cửa bót, lúc đó bỗng có tiếng súng, tiếng ô tô hú. Hình như tôi vẫn còn nghe được tiếng cười, lời ai oán của người điên trong góc khám:

– Mười hai giờ đêm...

Con đường đá xanh gồ ghề, dòng sông rì rầm, tiếng chim rừng nháo nhác, có lẽ tới đêm ấy mới thật sự khắc sâu vào tâm khảm.

Chiếc vồng vừa đặt xuống nền nhà, cha tôi vùng dậy rất nhanh, bước tới chỗ anh Năm, lần tay sờ vào cổ anh. Ông đưa năm ngón tay đỏ máu trước mặt, kêu lớn:

– Tôi không sống được nữa. Con tôi chín tháng cưu mang mười năm dưỡng dục, không dám đánh một roi. Vậy mà... tôi không giữ được con tôi... Nhục...

Thế rồi, ông lăn ra bên anh Năm bất tỉnh, không ăn, không uống, không nói.

Đêm hôm đó, số bà con dân làng còn lẫn trốn ở lại kéo đến phụ đào huyết, đóng quan tài cho anh Năm. Má tôi nằm lăn bên anh, quì sụp bên cha tôi, cầu xin ông hãy ráng sống với má, với mấy đứa con còn đang bị giam giữ... Bộ đội chú Tám Nghệ, dân quân du kích kẻ canh gác, người phụ đào huyết, đóng quan tài cho đến gà gáy sáng.

Khi chiếc quan tài anh Năm được du kích và bộ đội đặt xuống huyết, trong nhà cha tôi sùi bọt mép, ú ớ, nước mắt dẫm mặt...

Vừa chôn cất anh Năm xong, tôi lạy má tôi ba lạy báo hiếu, xin má từ nay cho tôi theo kháng chiến. Sống thế này, không sống được.

NGƯỜI GIỮ MIẾU

Quanh cách sống, hành động của chú Từ Khâm giữ miếu, người ta thêu dệt thành huyền thoại. Khi vui, khi buồn, lúc hoạn nạn, lúc vinh thăng... người ta đều đem chuyện của chú ra đàm luận.

Khi tôi lớn lên trên bờ sông Đồng Nai, câu chuyện về chú đã nổi như cồn rồi. Và ngày ngày, tôi vẫn gặp chú ở khắp nơi: ngoài đồng ruộng, trong rừng, ngay trong miếu những đêm trăng... Và lần cuối cùng khi tôi ra đi kháng chiến, là lần chia tay với chú trong nhà tù.

... Một đêm trăng, dân làng đang say ngủ, bỗng nghe tiếng trống hồi một vang động. Mọi người nhón nháo tưởng đám cướp của ông Chín Quì tót quần đánh nhà giàu nào đó. Khi chúng tôi gậy gộc chạy đến miếu, thấy chú vẫn nằm ngủ, ngáy ồ ồ. Ngoài sân miếu, ông cả Điếc nháy cà xôm, hai tay bụm díт quần, chửi bới chú không tiếc lời.

Hỏi ra mới biết: Đạo ấy, cả Điếc cùng quan làng, lính quận thường sục sạo khắp cánh rừng, bụi rậm ven sông, chùa chiền, miếu mạo để tìm bắt Cộng sản, bắt rượu lậu. Đêm ấy, chú Từ Khâm lấy dầu chai ở mấy chục cây dầu quanh sân miếu, đem nấu trong chảo. Dầu sôi sùng sục, khói nghi ngút... Cả Điếc dẫn mấy tay chân mò đến, tra hỏi chú nấu gì đấy. Chú bảo nấu dầu chai. Không tin, cả Điếc lại hạch hỏi:

– Nấu dầu chai để làm gì vào lúc này?

– Để trét ghe.

– Trét ghe để làm gì lúc này?

– Để chạy lẹ khi bị chó rượt. Ông cả có muốn chạy nhanh hơn Cộng sản, nhanh hơn ông tướng cướp Chín Quì không?

– Sao lại không muốn? Mà có cách chi?

– Quay đít lại đây... Vọt nhanh như chớp.

Không tin, nhưng lại tham, cả Điếc quay đít lại. Chẳng ngờ chú Từ Khâm nhúng chổi vào chảo dầu sôi, quét ngang qua đít cả Điếc. Vài vệt dầu chai văng vô đít cả Điếc. Lão kêu rú; hai tay ôm đít quần vọt như tên bắn... Máy tên lính làng hoảng tam tinh, rủ nhau lủi thẳng...

Khi chúng tôi chạy đến, cả Điếc đã quay lại, nhưng nhìn thấy chú Từ Khâm nằm ngủ bên chảo dầu đang sôi sùng sục, chỉ dám thụt thò bên ngoài, chửi bới...

Lại một lần khác, vào buổi chiều, có hai chú ba Tàu khiêng một con heo hàng tạ đến bến đò, đợi qua sông. Bến đò nằm ngay bến miếu.

Chú Từ Khâm đang múc nước sông quậy cơm nguội cúng Thần trong miếu. Hai chú ba Tàu mập ú cứ hỏi chuyện này chuyện nọ, lại chê chú không biết tu hành, không chịu khó nấu cơm nóng canh sốt, đốt hương cúng Trời Phật. Chú chẳng nói gì, lấy làm khó chịu lắm. Mặc hai chú ba Tàu ngồi tréo giò khoe tài, lên giọng đạo đức, chú luôn ra sau lén mở dây trói heo. Con heo giương mắt nhìn chú, nghi ngờ và căm ớn một lúc rồi ù té chạy thẳng vào vườn, kêu eng éc.

Hai chú ba Tàu hoảng hốt rượt theo, kêu trời kêu đất rằng thế là mất đứt vốn hàng tháng trời làm ăn, đổ mồ hôi sôi nước mắt. Chú Từ Khâm chỉ ngồi gãi ghẻ ở đầu gối, tùm tùm.

Trời sắp tối, đò sắp qua chuyến cuối cùng, đường còn xa. Hai chú ba Tàu đoán biết kẻ đã “giải thoát” con heo của họ, cảm lắm, nhưng không tang chúng, đành xuống nước: Họ nhờ chú tìm bắt giùm con heo. Chú lên mặt:

– Trả công bao nhiêu?

– Một phần sáu tiền con heo.

– Không. Thà để mất sạch, tốt hơn.

– Một phần năm...

– Phần tư, lời cuối cùng. Nếu không, mạnh heo heo đi, mạnh chú chú đông.

Nhận tiền xong, chú phát tay một cái, hai chú ba Tàu chạy đến bụi rậm tóm lấy con heo đã bị chú trói sẵn để đấy. Người dân làng tôi bảo rằng đây là lần thứ mười chú đã thu được tiền heo trời cho như thế, chú trích một phần mua hương nhang cúng Phật, phần tiền còn lại, chú mua đèn miếu chiếc mõ mới. Chiếc mõ cũ chú đã đập bể nát trong lúc vui đùa cùng lũ trẻ chúng tôi. Tuy tính tình kỳ cục vậy, nhưng Trời Phật rất thương chú – dân làng tôi bảo thế. Vì quanh năm suốt tháng, chú chỉ đóng một chiếc quần xà lỏn, đầu trọc lóc, da mốc cời, gập đầu ăn đó, cơm gạo công quả dành cúng chùa, chú đem nấu cho chúng tôi ăn sạch. Còn chú, chú chỉ liếm láp gọi là xôi, chè, chuối, gà luộc của dân làng cúng bàn vọng thiên ngoài sân nhà. Nhà nào cũng biết mười mười là chú ăn các thứ đó nhưng họ vui vẻ bỏ qua, coi như Trời Phật hưởng, ma vương quỷ sứ, thần trùng ăn, vậy thôi.

Những nhà giàu trong làng ngán chú, ghét chú, nhưng không muốn đương đầu với chú để chịu thua và mang tiếng cười cho thiên hạ.

Nhà cả Diếc có đám cưới rất lớn. Phải nấu nướng cả ngoài hè nhà, quanh sân vườn. Chú tha thần quanh hàng rào gai

xương rồng, tay lăm le cây chĩa nhọn, cứ nhằm những đùi heo quay, heo hầm, những con vịt luộc gà luộc béo ngậy luồn chĩa ba đâm rất nhanh từ từ rút qua hàng rào... Hàng chục con vịt, gà luộc như thế. Chú gọi chúng tôi đến sân miếu khi trăng lên, ngửa cổ cười ha hả, bàn tay lưỡi xẻng cào cào cái đầu trọc tếu:

– Ăn đi tội bây, của thiên trả địa. Nhà cha nội cả Đיעc, chú cháu tội mình ăn trăm năm cũng không hết.

Một lần vào mùa tháng bảy nước nhảy lên bờ như dân làng tôi thường nói, trâu bò, cá ếc quạ từ trên thượng nguồn bị nước lũ đập vào đá hàn chết nhiều lắm. Tôi thấy chú Từ Khâm bơi chiếc xuồng ba lá rượt theo xác con trâu trương phềnh giữa sông, xẻo thịt đầy nửa xuồng. Mang chỗ thịt trâu thúi ấy lên sau miếu, chú xắt thành lát, ướp sả đem phơi nắng thành khô trâu. Lúc chú xẻ thịt trâu, cả Đיעc nguyên rửa chú, đi qua đi lại, bịt mũi khạc nhổ:

– Đồ kên kên quạ quạ. Đồ ăn thịt thúi, lại làm bộ cúng vái Trời Phật...

Chú im lặng làm, chẳng nói chẳng rằng. Tháng sau đến ngày lễ Kỳ yên, chú đem chỗ khô thúi ấy đem bán cho dân làng, lại đem đến nhà cả Đיעc mấy miếng thơm phức, bôi nước tương ớt, khúm núm trước thềm nhà:

– Dạ, nhưn ngày Kỳ yên, tui đem biếu cả ít khô nai. Nai tơ xứ Đồng Nai khoai với củ, cả nhắm rượu, sống dai trường thọ cho dân làng núp bóng...

Cả Đיעc hếch mũi đánh hơi, rót rượu nhâm nhi, gật gù khen:

– Có dịp, mày làm cho tao vài trăm miếng kiểu này, tao biếu quan huyện, quan chánh chủ tỉnh nhậu lấy thảo...

Chú xá mấy xá, nói:

– Dạ thưa cả, cái đó con không dám hứa. Vì phải đợi đến mùa tháng bảy mới có trâu bò chết trôi sình trương lên... Xin cả và quan huyện, quan chánh chủ tỉnh tha cho...

Cả Đיעc moi họng cho ói ra chất khô nai “quê nhà”, rút súng hai nòng bẻ cúp, nhét đạn. Nhưng, chú Từ Khâm chỉ đợi có vậy, là co giò phóng thẳng, tay cào cào cái đầu trọc tếu, kêu to một cách khoái trá cả làng đều nghe:

– Gấყ ghên, cả Đיעc ăn thịt thúi của Từ Khâm.

Câu nói đầu lưỡi của chú Từ Khâm là hai tiếng “Gấყ ghên”. Trước khi động chuông, gõ mõ cúng Phật, cũng hét tương: Gấყ ghên. Bị ai đó rượt đánh, cũng: Gấყ ghên. Vui tốt đình cũng: Gấყ ghên. Buồn thối ruột cũng: Gấყ ghên. Tiếng gấყ ghên của chú trở thành tín hiệu cho cả dân làng thức dậy chuẩn bị ra đồng, thu xếp đồ đạc khi nước con sông Đồng Nai bắt thần tràn lên bờ, hoặc một nhà nào đó bốc cháy, chú hét to: Gấყ ghên, tối nay, vui lắm.

Những ngày đen tối của năm 44, 45, Tây, lính mã tà kéo về làng đầy trời. Chúng bắn súng xua dân làng tập họp càn rừng Mỹ Lộc, Tân Hòa lùng bắt Cộng sản, bắt tương cướp Chín Quì. Đêm đêm hễ nghe hai tiếng gấყ ghên của chú ở đâu, y như là có Tây phục kích gần đó.

Một đêm súng bắn khắp nơi, Tây chạy rầm rập. Dân làng truyền nhau: “Tụi Tây chó đẻ đã bắt được ông tương cướp Chín Quì”.

Chúng tôi chạy lao đến miếu của chú Từ Khâm. Chú trợn mắt ra hiệu ngầm: Chớ có ra sau miếu. Vậy là chúng tôi đã hiểu. Giữa chúng tôi và chú, có sự thông cảm sâu sắc, chẳng cần phải nhiều lời. Tụi Tây xách súng từ trong miếu tràn ra, vòng phía hậu liêu, xộc xuống bến đò..., chửi bới:

– Nó mới chạy vô đây rõ ràng. Dù sao cũng là người, đâu phải ma.

Và khi chúng đã rút lên phía trên làng Đa Lộc, chỗ chú Liễn thường hội họp, tôi rón rén lần ra sau hậu liêu. Dưới ánh trăng bàng bạc, tôi chỉ thấy nhiều cây chuối trắng trắng, gió đung đưa tàu lá. Bỗng một cây chuối từ từ cong lại, cái gốc ngóc cao, cái ngọn cụp xuống đất... Trời, đó là lần đầu tiên tôi trông thấy chú Chín Quì tướng cướp, cả Tây, Nhật đều không sao bắt được. Giữa vườn chuối đêm trăng ấy, chú Chín Quì chỉ là một cây chuối. Còn chú Từ Khâm, chú đảo một vòng quanh chùa, la to: Gãy ghen, đông mẹ nó hết rồi.

Thế là chú Từ Khâm và chú Chín Quì, hai người vò đầu lủ chúng tôi.

– Thấy đâu để đó hả, hó hé là dứt đầu.

Ông tướng cướp Chín Quì hai tay cầm hai cây súng hai nòng, lưng dắt chiếc dao sáng choang, tóc rối bù, đầu vuông và người cũng vuông. Từ đó, chúng tôi càng mến chú Từ Khâm, hẹn nhau âm thầm bảo vệ chú nếu chú bị ai đó đánh lén, bắt bớ.

Những ngày sau đó, Tây càng tràn về làng tôi đông hơn. Cả Địch cùng tay chân, lính quận thường trà trộn trong đám trẻ chúng tôi, dò tin, cười cợt, mắt la mày liếng. Nhiều cuộc càn rừng lũng bắt Cộng sản và tướng cướp Chín Quì xảy ra. Có khi, chúng huy động hàng ngàn dân làng, tất nhiên là có cả chú Từ Khâm. Hình như chú hăng hái nhất trong vụ này. Người dân làng tôi gậy gộc, dao mác dàn hàng ngang càn rừng, phía sau là Tây, lính mã tà, lính quận súng tuốt lê hò hét đốc thúc. Nhưng, lũ trẻ chúng tôi để ý thấy nhiều người dân vẫn cứ lén lút nhét trong người gạo cơm... Qua một cánh rừng, số gạo, cơm ấy biến mất. Đêm đêm, sau những cuộc vây càn, dân làng thì thăm nhau ngoài đồng: Họ nhìn thấy ông tướng cướp Chín Quì nấp

dưới hố, họ cào lá úa tấp lên cho ông, bỏ gạo, cơm vất lại cho ông và đạo quân của ông. Có một lần họ còn trông thấy hẳn hai chú Từ Khâm và tướng cướp Chín Quì nói gì với nhau rất nhanh, rồi mạnh ai nấy đi.

Một buổi sáng, khi tôi cưỡi trâu về ngang miếu, bỗng nghe tiếng rên rĩ, tiếng bình bịch dữ dội trong hậu liêu. Tôi tuột xuống lưng trâu, chạy vào. Thằng Tây cao lớn ngáng chân tôi té sấp, trở tỵ:

– Đi đâu, thằng nhỏ? Cộng sản con nít hả?

Tôi thụt lùi, rón rén quanh hậu liêu: Trời, hàng trăm dân làng bị trói quặt, bị đánh đập hết sức kinh khủng. Người nào cũng máu mủ đỏ mặt. Tôi queo ra sau miếu, bỗng nghe tiếng “Gãy ghên” nho nhỏ, quyết liệt. Tôi lén nhìn vào chỗ có tiếng gãy ghên hết sức thân thuộc: Chú Từ Khâm bị trói hai tay, mặt mày bầm tím, ngực còn in nhiều dấu giày đinh. Trước mặt chú là thằng Tây lai sau này làm sếp bót Cây Đào. Nó lẩn lẩn điều thuốc ở khoe miệng, hát hàm:

– Mày núp bóng Trời Phật làm Cộng sản hồi nào?

– Gãy ghên, cái thứ khố rách áo ôm như tui mà làm được cộng sản sao? Đâu có làm được, sếp.

– Tại sao mày nói “Dấy lên” để xách động dân làng?

– Đâu có. Tôi khoái hai tiếng gãy ghên lắm. Thích nói thì nói vậy thôi.

– Câm miệng. Gãy ghên tức là Dấy lên, khẩu hiệu kêu gọi làm phản của tụi cộng sản Hóc Môn, Vườn Trầu, Tân Triều, tao còn lạ gì.

– Cái đó thì tui không biết thiệt tình. Cả làng này, từ đứa con nít đến ông bà già kể miệng lỗ, đều mê hai tiếng gậy ghên của tui. Nếu vậy, tất cả họ đều là Cộng sản hay sao, sếp?

Thế là thằng Tây lại lao vào đấm đá Từ Khâm đến khi chú ngã quỵ xuống nền miếu.

Trong lần bị bắt, bắt giam chung với tôi, chúng nó dụ dỗ chú làm lính cho chúng. Và, chú nhận: Gậy ghên, làm lính chơi bời cho vui, động bớ thừa sữa cặn. Chú bảo vậy. Sau này tôi mới biết: Lúc ấy, chú đã nhận được mật lệnh của chú Tám Nghệ: Làm nội ứng cho ta chờ ngày hốt cái đồn ấy.

Chỉ sáu tháng sau, chú Từ Khâm đã đưa ra chiến khu gần chục khẩu súng, nhiều đạn dược, cứu nhiều cán bộ, bộ đội ta bị bắt. Cuối cùng, bị lộ, chú kéo cả tiểu đội võ trang tới rừng nhả vô chiến khu. Gậy ghên, lộ rồi. Chú cười hề hề, cào cào cái đầu trọc tếu, bảo thế khi cùng tiểu đội lọt vô tới bìa rừng xã Mỹ Lộc. Lúc ấy, chú tướng cướp Chín Quì là người giúp việc đắc lực cho chú Tám Nghệ về mặt hậu cần, xây dựng Chiến khu Đ sau này. Ông ấy vào Đảng Cộng sản từ năm 43, 44 gì đó, chú Từ Khâm bảo thế.

XÚ TÔI

Thuở ấy, làng tôi có nhiều người điên, khùng, nói nhịu lắm. Lũ trẻ chúng tôi tha hồ chọc ghẹo họ đủ thứ. Bây giờ nghĩ lại, thấy thương họ nhiều, nhưng đã muộn rồi!

Đêm đêm, đang ngủ say giữa đồng bãi mía khô hoặc đồng rơm, giữa sân miếu của chú Từ Khâm, bỗng có tiếng cười hơ hớ ngoài đường, dọc bờ sông. Đó là chú Bảy Hơn điên. Chú lớn hơn tôi độ chục tuổi gì đó, suốt ngày dính trên lưng trâu của người anh thứ hai. Đàn trâu gần chục con, một mình chú coi giữ. Suốt ngày, chú chỉ một chiếc quần đùi rách te tua, tóc cháy quăn, răng sứt, hở môi, nhểu nhão tận rốn... Chúng tôi dụ chú coi giữ giùm trâu bằng vài trái xoài, vài khúc mía. Trời nắng chang chang hay mưa tầm tã, chú một mình coi giữ đàn trâu của chú và cả đàn trâu của lũ chúng tôi. Trâu nằm vũng, chú cũng nằm lẫn dưới bùn, chỉ có đôi mắt là còn háp háy. Chú trèo lên lưng con trâu đầy bùn, tìm cách bắt vài con ruồi bỏ vào lỗ tai nghe nó quạt cánh o o, cất tiếng cười hơ hớ, nói lảm nhảm gì đó... Người lớn, có khi cả những chị đàn bà lớn tuổi tình nghịch hỏi:

– Máy giờ rồi chú Bảy Hơn?

Thế là chú tuột xuống lưng trâu, vạch quần tồ hô, đáp:

– Mười hai giờ – Lại trèo lên lưng trâu.

Chú rất thích quần áo trẻ con sặc sỡ, áo dài đàn bà. Đêm đêm, chú rình mò những nhà có áo dài màu đỏ, hoặc quần áo trẻ con nhiều màu. Một lần, chú lén vào nhà lấy được cái áo dài

của chị Năm Cự, trông vào người, nhảy lên lưng trâu, hát nghêu ngao. Chị Năm Cự rượt theo đòi lại, chú nhảy xuống lưng trâu chạy như bay; vạt áo dài phất gió căng phồng, một đoạn đã rách nát. Chị Năm Cự ôm mặt khóc.

Vào một mùa mưa lê thê, chúng tôi chạy nhảy, lăn ra trên đồng ruộng lênh láng nước, có chú Bảy Hớn điên và con Theo khùng. Con Theo là người Châu Ro, do ông Tư đem về làm con nuôi, cho coi trâu. Nó có hai con mắt như mắt mèo rừng, người mập mạp. Nó ngớ ngẩn, nhớ trước quên sau, bảo làm gì cũng làm. Năm ấy, con Theo đã mười bốn mười lăm tuổi đầu rồi, suốt ngày chỉ bộ quần áo rách nát, hở cả thân thể. Nó chẳng biết xấu hổ là gì. Nó với chú Bảy Hớn điên là niềm vui của chúng tôi, chúng tôi tha hồ xúi giục sai bảo: lừa trâu, nhảy xuống sông bơi ra tận giữa dòng xô xác người chết trôi ra xa, bẻ trộm bưởi nhà cả Điếc...

... Chúng tôi đá banh bằng trái bưởi trên thửa ruộng nước đầu mùa mưa. Chú Bảy Hớn và con Theo cũng được phân vai cầu thủ. Đang say sưa, bỗng nghe con Theo la lớn gì đó. Chúng tôi chạy lại, trông thấy chú Bảy Hớn điên đang dè lên người con Theo khùng, cả hai trần truồng... Chúng tôi trở mắt nhìn nhau, đổ mặt và lẩn tránh.

Đêm ấy, chú Từ Khâm giải thích hiện tượng ấy như sau: Dù là điên khùng, hễ động đến cái giống đực, giống cái là y như có... cái chuyện ấy xảy ra. Người điên trong chú Bảy Hớn tỉnh lại lần thứ nhất trong đời như thế là do ý muốn được làm cha, được làm người. Còn con Theo khùng, đã mười bốn, mười lăm rồi còn gì. Khùng, cũng muốn làm mẹ, được làm người như mọi người. Nghe vậy biết vậy, chúng tôi đã quên ngay sự việc kỳ quặc ấy.

Cho đến năm 46, khi chú Từ Khâm lại bị bắt lần nữa, cũng chính thằng Tây lai mang chú xuống bờ sông Đồng Nai tra khảo: Tại sao dám đầu hàng Việt Minh, mang cả tiểu đội theo Việt Minh cộng sản?

Thằng Tây lại dìm chú Từ Khâm xuống nước đến lúc tắt thở mới lôi lên, đập lên bụng chú cho nước, bùn non, vỏ sò, vỏ ốc trào ra. Rồi nó rút con dao găm dí vào cổ chú Từ Khâm, ấn sâu vào. Chú Từ Khâm chỉ kêu được có hai tiếng “Gáy ghên” gọi lại dân làng và dòng sông, bỗng có tiếng cười khơ khớ và tiếng hát đồng bóng của con Theo khùng: “Chiều chiều lại nhớ chiều chiều. Nhìn lên má mẹ chín chiều ruột đau”. Chú Bảy Hơn diên mặc chiếc áo dài đỏ, tay cầm chiếc đầu heo cùng con Theo chỉ bận có chiếc quần xà lỏn, người trần, vú mớm thốn thẹn, ngồn ngộn lao xuống bến nước, chỗ thằng Tây lai đang dí dao găm vào cổ chú Từ Khâm. Chú Hơn diên quất vạt áo dài đỏ phàn phật trước mũi thằng Tây lai. Con Theo trần trụi trọc, nháy cà xôm cà xôm đằng sau chú Bảy Hơn diên, hát thét cái giọng lơ lơ của người con gái Châu Ro: “Chiều chiều lại nhớ chiều chiều...”.

Thằng Tây lai ngớ người, rút con dao găm khỏi cổ chú Từ Khâm nửa hoảng sợ, nửa thèm thuồng nhìn tấm thân ngồn ngộn của con Theo. Nó lùi dần, lùi dần và bỏ chạy... May sao, lúc ấy, tiếng súng của du kích phía bên kia sông nổ vang...

Về sau chú Từ Khâm kể lại: Lúc ấy chú cũng không biết chuyện gì xảy ra. Chú tưởng đã bị giết chết, gặp cảnh ấy ở âm phủ. Chú kết luận: Đó là lần tỉnh lại thứ hai của chú Bảy Hơn diên. Tỉnh lại vì muốn được cứu người. Cứu người để được làm người. Cô Theo cũng cùng ước muốn như thế, ngoài lý trí của người khùng...

NGÀY ẨM ĐẠM

Một ngày ẩm đạm nhất của lịch sử làng tôi.

Vào một buổi sáng, dân làng kẻ tranh thủ vác cày bừa, dắt trâu ra đồng, kẻ chèo ghe sang sông Đồng Nai vào rừng kiếm củi, bứt dây gùi, cắt tranh, tìm đốn cây trường quéo về đèo cày... Lúc ấy, tôi đã ở bên kia sông, cùng bốn cô gái họ Thanh làm công tác đời sống mới, giáo dục, chống nạn mù chữ những làng rừng heo hút.

Bỗng dưng, nhiều chiếc máy bay cổ ngỗng lao vọt từ sân bay Biên Hòa lướt xéo lên tận biên giới Việt – Miên, Phước Sang, Phước Vĩnh, Bù Đốp... Ngoảnh nhìn về quê hương, tôi bàng hoàng: Bầu trời phía làng tôi bên sông Đồng Nai đen kịt. Từng đám khói đen cuộn cuộn bốc cao, sà xuống là là trên dãy rừng già đại ngàn.

Bốn cô gái họ Thanh cùng tôi và anh Nhị Nguyên – Trưởng ban đời sống mới huyện trèo lên ngọn cây cao ngóng nhìn về hướng ấy, lòng cồn cào, nóng rát, hồi hộp không sao chịu được. Các cô Thanh Tao, Thanh Hóa, Thanh Huyền, Thanh Hậu, anh Nhị Nguyên và tôi, gia đình, nhà cửa đều ở ven sông hướng ấy. Càng về trưa, đám khói đen nơi ấy càng dày đặc, mùi khét bay tận chỗ chúng tôi. Tàn đen của tranh, lá, nhà cửa nơi ấy bay lả tả theo gió đến khu rừng chúng tôi đang ở. Nhiều tốp bộ đội Chi đội 10 của chú Tám Nghệ, nhiều tốp trinh sát của anh Bùi Trọng Nghĩa, Đỗ Văn Quý súng lách cách, mồ hôi đầm

đìa, nón commăngđô rộng vành luôn rừng chạy qua khu rừng nám đen, khét nghệt:

– Chúng đốt sạch các làng Bình Long, Lợi Hòa, Định Tân, Tân Phú rồi. Sạch sành sanh... – Một chú chỉ huy la lên cùng chúng tôi.

Một anh bộ đội bị thương đi cà nhắc bám gốc cây lành ngạnh đầy gai, bảo tôi và anh Nhị Nguyên:

– Tụi bay tranh thủ chạy về bờ sông nhìn ngó coi sao. Có gì phụ gia đình được không, rồi trở lên công tác tiếp.

Chị Thanh Hậu áp nhanh bộ quần áo bà ba rách nhét vào túi nhỏ, giọng run run:

– Tôi cũng về đó coi sao. Má, em gái tôi sơ tán ở Tân Hòa, sát bờ sông.

Chị Thanh Hóa người ốm nhom qua mấy cữ sốt rét rừng, lại thiếu ăn, lau nước mắt:

– Làng Bình Long bị làm cỏ, ấp Bình Ninh của tôi đâu có thoát.

Anh Nhị Nguyên càng nôn nóng: Làng Tân Phú của anh giúp bót Cây Đào của thằng Tây lai Pâyra, để gì còn sau trận này?

Thế là cả bốn cô gái họ Thanh và chúng tôi quơ vôi quần áo, túi xách, vài nắm cơm nguội gói trong lá cây rừng, bươn bả lủi rừng, nhắm hướng có nhiều đám khói đen bay tới, lúc chạy, lúc leo lên ngọn cây nhìn ngó, than thở, chửi bới. Khát nước, xuống suối chống hông uống ừng ực, bụng kêu lọc ọc, lại tiếp tục chạy. Các cô gái họ Thanh người đầy mồ hôi, lẻo đẻo chạy theo hai chúng tôi. Nhiều cô vấp rễ cây chảy máu chân, tay, nhãn nhó, cũng phải chạy, không kêu than. Thấy Thanh Hậu đi

cà nhắc, treo lại phía sau, tôi và anh Nhị Nguyên đến kè Thanh Hậu băng qua con suối sâu, luồn vào khu rừng bít bùng. Cánh rừng Bình Mỹ, Chòi Ớt đầy cây nhỏ, gai các loại. Quần áo hai chúng tôi và Thanh Hậu, Thanh Hóa, Thanh Tao bị rách toạc thảm hại. Nhưng, chẳng ai để ý đến chuyện ấy. Vì, trên đầu lúc nào cũng một đám khói đen trộn tro than lơ lửng, che mất ánh mặt trời.

Đến chiều tối, chúng tôi mới lò dò mò ra tận bờ con sông Đồng Nai quen thuộc, cạnh dốc Chùa. Không nhìn thấy mặt sông đâu. Bình thường, con sông Đồng Nai trong veo, lững lờ. Thế mà giờ đây, trên mặt sông là khói đen, tàn tranh, lá bị cháy, cuộn cuộn. Có khói là có lửa. Có lửa là có gió. Gió xoáy, rú rít, lửa càng bốc cao. Mắt cay xè, mặt mũi người nào cũng bám đầy tro than của các làng bị cháy. Dọc con đường đá xanh ven sông đầy người chen lấn, la lối khóc than. Nhiều người già, trẻ con kêu khóc. Bộ đội, du kích nằm dọc bờ sông, chĩa súng qua bên kia bờ, mặt hầm hầm. Họ không hé môi. Dọc bờ ruộng, ụ chiến đấu ven đường đá đỏ, lẫn lóc nhiều vỏ đạn chưa kịp nhặt, nhiều mảnh vải loang đỏ máu, nhiều đám khói lơ lửng, khét lẹt. Hóa ra, từ sáng sớm, nơi đây đã diễn ra nhiều trận đánh, phá nhiều đợt tấn công của cánh commăngđô Pháp từ Đất Cuốc luồn ra, từ Mã Đà thọc xuống và nhiều đợt tàu chiến của Pháp từ tiểu khu Tân Uyên ngược dòng Đồng Nai.

Chốc chốc, lại một loạt đạn cà nông từ Tân Uyên thụt lên. Nhiều tiếng đạn pháo rú soạt ngang đầu chúng tôi, nổ trên ngọn dừa, dọc mép nước.

Chúng tôi quên băng là từ sáng sớm đến giờ, chưa có gì bổ bụng. Anh Nhị Nguyên bảo:

– Kiểm cái gì ăn tạm, rồi chia tay, tìm thăm lại gia đình coi sao... Chiều mai, gặp nhau tại Xóm Đền đây, trở lên Bình

Mỹ. Làng tôi với làng của Bốn bên kia sông đã bị đốt phá hết rồi. Gia đình chắc chắn bị dồn vào quanh chi khu Cây Đào – Tân Phú... Các bạn có nghe tiếng trâu rống bên đó không? Những đám cháy kia kìa... Chẳng còn gì đâu. Chị Hậu men đường này lên cầu Rạch Rớ, vô ấp Bung Thâu chỗ bác gái tản cư... Chắc bác gái theo bộ đội chú Tám Nghệ lánh tạm vô rừng dâu đó thôi. Chị Thanh Hóa có theo tụi tôi vượt sông tối nay tìm gia đình không?

Chị Thanh Hóa xách cái túi vải xẹp lép, chồm ra gốc dầu cổ thụ nhìn vượt cù lao Mỹ Quới mù mịt khói trắng, khói đen, gập đầu:

– Phải về coi sao, mới yên tâm được. Trời, anh Ba Tấn, không biết tía, má tôi có bị dồn vô Cây Đào không?

Thanh Tao còn một mình, không thể vượt lộ xuống Bình Chánh, Bình Hóa được, đành phải theo Thanh Hậu, tính sau.

Thế là chúng tôi tạm chia tay khi bên kia sông, nhiều loạt súng máy nổ rộ lên, và, từ tiểu khu Tân Uyên vài loạt cànông lao xoèn xoẹt qua đầu, dòng sông réo ào ào chỗ đá hàn nổi lên đen thẫm ngay ấp Vườn Vū.

Đêm hôm đó, tôi và anh Nhị Nguyên mỗi người ôm một khúc cây chuối hột lồi vượt sông Đồng Nai ngang ấp Vườn Vū, về thăm lại làng xóm, nhà cửa, người thân. Cùng lồi vượt sông với hai chúng tôi có hàng chục thanh niên, du kích, người già. Quãng này, con sông Đồng Nai rộng đến sáu, bảy trăm mét, là quãng sông vô cùng thân thuộc với đời tôi từ khi biết đi đứng, bơi, lội. Hai tay ôm hờ khúc cây chuối, hai chân đưa đẩy nhẹ nhàng, rón rén, lòng tôi băng khuâng trăm nổi. Chốc chốc, đưa mắt nhìn xuống lòng sông tối đen, lạnh ngắt, tôi như thấy lại nhiều kỷ niệm hàng chục năm qua.

Thỉnh thoảng, hình như hai chúng tôi có chạm vào một người chết lênh bênh xoay xoay theo xoáy nước chúng tôi đang bơi, mùi thối bốc lên. Anh Nhị Nguyên quay lại hỏi nhỏ:

– Thấy gì không? Người chết nhiều quá. Không phải trận càn hôm nay. Từ mấy ngày trước kia. Nước lớn trôi lên, nước ròng trôi xuống. Đàn ông nằm sấp. Đàn bà nằm ngửa.

Tôi rùng mình, bảo nhỏ:

– Biết rồi. Đừng nói nữa. Bơi theo các anh du kích phía trước kia, anh Nguyên.

Im lặng chòi đập một lúc, lại chạm vào xác một con trâu hay bò gì đấy. Tôi bịt mũi, khạc nhổ, phun nước phèo phèo, vẫn không sao kèm được cơn ói mưa giữa sông. Nhị Nguyên bảo:

– Từ từ hãy cặp bờ. Để các ông du kích có súng cặp bờ trước. Có Tây phục kích, họ đánh nhau được. Mình tay không...

Anh Nhị Nguyên thuở ấy là một thanh niên tài hoa, nổi trội trong Ban Giáo dục và Ban Đời sống mới chúng tôi. Học hết trung học, nhảy vào rừng cùng chúng tôi. Đẹp trai, đàn, hát hay, vẽ giỏi, miệng nói tay làm. Nhà anh ở gần chi khu Cây Đào – Tân Phú, cùng xóm với các anh Huỳnh Ngọc Đấu, sau là thiếu tướng, anh Quảng Nam Phòng, sau là Thứ trưởng Bộ Thương binh – Xã hội. Năm 1975 trở về làng, tôi nhớ và tìm anh ở làng cũ của anh và anh Đấu, anh Quảng. Một trưa nắng cháy da, tôi từ Campuchia trở về, lủi vô cái xóm vốn là ấp chiến lược Tân Phú – Bình Long, đến ngôi nhà ngói ba gian, bốn chung quanh là ruộng, đất thổ trồng mía, đậu phộng, đậu xanh. Trong nhà, chỉ vài đứa trẻ, ngơ ngác nhìn tôi, chú bộ đội quân phục đầy bụi đỏ. Mấy đứa bé là con anh cho biết anh đã vượt sông Đồng Nai qua rừng Chiến khu Đ kiếm củi về bán và thổi nấu. Ngồi một mình, lang thang quanh quẩn một lúc, tôi để lại lá thư tay, tạm

biệt anh, trở lại Sài Gòn, đáp trực thăng trở qua Campuchia, tự nhủ là lần sau phải tìm anh bằng được. Không tìm được ai trong bốn cô gái họ Thanh, đã cảm thấy mất mát, chơi vơi quá nhiều. Biết bao kỷ niệm êm đềm theo tôi gần bốn chục năm trời cảm sủng. Giờ không gặp anh Nhị Nguyên, đã càng buồn, lại như có lỗi lớn với bạn bè bao năm từng chia buồn sẻ ngọt. Nay giải phóng rồi, anh lại vượt sông Đồng Nai thân thuộc trở lại Chiến khu Đ ngày xưa vốn là cái nôi, là vòm trời, là mái nhà êm ấm, thiêng liêng của chúng tôi, chắc anh nhớ lại ngày xưa lắm...

Cái ngày xưa đắng cay và hạnh phúc, êm ấm của gia đình Giáo dục huyện Tân Uyên chúng tôi, đối với anh dù có dang dở, sút mẻ thế nào chẳng nữa cũng là chuyện đã qua rồi, chuyện lịch sử. Phải gặp lại nhau cái đã. Ngồi với nhau năm ba phút, một ly rượu hội ngộ, một chén trà nhớ những năm trời nằm rừng ngủ bụi, nhịn đói, chịu hàng trăm cơn sốt rét rừng tàn phá, muốn yêu mà tình đời dang dở, muốn sum họp mà phải chia ly... Nhớ lại. Kể lại. Phân công tìm lại nhau, ai mất, ai còn... Ngồi trên chiếc trực thăng nghiêng ngả trên bầu trời Côngpongcham, tôi chìm đắm trong ước muốn đó. Không chỉ là ước muốn. Là hạnh phúc. Là sum họp. Là sống lại.

Thế mà, trong chuyến trở lại làng quê để viết kịch bản phim "Đất nước hồi sinh" về Campuchia, tôi chỉ được đứng một mình bên ngôi mộ đất đỏ của anh. Cháu lớn của anh vừa khóc vừa kể lại những giây phút cuối đời của anh cho tôi nghe: Nhận được mảnh thư tay của tôi, anh quăng gánh củi rừng Chiến khu Đ giữa sân, im lặng lâu lắm. Rồi anh lật qua lật lại mảnh thư của tôi, nhìn tìm từ nét chữ ngày xưa của tôi, chữ ký ngày xưa của tôi, nước mắt ràn rụa. Anh hỏi về hình dáng tôi, tôi ngồi đâu, nói gì, hỏi gì? Anh lại thì thầm nhắc lại các cô gái họ Thanh, Chín Đình, Phạm Tiến, anh Hoàng Minh Viễn lúc ấy là

Trưởng ty Giáo dục Biên Hòa kháng chiến, anh Lê Văn Đông Phó ty...

Đời người, khi về già, nếu không được gặp lại kỷ niệm xưa, không gặp lại quá khứ, không là gì cả! Chỉ là một con số không lạnh lẽo. Kẻ thù của người già là cô đơn. Là tuyệt tự. Là không có quá khứ kiêu hãnh. Đến không có một con chó, một con mèo, một bông hoa để đêm khuya kể lể quá khứ, thật là bất hạnh! Sau này, tôi có hỏi anh Quảng Nam Phòng về trường hợp anh Nhị Nguyên, anh Quảng im lặng, lắc đầu. Tuy cùng xóm, nhưng có lẽ tuổi tác chênh lệch, địa bàn hoạt động khác xa, nên Quảng không hiểu nhiều về anh Nhị Nguyên. Anh chỉ nói một điều trùng hợp với lời kể của cháu gái anh Nhị Nguyên: Những ngày sau năm 1975, anh Nhị Nguyên uống rượu nhiều quá, uống rượu như một lối giải thoát...

... Đêm vượt sông hôm ấy, hai chúng tôi tấp vào bờ khi các anh du kích đã lên bờ, canh gác cẩn thận.

Đứng cạnh cây dầu độc chiếc sát bờ sông Đồng Nai, hai chúng tôi phóng mắt nhìn về cái làng Bình Long hoang tàn của tôi và cái làng Bình Thạnh của anh mờ mờ vài ngọn dầu cổ thụ, vài ngọn cây sao cô độc. Chốc chốc lại từ bóng tối sát mặt đất bay vọt lên một xâu đạn lửa, nối đuôi chui tọt vào đám khói đen hoặc cụm mây đen lang thang. Rồi hai chúng tôi chia tay! Anh trao tôi một trái lựu đạn OF. Trước khi vào Ban Giáo dục huyện với tôi, anh là bộ đội Vệ quốc đoàn của chú Tám Nghệ. Hình như anh bị thương ở tay trái. Khi chia tay, khuôn mặt chữ điền, cái mũi thẳng như mũi Tây của anh run run. Tôi ngồi đấy, đôi hút theo bóng anh và hai anh du kích Bình Thạnh bước trên các bờ ruộng ngoằn ngoèo, tối đen.

Phía trước, hướng bầu Mật Cật ánh một vệt trắng lạnh, chốc chốc lại vang lên tiếng kêu của chim te te hoành hoạch,

tiếng con chim đa đa khản giọng. Chim kêu nơi nào, tôi biết các anh đã đến nơi đó.

Tôi mò mẫm trong bóng tối các vườn ăn quả, vườn bưởi, hàng cây dứa, cây sao, cây dâu, men bờ sông lần về nhà tôi. Hai bàn tay tôi đen thui, khét lẹt vì qơ phải cột nhà cháy, tro đen, những đồng lúa cao ngất còn ngùn khói. Chân tôi thỉnh thoảng lại thọc nhâm vào bãi đường chảy lênh láng, rất bỏng. Thế là hết! Cả làng bị thiêu đốt thành than. Lúa trong bồ, đường trong cà tăng, trong khạp cũng bị lôi ra đốt sạch. Chuồng trâu bị cháy đen. Khắp nơi tôi đi, trước đây thân thuộc xiết bao, đêm nay đều thành tro tàn.

Trong màn đêm nhập nhoạng, lửa âm ỉ từ các ngôi nhà, từ các đồng lúa, đường tán, đường khạp... chốc chốc lại ánh lên khi cơn gió đi qua. Đường sá ngổn ngang nào mảnh lu, hũ, xác trâu, bò, gà vịt bị chặt đứt đầu, quần áo bị xé nát, lơ lửng trên ngọn dứa, cành bưởi. Từ bầu Mật Cật, từ ba cánh đồng lớn lâu lâu lại vang vọng tiếng trâu ghé ngo gọi đàn, tiếng rên rĩ của một con trâu nào đó bị thương rất nặng. Tôi vấp ngã ụynh ụych. Tôi đâm sầm vào một thân cây dứa bị đốn để chặt củ hủ, để bẻ trái.

Đến ngang miếu Long Chánh là nơi trước đây tôi cùng lũ trẻ chăn trâu thường đêm đến chơi cùng chú Từ Khâm, tôi ngồi bệt xuống cạnh bàn Thần Nông giữa sân miếu. Ngôi miếu đã bị phá sập, nong nặc mùi vôi, gạch. Chòm cây dầu cổ thụ quanh miếu đã bị Pháp hạ gần hết. Cây cụt đầu. Cây trơ trọi, đầy thương tích. Im lặng đến phát hoảng. Tôi bàng hoàng nhìn ngó chung quanh. Không còn nghe hai tiếng “Gấy ghên” quen thuộc của chú Từ Khâm. Chú ở đâu, còn hay bị bắt, hay đã bị giết đâu đó rồi?

Tôi bước vào nơi xưa kia là điện thờ Thần. Những ngày rằm, Tết nhất, ngày lễ Kỳ yên có đám hát về, nơi đây là trung

tâm văn hóa của làng tôi... Chúng tôi tha hồ chạy nhảy tung tăng, hoàn toàn tự do, ca hát, la hét, quậy phá, mặc lòng. Chúng tôi đón nhận từ tay chú Từ Khâm tốt bụng hàng rổ xôi trắng muốt, từng con gà luộc thơm mỡ vàng. Tay chân, mồm miệng chúng tôi thơm nhậy mỡ gà, mỡ heo. Ông Cả, ông chủ nào la rầy, tiếc của, chú Từ Khâm hươ tay ra vẻ bất cần: “Gấy ghên, một năm một lần, tiếc gì của bá tánh, sếp”... Đêm nay có gánh hát Bầu Bò lên, các sếp mặc sức tung hoành, khớ khớ... – Chú gọi Hương Cả, Hương Chủ trong mười hai chức sắc Hội tế là sếp. Họ không thích, nhưng mặc xác. Sếp, cũng oai lắm, kém cạnh gì Cả, Chủ.

Chiều đến, lũ trẻ chúng tôi lăn xả vào điện, mặc cho đàn trâu ngơ ngác ngoài đồng. Đã có chú Bảy Hơn diên, con Theo khùng, lo gì. Miễn chúng tôi mang ra cho họ xôi, thịt quay, thịt gà là ngon lành rồi.

Mặt trời lên quá ngọn cây là chúng tôi đã gom cả đàn trâu lại cánh đồng giữa ngay trước miếu, giao hẳn cho chú Bảy Hơn diên và con Theo khùng, kéo nhau nhập vào đám rước Thần từ nhà riêng ông Cả Cầu năm nay được giữ sắc Thần. Đám rước kéo rồng rắn từ bờ sông Đồng Nai nhà ông Cả Cầu cuối xóm, men theo bờ ruộng khô héo vòng ra xóm Gò, xuôi theo con đường làng đất đỏ thẳng hướng sân miếu. Đi đầu là đám cầm cờ, phướng, đám học trò lễ ăn mặc như phường tuồng, vừa đi vừa múa hát. Kế theo là tám người được chọn khiêng sắc Thần giữa chiếc nhà Vàng sắc sỡ. Theo sau là mười hai vị chức sắc trong Hội tế (Conseil de notable), áo dài xuyên, the, đầu đội khăn xếp đen, tay cầm quạt giấy, hoặc bằng lông chim, chân đi giày Gia Định. Bụi đỏ bay đỏ trời. Rượu, thịt, pháo đi sau cùng. Giàn nhạc bát âm, các loại trống, trống cái, trống con, phèng la, đại hồng chung. Các loại kèn, song hỉ, đờn cò, ghi ta phím lõm... thì nhau hòa tấu suốt, réo gọi các cô gái đang bận cuộc xới cỏ

mía, trồng đậu phộng. Réo gọi các chàng trai mãi nơm cá ngoài bầu Mật Cật.

Lũ chúng tôi luôn lách, chạy từ đầu đến cuối đám rước. Lại chạy từ cuối đến đầu đám rước. Ngang mấy chú khiêng thịt, xôi, chúng tôi thò tay chớp rất nhanh khi một miếng thịt heo quay béo ngậy, khi một véo xôi, cho vào mồm, cười toe toét. Các chú mắng nhỏ, rít răng, sợ các vị chức sắc biết được: Vô lễ. Đám ăn trước cả Thần và các ông Hội tề. Nhưng, cái tục khá linh thiêng đã phò trợ lũ trẻ chặn trâu chúng tôi: Chỉ có trẻ chặn trâu mới có quyền ăn xén các thức ăn của Thần, Thánh. Ngay những bè chuối cúng ma các thầy phù thủy thả trôi giữa dòng sông Đồng Nai, chỉ có lũ chặn trâu chúng tôi mới gọi tấp vào để ăn. Ngoài lũ chặn trâu chúng tôi, chú Bảy Hơn điên và con Theo khùng ra, ai đụng vào, sẽ bị Thần, Thánh vật cổ chết tốt tại chỗ.

Tiếng kèn ò e cửa ruột. Tiếng trống cái: Thùng thùng. Tiếng phèng la: Ôi ôi... cùng tiếng xướng hát của học trò lễ nhất bộ nhất bái, tam bộ tam bái suốt con đường làng khiến chúng tôi như lên mây. Chúng tôi quên tất cả: Ưu phiền. Trâu bò. Học hành. Ganh ghét nhau. Nợ nần nhau. Chúng tôi cặp kè nhau. Bá vai nhau. Ôm choàng nhau. Len lỏi giữa đám rước sắc Thần mà chẳng biết trong cái hộp sắt được khiêng một cách kính nể kia là cái gì. Đối với chúng tôi, Thần là gì? Ai làm Thần, có gì quan trọng đâu?

Chiều xuống. Chúng tôi lại lao vào sân miếu, nhìn ngó các đào kép của gánh hát Bầu Bo, đưa tay sờ từng cái áo, cái mào, từng bộ râu bằng tóc, bằng lông bò hôi rình, đầy chấy rận. Chúng tôi phụ dựng khán đài, khiêng trống châu đặt trước rạp. Chúng tôi ăn cắp rượu, thịt trong điện thờ mang ra cho các chị, các anh đào kép hát để lấy lòng họ, ngụ ý rằng đêm nay ráng hát cho hay, lén cho chúng tôi nấp cánh gà ngó xem, cho chúng

tôi xem họ vẽ mặt, mang mũ, mặc quần áo vua chúa trước khi ra sân khấu.

Chúng tôi tạt qua các sòng bạc: bài cào, các tê, bầu cua cá cộp, đánh lô tô, bông vụ ăn tiền. Nhiều chủ sòng từ các chợ Tân Uyên, chợ Biên Hòa kéo lên, mở sòng. Trai gái làng tôi ăn mặc sạch sẽ, lành lặn sà vào sân khấu giữa sân miếu, ngồi vây quanh các sòng bạc cò con, các bàn nước uống đơn sơ như sirô màu đỏ, xu xoa hột lựu, bánh mì patê, xiu mại. Đối với làng tôi, đó là những món ăn sang trọng, xa lạ, rất hấp dẫn. Trong các vườn dẫu, đám mía quanh miếu, bờ rào, chúng tôi nghe tiếng trai gái cười khúc khích, chúng tôi thấy thấp thoáng họ ôm nhau làm gì đấy, chúng tôi không chú ý đến. Nhưng khi nghe tin một cô gái làng bị một anh con trai thành thị bắt nạt, ép uống gì đó, hãy biết tay chúng tôi. Bằng đá, gạch, đất cục, chúng tôi lăn xả vào bảo vệ các chị, các cô ấy. Có nhiều anh con trai thành thị bị lũ chúng tôi rượt chạy có cờ tận bờ sông Đồng Nai.

Đối với đám hát Bầu Bo, chúng tôi khoái nhất là chui vào cánh gà coi họ dặm mặt, mang râu. Nhưng đối với ông Cả cầm chầu, dù là cô bác trong làng, chúng tôi vẫn tìm cách phá phách: khi đốt pháo dưới dít Cả, nhét phân trâu trong lon dưới mặt trống chầu...

Tất cả là niềm vui vô bờ bến của dân làng sau một năm làm lụng vất vả...

Ngày lễ tan rỗi. Gánh hát chở phong màn, quần áo, râu, mào đi rồi. Sân miếu vắng teo. Chúng tôi và chú Từ Khâm đêm đêm vẫn nằm lăn ra dưới bệ bàn Thần Nông, kể chuyện vừa qua, chuyện chọc phá người này, rượt đánh chàng trai thành thị kia, chuyện cô đào hát đóng vai Hồ Nguyệt Cô bạn cái võ cộp vẫn bị rách đuôi, hở cả mảng dít trắng toát ra ngoài. Chúng tôi

nhấm nháp kỷ niệm ấy cho đến mùa Kỳ yên năm sau, mưa thuận gió hòa, trời yên bể lặng...

Thế mà đêm nay, sân miếu cháy đen. Ngôi miếu thiêng liêng bị đánh sập. Chòm dầu năm chục cây trơ trụi, cụt đầu, đầy thương tích. Không còn nghe tiếng chim hồng hoàng khào khào quạt cánh từ khu rừng bên kia sông bay về nữa. Không còn trông thấy con chim đáp mũi màu thiếc kêu ục ục từ ngọn dầu cổ thụ xòe đôi cánh sà xuống cạnh bàn thờ Thần Nông. Không còn nghe tiếng “Gáy ghên” của chú Từ Khâm, tiếng hát diên khùng, nhã nhớt của chú Bảy Hơn diên và điệu nháy lò cò, quần áo rách te tua của con Theo khùng: “Hớp, hớp con ngựa ô. Ngựa ô anh hớp...”, ngực trần, lưng trần, độc mảnh quần rách te tua, vắn vẹo, uốn éo, ngồn ngộn như con mối chúa.

Hết rồi sao?

Một cánh chim đáp muỗi quen thuộc từ ngọn dừa cụt đầu lén lút quạt cánh sà xuống chân bàn thờ Thần Nông, cạnh chỗ tôi đang ngồi một mình, kêu khào khào trong cổ họng như than thở, đau đớn lắm.

Lơ dăng nhìn con chim đáp muỗi cô độc một lúc, tôi lau nước mắt, đi vòng ra bên dò sau miếu, nấp dưới vài cây dầu cô độc. Nước con sông Đồng Nai vỗ óc ách vào rễ dầu, bọng cây gáo. Con dò quen thuộc đã bị giặc Pháp bắn thủng nhiều chỗ, lập lờ. Tôi bồi hồi nhớ ông già Hai Thố chèo dò, ngày ngày đưa đón tôi sang sông với chiếc cặp sách bằng sợi lác dẹt đơn sơ. Bên trong đựng vài cuốn tập học trò, một gói lá chuối hơ lửa gói mắm kho khô với sả ớt. Con dò đã bị đạn bắn thủng nát, nhưng sợi dây xiềng sắt vẫn còn đó, buộc chặt con dò vào gốc cây dầu cổ thụ. “Mày. Lại mày hả cái thằng mắc dịch. Tao thiếu nợ mày hồi nào, sáng sớm chưa bảnh mắt, mày đã kêu réo ba hồn chín vía tao. Chiều, gà vô chuồng mày lại kêu réo ba hồn chín vía

ông cố nội tao. Học làm quan làm thầy, lớn lên, phải đi đông thẳng, gặp tao làm bộ ngó lơ...”. Lần nào đưa, rước tôi, ông cũng một câu chửi, trách ấy. Cái chân hơi thọt của ông lại dung đưa bên ngoài lái ghe, khoát nước sông theo từng mái chèo, mồ hôi lấp lánh khuôn mặt già nua, tuổi tác.

Ba năm tôi học ở trường Tân Uyên bên kia sông, là ba năm mỗi mình ông đưa đón sáng, chiều, không lấy một đồng xu cắc bạc. Mùa tháng bảy nước nhảy lên bờ, dòng sông gào thét, sôi sục, một mình ông dung đưa cái chân cà nhắc, lèo lái con đò vượt qua hàng chục xoáy nước sâu hoắm, hun hút như lôi cổ người ta xuống địa ngục...

Thế mà đêm nay, con đò rách nát, ông Hai Thố đi đâu, còn sống hay chết?

Lần theo mé sông vắng tanh, tôi men về bến nước nhà tôi.

Xéo hướng Tân Uyên, chốc chốc lại bay vọt lên hàng loạt đạn lửa đỏ lừ, đạn đum đum nổ các búp tận chân mây màu xám tro, sùng nước. Tôi lần xuống bến nước, tựa người vào gốc cây gáo già sần sùi. Khi tôi chưa ra đời, cây gáo này đã già rồi, uốn chồm ra dòng sông, nơi lũ trẻ chúng tôi ngày ngày trần truồng chạy nhảy, bơi lội thỏa thích. Nhịp cầu bến nước làm bằng hai cây gỗ rừng ghép lại, chân cầu bằng tre già, rong rêu. Sáng sáng, chiều chiều, chị Sáu tôi, con Năm cháu bác Tư tôi gánh uốn lưng chao đôi thùng thiếc xuống dòng sông bốc khói như sương, từng bước lần theo hai chục bậc thang đất đỏ mới lên tới bờ sông. Mỗi sáng, chị Sáu tôi và con Năm phải gánh hàng hai, ba chục đôi nước sông đổ đầy các lu, khạp quanh hiên nhà, tưới bới hàng chục cây. Trời lạnh thấu xương, vậy mà tôi thấy lưng áo chị Sáu và con Năm ướt đẫm mồ hôi, hơi thở nồng nặc mồ hôi, tóc tai dính bết cổ, ngực.

Con Năm trạc tuổi tôi, năm nay đã mười lăm, mười sáu, da trắng bóc, mặt trái xoan. Ông ngoại nó với cha tôi là anh em ruột, hai nhà căn mái, giáp thêm. Nó kêu tôi bằng cậu. Cậu Chín. Tôi với nó rất thân nhau. Gần đây, gặp tôi đi học về, hay cưỡi trâu ra đồng, nó hay đỏ mặt, bẽn lẽn, không tự nhiên như trước đây nữa.

Trưa mùa hè, tôi thường bẻ bưởi làm gỏi, cho thật nhiều ớt hiểm, bẻ khế ngay bên nước, ngồi đầu cầu ăn ngon lành. Vô tình hay cố ý, nó thường lấp ló ở đầu bến, tha thẩn. Thế là tôi ném nó một cục đất làm ám hiệu. Nó cười lỏn lẻn, bước nhẹ nhàng hai chục bậc bến, cẩn thận ngồi xuống cạnh tôi, tựa lưng vào gốc cây gạo già.

Hai đứa chắm từng múi bưởi Thanh, bưởi Long ngọt xót, cay xé miệng. Nước bưởi trong veo từ giữa hai hàm răng rất trắng của nó bắn ướt mặt tôi. Tôi vội vàng chụp vạt áo bà ba của nó đang bận lau nhanh lên mặt tôi. Nó kêu oái một tiếng, chụp nhanh vạt áo dây kín bụng lại, mặt đỏ như gấc, ngẩn nhìn ra dòng sông Đồng Nai mùa tháng bảy đỏ ngầu sôi sùng sục. Tôi cũng bàng hoàng không hiểu việc gì, tại sao nó thay đổi kỳ lạ vậy?

– Hồng thềm ăn chung nữa. Kỳ thấy mô!

Tôi xoay trở lung tung, bóp nát mấy múi bưởi trộn khế chua, cặp con cá mắm đỏ au.

Gần đây, tôi với nó cũng thường tắm chung tại bến này. Khi chiều xuống, hai chúng tôi từ ngoài đồng vác lúa, gánh rạ khô về.

Nó thường ngo quay chỗ khác khi tôi tuột áo, cởi quần nhảy tùm xuống dòng nước mát lạnh. Khi tôi lội ra xa, thách thức nó, nó mới lom khom kéo chiếc quần bà ba đen lên che kín

khung ngực, lò dò, cóm róm bước xuống nước, hai bàn tay trắng muốt chỉ kỳ cọ quanh cổ. Rủ rê cách mấy, nó cũng không lội đua với tôi như những năm trước, không lặn xuống hai tay ôm chặt cột chân cầu trũng mắt nhìn thi cùng tôi, tai nghe cá linh kéo đàn ngược dòng nước kêu rình rang đáy sông.

Gần đây nhất, khi làng chưa bị đốt phá, dân các làng bên kia sông, cán bộ cơ quan huyện kéo về làng tôi đông lắm. Những ngày hỗn mang này, không sao có được phương hướng rõ ràng: Ngày mai Tây sẽ đánh nơi nào, mình phải tản cư nơi nào? Cứ kéo nhau chạy vòng quanh như đèn kéo quân.

Nhà tôi, nhà con Năm, cả xóm đều đầy nghẹt người tản cư. Nấu cơm ngoài chòi ép mía, ngoài hiên nhà, dưới gốc cây.

Trong số cán bộ cơ quan tuyên truyền huyện sơ tán về, có một thanh niên trắng trẻo, đẹp trai, vẻ thành thật, thư sinh. Lúc nào anh ta cũng đội mũ bê-rê đen lệch, ngậm ống điếu, tay chân trắng muốt. Không hiểu anh ta là cán bộ cỡ nào, làm gì? Chỉ thấy suốt ngày la cà bên các cô gái trẻ, pha trò, cười cợt, tay chân không để yên. Tôi, Sáu Diệp, Năm Nghiêng rất bực. Đến khi anh ta xấp vào tán tỉnh con Năm, ăn nói trây trúa, đêm đêm lại lò dò như thằng ăn trộm, tôi và Sáu Diệp nổi khùng:

– Thằng cha đó mà dám động vào con Năm, tao sẽ lấy theo – Sáu Diệp trợn mắt toàn tròn trắng, đưa tay gãi sườn non.

Tôi nghe sùng sục trong lòng. Hình như tôi nghĩ rằng con Năm là của chúng tôi. Thế là đêm đêm, tôi và Sáu Diệp xách dao phay lò dò quanh nhà con Năm như hai thằng ăn trộm, dỏng tai nghe ngóng, căng mắt nhìn dây đó. Một lần, tự nhiên Sáu Diệp giật tay tôi, thì thầm:

– Nó.

– Ai?

– Thằng mắc dịch...

À, nó từ sau chái chuồng trâu nhà con Năm lom khom bước ra. Thế là bất chấp trời đất, tôi và Sáu Diệp vung dao lao tới.

Hắn kêu oai oái, phóng chạy bán mạng xuống bờ sông Đồng Nai.

Hai chúng tôi lượm đất cục liệng xuống chỗ có tiếng bì bõm.

– Cho mày dám động đến con Năm! – Tôi làu bàu.

Bỗng dưng, hai thằng cất tiếng cười, tự thấy ngỡ ngàng trong đêm tối. Nghĩ cũng kỳ. Tại sao chúng tôi lại làm thế? Con Năm có biết không? Biết được nó sẽ nghĩ gì? Ừ thì nó trắng trẻo, đẹp gái, có duyên nhất làng. Nhưng giữa chúng tôi với nó, có gì đâu?

Thế mà, cái tình cảm kỳ lạ, thâm lặng ấy đeo đuổi tôi những ngày vào rừng kháng chiến. Nó theo gia đình ra thành tản cư. Một lần chị Sáu tôi từ Biên Hòa vô chiến khu thăm tôi, trao tôi một chiếc khăn tay trắng, có thêu viền quanh, chỉ màu đỏ. Nét thêu cũng vụng về thôi. Nhưng, tôi cất giữ cái khăn tay ấy đến vài năm trời. Trời! Tuổi thơ. Có thể là kỷ niệm nào của tuổi thơ cũng đẹp đẽ. Có thể vì đời tôi chưa hề có một hình bóng nào chẳng?

Đến năm 1962, khi viết tiểu thuyết *Trên mảnh đất này* tại miền Bắc, hình bóng con Năm quê hương bỗng hiện lại. Thế là tôi dựa vào kỷ niệm tuổi thơ ấy xây dựng thành cô Năm Đồng Nai, người yêu của người hùng Ba Râu. Viết đến đoạn cô Năm Đồng Nai bị lừa vào nhà thổ ở Sài Gòn những ngày đầu Nam

Bộ kháng chiến, tôi khóc. Đến khi đọc bản thảo ấy cho cả trại nghe, đến đoạn ấy, tôi lại khóc. Nhiều nhà văn cùng dự trại viết như Từ Bích Hoàng, Xuân Thiêm, Văn Phác, Xuân Sách, Phù Thăng... cũng nghẹn ngào. Đẹp quá, mà bị kẻ thù vùi dập. Tôi hiểu ra: Không phải một con Năm cụ thể mà là một tuổi thơ, một kỷ niệm đẹp quá, nay còn đâu! Cái năm 1962 ấy, kẻ thù còn đang dày xéo quê hương miền Nam tôi. Tôi đang ôm súng đi khắp miền Bắc. Ngày Bắc đêm Nam. Thế đó...

Đến năm 1975, ngày thứ ba trở lại quê hương sau hơn ba chục năm cách biệt, tôi rủ chú em trai đi tìm gia đình con Năm tặn Thủ Đức. Đến một cái quán bên đường, hai anh em vào ngồi. Lát sau, một bà già móm mém, tóc bạc phơ từ trong buồng bước ra: Trời ơi, con Năm! Cô Năm Đồng Nai trong *Trên mảnh đất này...*

– Cậu Chín, cậu Mười... còn sống... – Nước mắt chảy ròng ròng trên khuôn mặt héo hon, già lão trước tuổi.

Ba chúng tôi lén lau nước mắt, kèm xúc động đầy ngực. Bỗng dưng, tôi cảm thấy luyến tiếc một thời. Một thời tuổi thơ rất đẹp. Thà không gặp lại nhau, để ngày xưa đẹp đẽ còn sống mãi trong nhau!

Hai năm sau, cô Năm Đồng Nai qua đời khi tôi từ Campuchia trở về.

Chú em trai tôi kể: Những năm đánh Mỹ, Năm đành phải lấy chồng là trung úy đồn trưởng. Em trai tôi được lệnh phải trừ tên trung úy đồn trưởng ấy. Một lần, em trai tôi giả dân làng gánh gánh rơm khô đi dọc dốc Chùa, cầu Bà Bướm áp dưới làng tôi, chỗ nhà anh Lý Văn Sâm. Theo qui luật, cứ chiều đến, chồng con Năm lái honda từ nhiệm sở về gia đình theo con đường đó. Tiếng honda rú phía trước. Em trai tôi hồi hộp, vẫn gánh rơm trên vai, sẵn sàng theo kế hoạch: Xe honda lướt qua,

em tôi vung đòn gánh chém ngược chiều xe chạy. Chẳng may, hay mạng số nó chưa tới, chiếc đòn gánh chém tạt, nó mọp xuống, vọt thẳng. Kẻ thù đặt để cuộc chạm trán kỳ quái ấy...

Có lần, chỉ riêng hai anh em, tôi hỏi:

– Nếu lần ấy, chiếc đòn gánh rạ của mày chém “hồi mã thương” được chú trung úy đồn trưởng chồng con Năm, mày có dám dẫn tao “chạm trán” với con Năm sau năm 1975 ở Thủ Đức không?

Chú em tôi (nay là thượng tá công an) chớp lia đôi mắt đã già, khụt khịt mũi:

– Anh hỏi chi chuyện khó nói vậy? Đó là chuyện của nhà văn các anh. Còn tụi này... – Chú em đừng lời, bật lửa châm thuốc, chép mắt gãi sồn sột vào chân, vào vết thương xuyên phổi năm 1962 khi vào áp chiến lược Tân Định – Cây Gáo (nay là Trị An), tiếp dòng suy nghĩ – Nhà mình, anh Năm bị Tây cắt cổ, anh Tám đi bộ đội, bị thương, bị bắt đánh đập đến chết, cháu Bên làm xã đội trưởng thời đánh Mỹ bị chúng quăng lựu đạn giết tại bến nhà, cháu Nhất, Nhì vào rừng, bị thương, chết bệnh, anh Bảy bị chúng bắt đánh, tra khảo liên miên, đứa con gái đầu lòng của tôi bị trúng đạn chết đúng đêm 30 tháng Tư năm 1975, bên bờ sông Đồng Nai... Ngoài gia đình mình ra, cái làng Bình Long của mình bị giết bao nhiêu, anh có biết không? Hai mươi năm đánh Mỹ, anh tập kết ra Bắc. Anh có gian khổ của anh. Còn ở lại như tụi này, trong hoàn cảnh ấy, gian nan, đau khổ... không giấy mực nào tả xiết đâu anh! Cũng mừng, anh là nhà văn. Anh ghi chép được điều đau khổ ấy cho mai sau, cho hiện nay... Anh tưởng lúc ấy, tôi không thương con Năm sao, không thương nhớ kỷ niệm tuổi chẵn trâu của tụi mình trước ngày cầm súng sao?

Bỗng dưng, cái trưa mùa hè ấy, hai anh em lắng nghe nước mắt nóng bỏng trên má mình. Hai anh em nay đã già. Mười Cao, em trai tôi thì vì “trăm điều đau khổ” hai chục năm đánh Mỹ tại miền Nam, lại bị thương ở lưng, viên đạn xuyên phổi, nên tóc đã bạc trắng. Còn tôi, gần bốn chục năm cầm súng, cầm bút, máy quay phim trong chiến tranh, nên đã già mau chóng. Năm 1945, cả gia đình mười hai anh chị em, lúc nào cũng sum vầy, ồn ào. Thế mà sau ba chục năm chiến đấu, nay chỉ còn có năm người, đúng hơn là chỉ còn có năm ông bà già tóc bạc, răng rụng nhiều và hàng chục ngôi mộ trước nhà: Mộ cha, mộ anh Năm, mộ anh Tám, mộ mẹ, mộ anh Ba, mộ anh Tư, mộ cháu Nhất, mộ cháu Nhì, mộ cháu Bôn, mộ cháu Gái, cháu Hữu...

CÔ NĂM ĐỒNG NAI

... Trở lại đêm hôm làng bị triệt hạ ấy.

Nói cho thật lòng, đêm ấy, tôi cũng lo sợ lắm. Sự nhiều thứ: Mẹ và các anh chị, cháu, có ai bị giết không? Sự chúng phục kích đâu đó. Cả làng vắng hoe chìm trong đêm tối. Thỉnh thoảng nghe tiếng bì bõm dưới sông, giật mình nhìn xuống: Một xác người bập bều, một con trâu nằm nghiêng, chiếc sừng cong vút...

Lò dò lên nền nhà, người tôi rân rân, nước mắt tuôn trào, không sao kềm được. Ngôi nhà ba gian hai chái, vách gỗ ghép, cột gỗ gỗ hơn vòng tay ôm... biến mất. Chỉ còn trơ lại vài đám lửa đỏ, gặp cơn gió thoảng lại phụt lên. Chuông trâu phía sau, chòi ép mía... cũng biến thành đồng tro đen. Ngón ngang mảnh lu, khạp đựng đường, quần áo rách tã. Bồ lúa hàng trăm gạ cho cả năm đang ngùn khói. Cả bồ đường trữ, một mùa cày cuốc, vun xới mía... khét lẹt, lênh lảng dưới nền nhà. Mấy con trâu tôi rất cưng đều mất cả rồi. Con trâu Chăn già hiền từ, thương quý bạn bè, nhường cả cọng cỏ non cho con trâu Bầu, bắc ách lên cổ là lạng lẽ kéo cày đúng luống, khỏi phải giật dây mũi, quát tháo "Thá, ví...". Con trâu Bầu nhay họng, tham ăn của ngon vật lạ, mắt láo liên, có chữa bụng thè lè vẫn chăm chỉ kéo cày, kéo bừa.

Có tiếng ghé ngo rên rĩ ngoài bầu Mật Cật, tôi giật mình ngóng nhìn ra: Trời đen thui. Đất đen thui. Nhưng tôi vẫn như

trông thấy mấy con trâu yêu quý của tôi đang ngơ ngác kiếm tìm... Tôi như thấy rõ chòm râu bạc, loe hoe dưới cằm con Chăn già (Sau này, trong tiểu thuyết *Trên mảnh đất này*, tôi dựng thành Trần Chăn tướng quân). Tôi như thấy đôi sừng cong vút bén ngót, đôi mắt lúng liếng, cái bụng chang bang của con trâu Bâu. Tôi nhớ như in cái lần con Chăn già mê cái bị con Đực Mắm xóm dưới đánh bại, rượt nó chạy trốn chết về tận chuồng. Tôi phải đóng nhanh cổng chuồng, cản con Đực Mắm hung tợn lại, mới cứu được nó vẹn toàn. Tôi nhớ cái lần tôi với con Năm cho trâu lội bầu Mật Cật, hai chúng tôi thi nhau mò cá cạn, bứt bông súng. Bông con trâu Bâu và con Pháo của nhỏ Năm nhảy cõn trên lưng nhau, nước bắn tung tóe. Thương con trâu Pháo; nhỏ Năm bắt tôi phải xông vào lôi cổ con Bâu ra. Trời, chuyện đâu có dễ như nó nghĩ. Trâu đang mê cái mà. Vậy mà tôi liều mạng lao lên lưng con Pháo. Con Pháo của nhỏ Năm đang cưỡi trên lưng cái Bâu của tôi. Nước bầu vỗ sóng âm âm. Vậy mà tôi đã cho hai ngón tay vào móc hai lỗ mũi con Pháo, lôi nó tuột xuống khỏi lưng con Bâu được. Con Năm vui mừng và bật khóc méo máo: Hàng chục con đĩa trâu no tròn, to bằng ngón chân cái bám vất vờng dưới bụng, dưới đuôi, dưới cổ hai con trâu. Tôi phải nắm rút từng con đĩa no căng, đổ bằm, rồi lấy gai dứa xiên chúng xuống mặt đất. Bông có tiếng quẫy cựa âm âm dưới nước. Cái gì kỳ cục vậy? Trời, nhỏ Năm! Nó trôi, hụp, lăn lộn dưới nước. Bông súng đỏ, bông súng trắng bay vung lên, tơi tả. Tôi lao xuống chỗ nó.

– Làm cái gì kỳ cục vậy?

– Mau. Bắt mau...

– Bắt cái gì?

– Đĩa...

– Ở đâu?

– Ở dưới...

Mặt nó xanh lè. Tóc tai rối tung.

Tay trái giữ chặt cổ nó, tay phải mò xuống, vén ống quần, lần lên. Trời, một con đĩa trâu no máu!

Tôi chửi tục một tiếng, quăng con đĩa trâu lên bờ; kéo Năm lên bãi cát đầu mương, gỡ bông súng, cở ống quần quanh người nó.

Nó ngó lơ chỗ khác, một tay đặt bên ngoài chỗ bị đĩa cắn.

– Làm cái gì vậy?

– Chảy máu...

Tôi bứt mấy sợi tóc trên đầu quần thành cục, đưa cho nó:

– Đắp ngay miệng... – Rồi bỏ đi thăm mấy cần câu cắm lúc sáng, một tay cầm xâu cá trắng xỏ xâu bằng cọng cỏ may.

Một con cá lóc cỡ nửa ký dính câu. Tôi mừng hóm, nỏ lửa nướng trui tại bờ ruộng. Kêu mãi, nhỏ Năm mới chịu lại, mặt đỏ như gấc.

Hai đứa xé con cá lóc nướng trui thơm phức.

– Phải chi có mấy hột muối há?

– Ăn nữa đi? Mây khúc đuôi, tao khúc đầu.

Nghe tiếng răng nó nhai rau ráu xương cá, tôi ngược mắt nhìn: Hai hàm răng nó trắng bóng, rất đều, cổ nó cao, cũng rất trắng.

– Chỗ đĩa cắn còn chảy máu không?

Nó quăng đuôi cá vào người tôi, bỏ chạy tuốt đến bụi dứa dại gai chơm chớm.

Tôi lượm cái xương cá sẫm soi, càu nhàu:

– Con gái gì mà kỳ cục. Hỏi có vậy mà cũng giận... Giận luôn đi. Mai mốt bị đĩa cắn, mặc kệ mày...

Thế mà, đêm nay, không còn cái “mai mốt” ấy nữa. Mỗi đứa một nơi. Con Pháo với cái Bầu cũng đâu mất rồi! Tan đàn sẻ nghé.

Tôi ngồi bệt xuống nền nhà, bới tìm cạnh gốc cột cái chỗ trước đây tôi hay giấu những đồng xu đánh đáo, mổ đáo tường, và tập bản thảo tiểu thuyết *Hai khẩu súng lục* tôi viết khi còn học ở trường Tân Uyên. Mấy đồng xu đâu không thấy. Chỉ tìm được có cái chai, bên trong là cuộn giấy bản thảo *Hai khẩu súng lục*. Niềm tự hào của cha, mẹ, và các anh chị tôi đó. Nhất là chị Sáu tôi. Bìa những trang giấy bị cháy sém. Giấy còn lại rất giòn. Mạnh tay là thành vụn như cám. Nhớ chị Sáu quá. Giờ này chắc chị và má, các em, anh đang lang thang quanh bót Cây Đào, chợ Tân Phú..., màn trời chiếu đất...

Ngửa cổ nhìn xuống dòng sông Đồng Nai. Bên nước tối om. Ngọn cây gạo già đung đưa. Chiếc mui ghe đặt bên gốc gạo vẫn còn đó.

Nơi ấy, đêm đêm, sau khi quạt lúa, giã gạo, tôi và chị Sáu thắp ngọn đèn dầu leo lét, nằm khoanh đọc tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Đến những đoạn tình yêu trắc trở, tình đời đen bạc, hai chị em khóc mùi. Chị giật tập sách trên tay tôi, nhìn ngó gì đó trong sách, lại lau nước mắt. Dưới bến, nước vỗ óc ách vào bông cây gạo già. Xéo bên kia sông, con tàu dò hiệu Tấn Phát chạy bằng sức người đập guồng, lào xào trong ánh trăng mênh mông, tiếng còi tàu nghe tun tun.

Khu rừng mờ mờ bên kia sông (sau này là Chiến khu Đ), vọng về tiếng vượn hú gọi con, tiếng chó sói tru, tiếng con ó ma

lai khào khào. Từ bến miễu Long Chánh, lại bật lên tiếng kêu “Gãy ghên” của chú Từ Khâm.

– Nè, mà có viết được tiểu thuyết như vậy không? – Chị hỏi.

– Được.

– Ừ! Tao mê tiểu thuyết quá. Chỉ sợ má, tía biết được đánh chết.

– Sao lại đánh?

– Con gái không nên coi tiểu thuyết. Ai cũng biểu vậy. Cho nên hết bộ này, tao đâu dám đi mượn tiếp.

– Tôi viết cho chị đọc.

– Nhớ nghe mậy.

Đó là lý do tôi vừa theo học trường sơ học Tân Uyên, vừa lén viết cuốn gọi là tiểu thuyết đầu tay *Hai khẩu súng lục*. Hăng máu, lại viết bằng tiếng Pháp. Chắc là sai trật nhiều lắm. Chắc chắn chẳng hay ho gì. Nhưng, mỗi tuần, tôi lại chuyển cho các bạn thân trong lớp tranh nhau đọc, trong đó có chị Thanh Hậu. Sau năm 1945, chị Thanh Hậu vào rừng kháng chiến, chung cơ quan với tôi, là một trong bốn cô gái họ Thanh. Ngay bến đò Bình Ninh và chợ Tân Uyên, có nhà anh Tô Văn Tuấn, học trên tôi mấy lớp, về sau là nhà văn Bình Nguyên Lộc. Anh Lý Văn Sâm là người cùng làng với tôi, tôi ở ấp Long Chánh, anh ở ấp Bình Ninh, lớn hơn tôi mười tuổi. Lúc ấy, anh Lý Văn Sâm đã nổi tiếng với nhiều tập truyện ngắn, tiểu thuyết. Anh Lý Văn Sâm theo cha là ông kiểm lâm Huệ, làm việc tại chợ Tân Uyên, trước cửa ngôi trường tôi học ngày ngày. Nhưng tôi cũng không quen biết với anh Lý Văn Sâm. Có thể đó là thiệt thòi lớn của tôi. Vì khi ngồi học ở ghé nhà trường Tân Uyên, tôi

đã say mê đọc, viết tiểu thuyết. Chỉ tiểu thuyết thôi. Tôi không làm quen với thể loại truyện ngắn, thơ.

Sau năm 1975, tôi mới quen biết anh Lý Văn Sâm, mới được đọc tác phẩm của anh và anh Bình Nguyên Lộc. Tôi và anh Lý Văn Sâm qua Sài Gòn tìm thăm anh Bình Nguyên Lộc, tác giả nhiều tập truyện ngắn và tiểu thuyết in trong hai chục năm thời Mỹ ngụy, trong đó có tiểu thuyết *Đò dọc* được giải thưởng văn chương trào miền Nam chưa giải phóng. Tìm quanh quẹo mãi đến trưa, tôi và anh Lý Văn Sâm mới đến được nhà anh Bình Nguyên Lộc. Một ông già, lớn tuổi hơn tôi nhiều, gầy gò, đau ốm, đang nằm trên giường, ngồi dậy bắt tay anh Lý Văn Sâm và tôi, mắt rất sáng. Anh Bình Nguyên Lộc và anh Lý Văn Sâm quen biết nhau thuở nhỏ và những năm hai anh sống, viết ở Sài Gòn. Anh Bình Nguyên Lộc gọi tôi là “Tiên sinh” theo thói quen ở Sài Gòn. Anh Lý Văn Sâm rất nghịch, bảo anh Bình Nguyên Lộc:

– Vậy là ba nhà văn ở ngã ba sông Đồng Nai anh hùng lại gặp nhau, chỉ còn thiếu anh Huỳnh Văn Nghệ, anh Trần Bạch Đằng và Tiên sinh Trịnh Hoài Đức...

Anh Bình Nguyên Lộc xúc động, chớp chớp đôi mắt, lát lâu sau mới khoe:

– Tôi đã được kết nạp Hội Nhà văn Việt Nam, do anh Nguyễn Đình Thi mới vô thăm, công bố.

Chúng tôi rất mừng. Cùng làng, cùng một ngã ba sông, mà phải sau ba chục năm khói lửa, mới biết được nhau. Tình trạng đất nước mình cũng oái oăm lắm đấy! Thời gian ấy, anh Huỳnh Văn Nghệ chưa qua đời. Anh đang trị bệnh dạ dày cũng ở Sài Gòn đây thôi. Đến năm 1978, bệnh nặng, anh qua đời. Đám tang của anh rất linh đình, hàng nghìn người, xe cộ rầm rộ đưa anh từ Sài Gòn dọc theo con sông Đồng Nai hiển hách về tận

Chiến khu Đ, cái nôi của anh và của cả chúng tôi, an táng tại nền nhà xưa kia của anh, cũng là đại bản doanh Chi đội 10 do anh thành lập từ ngày đầu kháng chiến chống Pháp năm 1945. Còn anh Trần Bạch Đằng, giai đoạn ấy, anh đang công tác tại Hà Nội, hình như ở Ban Tuyên giáo Trung ương.

Sau đó vài năm, anh Bình Nguyên Lộc được sang Mỹ hòa hợp gia đình và chữa bệnh, rồi qua đời. Năm 1992, nhân chuyến đi dọc con sông Đồng Nai lên viếng mộ anh Huỳnh Văn Nghệ, tôi và anh Lý Văn Sâm có ghé lại thăm dốc quận Tân Uyên, thăm lại ngôi trường sơ học Tân Uyên nơi tôi, anh Lý Văn Sâm và anh Bình Nguyên Lộc từng theo học, thăm ngôi nhà của anh Bình Nguyên Lộc. Ngôi nhà xưa vẫn còn đó. Bến đò Tân Uyên – ấp Bình Ninh vẫn còn đó. Dốc dinh quận ngày xưa vẫn còn đó. Mà, những nhà văn ngã ba sông thì kẻ mất, người còn, tóc đã bạc, hom hem, tội nghiệp...

Huyện ủy và Ủy ban huyện Tân Uyên mời chúng tôi nói chuyện văn chương. Tôi đang kể chuyện hư cấu nhân vật lịch sử Chín Quì thành tướng cướp Bảy Lì khét tiếng trong tiểu thuyết sử thi *Khắc nghiệt* và *Nước mắt già biệt*, bỗng anh Bí thư huyện ủy đứng bật dậy cười ha hả, la lớn:

– Tía vợ tôi đó. Ông Chín Quì, tướng cướp Bảy Lì là cha vợ tôi đó, anh Bốn.

Cả hội trường cười lớn và ngạc nhiên, tưởng anh pha trò. Nhưng đó lại là sự thật. Hơn ba chục anh chị em văn nghệ sĩ Đồng Nai có mặt hôm đó ngỡ ngàng, bàng hoàng. Huyền thoại và sự thực đã sống trong nhau. Mất và còn sống trong nhau. Anh Tám Nghệ qua đời, mộ anh và chiến tích của anh vẫn còn đó. Ông Chín Quì vào Đảng từ năm 1943, đành phải mang danh tướng cướp, là phó tướng của anh Nghệ suốt chín năm chống Pháp, là thổ địa của Chiến khu Đ, mất đi vẫn còn đó con suối

Sâu, con suối Dấp Lạc, vẫn còn đó con, cháu, rể của anh, có anh Bí thư huyện ủy Tân Uyên. Chiều Tân Uyên hôm đó mờ ảo, lãnh đãng mây ngàn từ rừng chiến khu sau lưng dinh quận, tức trụ sở Ủy ban nơi chúng tôi ngồi họp, dòng sông Đồng Nai anh hùng trước mặt sương giăng trắng tái, ụp ùm sóng vỗ. Hình ảnh Trung đoàn trưởng rồi Khu bộ trưởng khu Bảy Tám Nghệ cùng Trung tướng Nguyễn Bình cưỡi ngựa song song lên chiến khu... bỗng hiện rất rõ trong tôi.

Nửa thế kỷ trôi qua, mà, như mới ngày nào. Cái “mới ngày nào” ấy chứa đựng trong nó xiết bao đau khổ, mất mát, chứa đựng xiết bao anh hùng, bao cuộc chạm súng trời long đất lở, bao cuộc chia tay đầy nước mắt, bao con người đã đi vào huyền thoại, sống mãi trong người dân miền Đông chúng tôi, như anh Huỳnh Văn Nghệ, anh Chín Quì, Trung tướng Nguyễn Bình...

SÁU NỞ

Trở lại cái đêm làng bị cháy...

Tôi đang ngồi dưới bến nước, cạnh mui ghe trên bờ, hồi nhớ những đêm ngày cùng chị Sáu tôi đọc tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh... Lát lâu, rất lâu, hình như buồn, tủi và quá mệt mỏi, tôi có ngủ gật. Bỗng giật mình chồm dậy khi nghe có tiếng chân người rón rén trên gốc cây khế chua, cạnh gốc bưởi Thanh. Hai bóng đen loáng cái đã biến mất trong vườn chuối tối đen, rồi tận ngoài mả Vôi vẳng lại tiếng cười nhẽu nhão, tiếng hát rất quen: “Văn vấu chí...”, đúng là chú Bảy Hớn điên. Vậy là chú vẫn còn lẩn quất đâu đây, giữa cái làng điêu tàn của chú. Rồi chú ăn bằng gì? Sống bằng gì? Tôi bước nhẹ qua nền nhà cháy, rón rén ra chỗ ngôi mộ cha tôi, tìm chú.

Im lặng. Chỉ có tiếng con trâu nhà ai ghé ngo gọi đàn phía bầu Mật Cật. Trâu nhà ai? Hay con trâu Chăn già, con trâu Bầu của gia đình tôi? Hay con trâu Cui già lão của chú Bảy Hớn?

Tôi chạy nhanh ra ngôi mộ cổ, chỉ kịp thấy bóng đen chú Bảy Hớn điên ngồi trên lưng con trâu chạy như bay vào bóng đêm, bên trên là đám tàn lửa từ ngôi nhà nào bốc cao, sà xuống. Bóng đen của chú và con trâu mất hút. Tiếng hát điên khùng của chú từ cây xoài cổ thụ, từ ngôi mộ cổ vẳng lại như tiếng ó ma lai.

Cái cây xoài cổ thụ ấy, ngôi mộ cổ ấy đối với chú Bảy Hơn diên, con Theo khùng và lũ chúng tôi, thân thiết biết chừng nào.

Hầu như đêm, ngày, nơi ấy là tổ ấm của lũ trẻ chăn trâu chúng tôi.

Mùa khô, giêng, hai, đồng khô cỏ cháy, cả đàn trâu của chúng tôi đều thả rông trên hai cánh đồng quanh ngôi mộ cổ và cây xoài cổ thụ ấy. Gần hai chục con trâu, giao cho chú Bảy Hơn diên và con Theo khùng coi giữ. Còn lũ chúng tôi, nằm ngả ngớn trên ngôi mộ cổ, trên cây xoài cổ thụ, kể chuyện đời xưa, hát hò, chọc phá nhau.

Mặt trời đứng bóng, cử người về từng nhà dỡ cơm trong nón lá, thức ăn đùm trong lá chuối hơ lửa, đem ra đây. Xúc cho chú Bảy Hơn diên một tàu lá chuối đầy cơm, mắm nêm, mắm sặc. Chú bốc ăn ngon lành, vừa ăn vừa hát, cười nhể nhão. Thấy cái gì dơ bên cạnh, chú bốc liệng đi, tiếp tục bốc cơm. Theo khùng có vẻ sạch sẽ hơn, chùi tay cẩn thận vào vạt áo rách bên hông, mới bốc cơm. Cơm nước xong, chạy xuống ruộng tìm vũng nước trong, chổng khu uống kỳ no.

Trên cây xoài cổ thụ có ổ ong vò vẽ lâu đời. Nhiều đứa nghịch phá chúng tôi bị ong vò vẽ sà xuống chích sưng cả mặt mày.

Sáu Diệp bày trò: Dụ chú Bảy Hơn diên leo lên cây xoài cổ thụ múa hát. Khi chú leo gần bọng ong, chúng tôi vác đất cục chọi vào bọng ong. Lập tức, từng luồng đỏ như lửa từ trong bọng tuôn ra, tiếng đập cánh ù ù như gió thổi. Chú Bảy Hơn diên bị hàng chục con ong vò vẽ sà vào chích khắp người. Chú đưa tay đập khắp nơi, tắt tiếng cười, rớt xuống đất. Đàn ong nổi giận như đám lửa quây lấy lũ chúng tôi. Đứa chạy bán mạng xuống ruộng, chui vào đám dứa dại đầy gai, kêu trời kêu đất, mất sưng

híp lại. Tôi và con Theo khùng vấp té, đàn ong vẫn vũ bên trên tìm kiếm. Hai chúng tôi nín thở nằm im giả chết. Mặt mũi chúng tôi sưng híp, bắt đầu nóng như lên cơn sốt rét. Theo điên chịu không nổi, quần quai. Tôi la to:

– Nằm im. Lăn lộn, chúng quần trở lại, chết hết!

Sáu Diệp hoảng tam tinh, chạy ra bờ sông Đồng Nai nhảy tùm xuống nước. Bên trên, đàn ong vò vè sà đổ mặt nước, đợi cái dầu của Sáu Diệp nổi lên là đáp xuống. Cái dầu của Sáu Diệp đỏ như đám cháy trên mặt sông. Có đứa chạy tuốt về nhà, lấy quần áo, chăn màn trùm kín người, rên rĩ, kêu la người nhà cứu giúp. Cứu làm sao được mà cứu?

Nhiều đêm trăng, chúng tôi tụ tập trên ngôi mộ cổ ấy bẻ trộm dừa, bưởi, mít, mía đám bày trò tiệc tùng. Bưởi trộn dái mít, khế chua và ớt hiểm. Cá nướng trui. Trứng chim luộc. Cả đám xúm nhau ăn uống, nói dóc, kể chuyện đời xưa, hát những bài hát cổ xưa của xứ Đồng Nai. Đôi khi, chúng bắt tôi hát bằng tiếng Pháp học ở nhà trường. Hoặc kể những câu chuyện bịa trong tiểu thuyết của tôi. Chúng há miệng, lim dim mắt, say sưa lắng nghe, khi ngoài bầu Mật Cật tiếng chim đa đa ra rả, tiếng chim cúm nùm than thở, tiếng vạc quạt cánh bay qua...

(Sau này, tôi dựa theo chuyện có thật ấy viết nên truyện vừa *Tướng Lâm Kỳ Đạt*, do Nhà xuất bản Kim Đồng ấn hành năm 1962).

Còn đêm nay, ngôi mộ cổ và cây xoài cổ thụ chìm đắm trong vắng lặng. Đâu rồi chú Bảy Hớn điên, con Theo khùng, chú Từ Khâm vui tính? Đâu rồi con trâu Chăn hiền lành, con trâu Bầu nhạy hòng, ma lạnh, con trâu Cui nổi tiếng ghen và mê cái? Đâu rồi má tôi, các anh, em và chị Sáu tôi?

Tôi nằm dài trong chiếc mui ghe bên gốc cây gạo già chẳng biết bao lâu.

... Chị Sáu mê tiểu thuyết quá đỗi. Tôi phải ngày ngày hai buổi đến trường. Thì giờ đọc tiểu thuyết cho chị ít quá. Chị bảo tôi:

– Nè, mày có dạy tao đọc sách được không? Chỉ dạy tao đọc được tiểu thuyết thôi. Không cần dạy đọc các sách khác.

Tôi phì cười làm chị khó chịu, đỏ mặt tía tai:

– Đã đọc được cuốn này là đọc được các loại sách. Tiểu thuyết và các loại sách báo, cùng viết, in một thứ chữ thôi.

– Vậy sao? Mày dạy tao đọc đi. Đọc được, tao trả công mày năm con gà mái đẻ.

Thế là tôi bắt đầu dạy chị Sáu, cũng ngay cái mui ghe cạnh cây gạo già này, sát mép nước con sông thân thuộc. Chẳng ngờ, chị Sáu tôi lại thông minh. Đọc được mỗi vần ABC, chị cho tôi một con gà mái như lời hứa. Khi tôi có được năm con gà mái đẻ hẳn hoi, chị Sáu tôi đã biết đọc lại võ vẽ viết nữa. Thế là chị lặn vào ngốn ngấu tiểu thuyết, cả những quyển “tác phẩm” nhảm nhí của tôi chị lôi ra đọc tuốt. Tôi thấy chị kiêu hãnh cùng các cô gái trong làng, đi làm đồng, cắt lúa, đi cấy, nhổ mạ... cũng lén nhét một quyển sách bên trong áo.

Một hôm, mất tập bản thảo tiểu thuyết, tôi lủi nhanh vào ruộng kiếm tìm. Có tiếng khua sột soạt cạnh chiếc rương gỗ cất quần áo gia đình. Tôi rón rén bước đến: Trời, chị Sáu tôi đang loay hoay, chân co chân duỗi, lưng trần, vội vội vàng vàng thắt, mở, buộc mấy sợi dây vải như râu khô mọc quanh ngực. Tôi la lên kinh ngạc:

– Chị làm cái gì kỳ cục vậy? Sao lại cột dây vải quanh ngực làm gì vậy hả trời?

Mặt chị đỏ như gấc. Chị quơ chiếc áo bà ba đen quàng qua vai:

– Đừng nói lớn... Tao mới sắm được cái áo lót... Má cho tao một thùng đậu phộng, tao bán...

Tôi lật đật chạy ra ngoài, đứng thở hổn hển. Trời, chị Sáu đã lớn rồi. Thuở ấy, hình như gái làng tôi chưa ai có cái loại áo lót trong nhiều dây nhợ như râu khô mực như thế.

Thế rồi, một tháng sau, cha mẹ tôi báo tin trong bữa cơm chiều trên bộ ván bị hà ăn lở loét nhiều chỗ:

– Ngày mai, thằng Cường, thằng Hưởng, thằng Thương mượn mấy cây cột, sườn nhà đình miếu về dựng trước sân. Thằng Bốn, thằng Trục (anh Tám tôi) qua rừng bứt dây choại, dớn, ra bầu Mật Cật chặt chục tàu cây dứng đỉnh... Má mày lo chợ búa:..

– Chi vậy tía? – Anh Tư Thương tôi cất tiếng hỏi.

– Đám cưới con Hưởng (chị Sáu tôi).

– Ai cưới vậy tía? – Anh Bảy Cường lại hỏi.

– Người dưới Lợi Hòa, gần trường học thằng Bốn học mấy năm trước.

Các anh quay lại nhìn tôi, như tôi là mai mối trong vụ này.

Niềm vui thoáng qua chốc lát trong tôi. Rồi thì buồn. Trời, vậy là chị Sáu tôi phải đi lấy chồng. Lấy chồng tận làng dưới cách một cánh rừng chồi, gần trường học tôi học lớp một, lớp hai. Ai vậy kìa? Tôi tự hỏi.

... Tôi choàng thức dậy khi nghe tiếng pháo, tiếng la lối ngoài đầu ngõ. Tôi tuột xuống võng giăng trong buồng, chạy ra. Một đoàn người áo dài khăn xếp từ ngoài cây xoài cổ thụ và ngôi mộ cổ từ từ tiến vào. Đi đầu là bốn anh trai mồ hôi mồ kê, lưng thắt dây vải đỏ, chân đi guốc vông, khiêng mấy ché rượu, heo quay, tay bưng hàng chục mâm quả màu đỏ lòe loẹt.

Theo sau đoàn người là hàng chục trẻ con trong làng, những bạn bè chẵn trâu cắt cỏ của tôi, thằng nào cũng mặt mày đỏ cháy, lưng trần, chỉ mặc chiếc quần xà lỏn te tua, tam khoanh tứ đốm, tay vung vẩy chiếc roi trâu, một xâu cá, cua đầy bùn.

Chú Bảy Hơn điên và con Theo khùng gần như trần truồng ngồi lên lưng trâu tể theo, cười nhễu nhão, chụp ruồi xanh nhét vào tai, hát rống lên như tiễn biệt, như chào mừng chị Sáu tôi.

Trong nhà, cha, mẹ tôi, chú Từ Khâm, các anh chị tôi đứng xếp hàng ngay cổng chào bằng cành cây đủng đỉnh, quấn dây choại, dờn như rồng châu. Bác Tư Gông, bác Bảy Cả, nhiều chức sắc trong Hội tề quần lãnh trắng, áo dài the, khăn xếp, trịnh trọng ngồi ngay ngắn trên những chiếc ghế đầu cũ kỹ, trên bộ ván gỗ đỏ au.

Tôi lén vào cửa buồng chỗ chị Sáu tôi đang núp. Chị Sáu tôi hôm nay mặc áo dài the thùng thình, đầu trần, hai tay đeo hai chiếc vòng vàng, cổ đeo dây chuyền vàng. Cạnh chị là nhỏ Năm cũng áo dài, tóc tai chải chuốt, mặt đỏ rựng, không biết có ăn trầu không mà môi nó đỏ chót, mắt lại long lanh nữa.

Khi chị Sáu tôi và chồng cúi lạy ông bà, trời phật, cô bác xóm giềng, tôi không sao kềm được nước mắt. Tôi đưa lưng bàn tay dơ bản dụi mắt. Càng dụi, nước mắt ở đâu càng ràn rụa. Cái lưng cong cong của chị Sáu tôi ngẩng lên cúi xuống, mười đầu

ngón tay chúm lại đưa lên ngang trán rồi kéo xuống ngang hai đầu gối ngồi xếp một phía. Tôi trông thấy hai hàng nước mắt lã chã trên má chị! Khác xa những giọt nước mắt thương cảm khi hai chị em đọc tiểu thuyết của ông Hồ Biểu Chánh dưới bến nước. Tôi biết rõ: Đây là lần đầu tiên chị Sáu tôi biết mặt chồng. Đám cưới thuở ấy là như thế. Nhưng, ác thay, chị Sáu tôi lại biết đọc tiểu thuyết, lại lãng mạn! Những đêm hai chị em nằm đọc sách dưới bến nước, chị thường nghẹn ngào lau nước mắt, nhìn ra dòng sông Đồng Nai, thở dài thườn thượt, mơ ước một hình bóng nào đó lơ lửng trên bầu trời đầy sao, trên dòng sông mờ ảo, có tiếng tàu đò hiệu Tấn Phát chạy ào ào, bốp còi nghe tun tun. Chị hát nhỏ nhỏ: “Súp-lê một còn đợi còn chờ. Súp-lê hai tàu rời khỏi bến...”. Nhiều khi, bên kia sông có một anh chàng nào đó mang chiếu xuống bến giặt giũ, tôi thấy chị chăm chú và ngoảnh mặt nơi khác...

Trong góc nhà, anh Tư tôi cúi gò lưng xuống chiếc đờn cò, mái tóc rử xuống tận mặt. Tiếng đờn cò của anh réo rắt, cửa đi cửa lại nhói buốt tận tim gan tôi. Anh Năm, anh Ba, anh Tám, anh Bảy tôi cũng mặc quần áo bà ba đen, ống quần treo cao “chó táp bảy ngày không tới”, len lách châm rượu các bàn khách. Các ông Hội tề, người già uống rượu ừng ực, rượu chảy tận cổ, ngực, cười nói oang oang.

Chú Từ Khâm đầu trọc lóc, tay bung ché rượu bên ngoài dán giấy hồng đơn, chế rượu mời khách. Chốc chốc, chú lại rống to, bắt cháp:

– Gãy ghên! – Rồi chân nam chân bắc, ngặt nghẻo, chú nghêu ngao hát như chỗ không người, như dăng miếu của chú:

– Chị Sáu ơi, sao chị không đi lấy chồng? Để đến mùa đông, lạnh tựa như đồng?

Tiếng đờn cò của anh Tư tôi lại hòa theo. Sáu Diệp cầm hai khúc nhịp sanh gõ cốc cốc theo tiếng hát của chú Từ Khâm.

Bỗng tía tôi khoát tay, thét to:

– Thôi, đừng có són nước mắt ra nữa!

Má tôi lật đật chạy tọt vào buồng, quẹt nước mắt trong chiếc khăn rằn nhem nhuốc.

... Khi tôi choàng tỉnh dậy, nhà vắng teo. Hai con chó đang lượn dưới gầm bàn gặm xương. Ngoài hè nhà, con trâu Bàu với con Chăn già gõ sừng côm cốp vào rống, đòi cỏ non.

Chị Sáu tôi đã đi theo chồng, dưới làng Lợi Hòa, cạnh trường học ngày xưa của tôi.

Tôi chạy đêm sầm theo lối mòn có xác pháo đỏ, đi tìm chị Sáu tôi. Chỉ nghe vắng vắng tiếng chú Bảy Hớn điên cười trên lưng trâu, tiếng chú Từ Khâm đặng miếu Long Chánh gào to “Gấy ghên”, lại hát rống: “Chị Sáu ơi, sao chị không đi lấy chồng? Để đến mùa đông, lạnh tựa như đồng?”.

Nhiều tháng sau, một buổi sáng, tôi thức dậy chuẩn bị sang sông đi học, bỗng thấy chiếc võng ngoài hiên nhà đong đưa. Trời, chị Sáu tôi đang nằm đưa võng. Tôi nhảy đến, bỗng dừng lại: Mặt chị tím bầm, đẫm nước mắt! Trên bộ ván gỗ, anh Tư, anh Năm, anh Tám tôi ngồi im lặng. Cha tôi đang châm trà vào chén, khục khặc ho.

Tôi rờ mặt chị Sáu, hỏi nhỏ:

– Sao vậy chị?

Chị lau nước mắt, nắm tay tôi bóp bóp, im lặng.

Cha tôi quát:

– Mày lo đi học đi! Trưa rồi kìa. Chiều về sớm, nhớ cho trâu lên đồng Trên cạp ba cọng cỏ.

– Em đi học đi! – Chị Sáu nhỏ nhẹ bảo tôi.

– Chị thích đọc tiểu thuyết nữa không? Của tôi mới viết...

Chị Sáu lắc đầu, đẩy tôi ra ngoài hiên:

– Ráng học giỏi nghe mậy? Đừng để thua thiên hạ – Và chị khóc.

Anh Bảy tôi lên tiếng. Tính anh cộc cằn, thẳng như ruột ngựa:

– Mà tại sao thằng chả đánh chị? Khùng, hay điên?

Chị Sáu sợ sệt, yên lặng. Anh Năm nhìn anh Bảy tôi giọng nhỏ rí:

– Thì nó chê, nó đánh chớ sao? Hỏi kỳ cục vậy?

– Chê? Tại sao lại chê? Sao đồng ý cười, lại chê? – Anh Bảy tôi vặc lại, vụt đứng lên, hăm hăm, quơ chiếc nón lá mê trên vách.

– Chị cứ ở đây nghỉ ngơi. Không có khóc than gì hết. Để đó tôi.

Anh Bảy tôi xách chiếc rựa quắm, bước xuống bậc thềm. Bỗng cha tôi dẫn mạnh bình tích trà xuống ván, quát nhỏ:

– Cường. Không được làm bậy!

Anh Tư tôi buông cây đòn cò, bước ra nắm tay lôi anh Bảy tôi.

Anh Bảy tôi vùng mạnh tay. Anh Tư chơi vơi, ngã vào bậc thềm nhà.

– Đ.má, đâu có chơi cha kiểu lật lọng đó được! – Anh Bảy chửi lớn – Tôi sẽ hỏi tội thằng chả. Gì thì gì? Cũng còn người lớn chớ. Ngon lành gì cái thứ đó mà nhịn?

Cha tôi phẩy tay một cái, bỏ vô buồng.

Từ hôm đó, tôi rất vui, rất mừng vì chị Sáu tôi ở luôn tại nhà. Ông anh rể tôi cũng có tới lui đôi ba lần gì đó, rồi bật luôn.

Vài năm sau, chị Sáu tôi lại lấy chồng. Lần này, ông anh rể của tôi lại ở phía bên kia con sông Đồng Nai. Không hiểu hai người có quen biết nhau trước không? Nhưng tôi thấy có vẻ vui vẻ hơn.

Đùng một cái, anh rể tôi bị bắt lính cho Nhật. Đầu cạo trọc, đội chiếc mũ kaki hôi hám, xẻ gáy. Chân đi ghệt quẩn từ mắt cá chân lên, quần kaki cụt lủn, màu cứt ngựa.

Ngày anh rể tôi tập trung bên kia sông, có kèn lập binh theo kiểu Nhật, có sĩ quan Nhật về chứng kiến, gươm dài chấm đất, mang kính trắng, mũ xẻ gáy, ló cái ót cạo trọc. Hai vợ chồng khóc hết nước mắt lúc chia tay bên dòng sông Đồng Nai.

Chiếc tàu nhà binh chứa đầy tân binh người ven sông Đồng Nai, quần áo vàng khè màu cứt ngựa, rúc còi nghe tun tun thăm nã, nhắm chợ Tân Uyên chạy thẳng!

Đêm về trong chiếc mui ghe ở bến nước, hai chị em lại chui rúc bên chiếc đèn dầu leo lét, sóng vỗ ập ùng vào gốc cây gáo, chân cầu.

Chốc chốc, bên kia sông lại nổi trống hồi một báo có cướp. Chị Sáu run như cây sậy. Chắc chắn đó là đám cướp ông Chín Quì, từ trong rừng sâu kéo quân ra. Không đêm nào không có tiếng trống hồi một. Nghĩa là không đêm nào ông Chín Quì không kéo lâu la đi cướp. Toàn cướp bọn nhà giàu trong vùng

Đồng Nai Thượng, Đồng Nai Hạ, chợ Tân Uyên, chủ bến gỗ, chủ nhà thuốc Bắc, dinh quận. Tướng cướp Chín Quì chỉ thu lấy một phần cướp được nuôi quân, còn bao nhiêu đem chia cho dân nghèo quanh vùng. Đến tháng chín năm 1945, dùng một cái, chính tướng cướp Chín Quì là đảng viên Cộng sản từ 1943, là cơ sở mật của chú Tám Nghệ, âm thầm nuôi quân, xây dựng cơ đồ, thành lập Chi đội 10 (tương đương trung đoàn). Ông Chín Quì kéo đám cướp cùng chú Tám Nghệ, dân làng xuống cướp chính quyền quận Tân Uyên, lập phòng tuyến cho ngày đầu kháng chiến hết sức gian nan.

... Mùa tháng bảy nước sông Đồng Nai đục ngầu, dâng cao, hai chị em chúng tôi chèo ghe qua vịnh dốc Chùa vớt củi. Tôi chèo mũi. Chị Sáu chèo lái. Nước chỗ mũi nước dốc Chùa chảy âm âm, hàng chục ổ gà hút sâu tận đáy sông. Gặp củi gì, tôi cũng quơ bỏ lên ghe. Chị Sáu tôi cạy, hoác, lái chiếc ghe vượt các ổ gà xoáy tròn đến chóng mặt. Có khi, tôi quơ nhằm cả mái tóc của người chết, một cái chân nai trôi lều bều, xoay xoay. Chị Sáu kêu rú, buông chèo. Mũi ghe cắm sâu xuống ổ gà toang hoác, réo ồ ồ. Tôi lật đật lội ra sau giữ chị Sáu.

Hai chị em vịn be ghe kêu làng rầm trời. Chú Từ Khâm chèo ghe vọt tới, lôi chị Sáu tôi lên, cười ha hả: “Gấy ghên, dám chọc gheo hà bá sao chị Sáu. Chị Sáu ơi, sao chị không lấy chồng? Để đến mùa đông lạnh tựa như đồng?”.

Vậy mà chị Sáu tôi cất tiếng cười được, mới lạ.

Lần ấy, tôi bị cha, má tôi chửi cho một trận không còn manh giáp. Nghĩ cũng tức cười, vớt củi là vớt cho cả gia đình, riêng gì hai chị em chúng tôi? Nhưng đâu dám nói lại. Chẳng là gia đình tôi đông anh em, ai cũng lớn. Có lẽ ai cũng cần có chút ít tiền xây xài riêng, nhưng tất cả tiền bạc, đều do cha tôi cất giữ.

Hết mùa lúa, mùa mía, đường, tía đậu phộng, bao nhiêu tiền, cha tôi cất giữ hết. Không ai có riêng một đồng xu, cắc bạc. Tôi nghiệp các anh lớn như anh Ba, anh Tư, anh Năm, anh Bảy... lại nghiền thuốc lá. Mỗi ngày phải chia tay đợi cha tôi rút cho mỗi ông anh một cục thuốc rê quấn giấy nhật trình, quấn lá chuối non hơ lửa, hoặc lá cây cò ke héo. Cũng phì phà, mỗi người một góc nhà. Do đó, âm thầm gây quĩ riêng. Nuôi gà riêng. Tía đậu phộng riêng, đậu xanh riêng. Từ nhỏ cho đến năm mười lăm tuổi, tôi không hề cất giữ một đồng xu. Đúng là cơm cha áo mẹ!

Một hôm, chị Sáu rủ tôi đi nhờ giá đậu phộng, mót đậu phộng sót về bán kiếm tiền. Hai chị em men theo ven sông xuống tận bến nước cây Khế, mả Đồi, quần khắp các đám đất đã tría đậu phộng, lôi từng dây đậu phộng còn xanh, lật vài hột đậu sót. Mưa tầm tã. Hai chị em ướt mẹp, run cầm cập. Tôi nghiệp chị Sáu dở chịu rét, hai hàm răng khua mạnh, tóc dính bết cổ, vai áo. Vậy mà không chịu vô mấy nhà mồ trốn mưa.

– Vô mấy cái nhà đó, tao sợ ma lắm – Chị bảo vậy, vụt chạy ra giữa cơn mưa tầm tã.

Tôi phải chạy theo, vượt nước mưa tối mắt, moi từng chiếc giá đậu phộng trắng phau mới lú nhô mặt đất. Chị chỉ chỗ này, chỉ chỗ kia:

– Đây nè, mày nhờ đi. Kia kia, nhờ đi. Chà, cái giá đậu này mạp mà trắng quá trời.

Tôi chạy nhảy theo tay chị, phủi nhẹ lớp đất bên trên, lôi nhẹ từng chiếc giá đậu mới le lười, đầu cúi gục xuống như trẻ con trong bụng mẹ.

– Mày ăn thử cái giá đậu này coi. Mát lắm.

– Chị ăn đi. Cái giá đậu này mới ngọt. Ngọt hơn đường phèn.

Chị nhai rau rầu, nước bọt bắn cả vào mặt tôi.

Rồi hai chị em chui dưới gốc mít đại sát bờ sông trốn mưa.

– Chỗ này nhiều ma lắm. Coi chừng.

– Ma đâu mà ma! Chị nghe chú Từ Khâm nhất đó.

– Tao nhìn thấy rõ ràng. Chiều đó, tao với má đi chợ Tân Uyên về, thấy một thằng nhỏ đầu trọc ngồi chồm hồm chỗ này nè. Hỏi nó con nhà ai? Làm gì ở đây? Nó vụt đứng dậy, nhăn răng cười, vọt lên ngọn cây mít nài này nè, nhả xuống mặt nước chỗ kia kia, chạy bay qua khu rừng bên kia sông. Trời, chiều đó, tao với má chạy có cờ... Má bị sút móng chân, mày quên rồi à?

Tôi cũng rùng mình, nhưng cố làm cứng:

– Trọc đầu hả? Vậy là chú Từ Khâm rồi. Hoặc là chú Bảy Hơn diên.

– Bảy. Chú Từ Khâm, chú Bảy Hơn diên làm sao chạy trên mặt sông được?

– Sao lại không được? – Tôi cãi lại – Một buổi tối, buồn quá, tôi, Sáu Diệp, Tám Đuốc rủ nhau xuống đây bẻ mía trộm ngồi vắt vẻo trên nhánh mít nài này nè, chị nhìn kỹ đi. Ngồi đây xước mía nhả bã xuống sông, trắng sáng như ban ngày, đã lắm. Bỗng có hai chiếc ghe chài từ chợ Tân Uyên chèo lên. Tụi tôi lượm đất cục hét lên, chọi bán mạng xuống hai chiếc ghe chài. Họ kêu làng, kêu ma, dạt ra giữa dòng... Tụi tôi cười khoái trá, ngồi nhai mía, tán dóc. Chẳng ngờ, hai cha ghe chài ấy lên phía trên một chút, tấp vô bờ, hai cha vác hai cây cào dài lò dò trở lại đây, táng tụi tui mỗi thằng bốn năm hèo, thấy ông cố tổ.

Thằng vọt xuống sông, kêu oai oái. Thằng lủi vô đám mía kia...
– Tôi vén lưng áo cho chị coi vết thẹo lần ấy vẫn còn tím ngắt. Thằng Sáu Diệp bị gãy một cái răng chuột... Tám Đuốc chạy không kịp, bị bắt, trói vào cành mít dại này, khóc lạy hết lời...

Chị cười ngắt, chìa hai hàm răng rất trắng, rất đều như răng của nhỏ Năm. Trời, chị còn trẻ quá, còn đẹp lắm. Vậy mà đã hai đời chồng, lại đang dở dang... Anh Sáu đi lính cho Nhật, bị điều qua Xiêm đánh nhau chí chạp, sống chết, nào ai biết được?

Ba mươi năm sau, tôi gom góp các sự kiện về chị, về cái làng bị cháy của tôi, dựng nên nhân vật Sáu Nở trong tiểu thuyết sử thi *Khắc nghiệt* và *Nước mắt già biệt*. Tôi lại hư cấu cho Sáu Nở yêu thầm tướng cướp Bảy Lì. Cái đêm đám cưới chị, Bảy Lì đứng dưới bến nước, chỗ cây gáo già âm thầm lau nước mắt già biệt. Một hôm, lúc này chị đã ngoài sáu mươi, chị bỗng hỏi tôi gay gắt.

– Nè Chín, tao yêu tướng cướp Bảy Lì hồi nào? Tại sao mày dám bày chuyện như vậy hả? May là tía, má qua đời. Nếu ông bà còn sống, tao làm sao sống nổi?

Tôi bàng hoàng giây lâu, chẳng biết trả lời ra sao, đành lấp liếm:

– Tôi viết chị yêu thầm tướng cướp Bảy Lì hồi nào?

Chị liếm nước bọt vào đầu ngón tay trỏ, lật nhanh cuốn tiểu thuyết *Khắc nghiệt* dày cộp, chỉ:

– Cái gì đây? Sáu Nở... Mày tưởng tao không biết đọc hả? Ngày xưa, chính mày dạy tao biết đọc biết viết, mày quên rồi à? Cả làng mình đều đọc cuốn tiểu thuyết này. Sáu Diệp, anh Tám Chơi đều hỏi tao chuyện ấy. Ai cũng biết tướng cướp Bảy Lì

chính là anh Chín Quì, phó chỉ huy của anh Tám Nghệ. Sáu Nở chính là... là tao. Còn Sáu Lế... Ngô Kỳ Hồng chính là cậu Năm tụi mình. Chết nghe em! Viết lách phải coi chừng!

– Thì chính ngày xưa, chị xúi tôi học viết tiểu thuyết cho chị đọc chớ ai?

– Thì tao xúi. Nhưng... – Chị bỗng lau nước mắt – Cái năm 1953, tao nhận được lá thư của mày ở tận Cà Mau gửi về. Trời, tao với anh Sáu mày khóc hết nước mắt. Người ta đồn mày đã hy sinh khi đánh trận gòi đó ở An Biên, cái nón nỉ bốn múi trôi lênh bênh trên sông Rạch Giá. Anh Sáu mày chở tao đi khắp các đồn bót quanh Biên Hòa, hỏi coi mày có bị bắt, bị giam ở đó không? Tội nghiệp anh Sáu mày... À, vậy mà mày dám dựng anh Sáu mày thành nhân vật thầy chùa Út Thiện trong tiểu thuyết này. Thôi thì cũng tạm được đi. Vì mày vẫn để Sáu Nở ăn ở chung thủy với thầy chùa Út Thiện... Này, còn nhỏ Năm Đồng Nai trong tiểu thuyết *Trên mảnh đất này* của mày là ai? Phải nhỏ Năm cháu tụi mình không. Tháng Bảy 1975, chị Ba má nó còn sống ở Thủ Đức. Chỉ có hỏi tao về nhỏ Năm Đồng Nai với thằng cha Ba Râu nào đó...

Thì ra, mọi đầu dây mối nhợ đều do Sáu Diệp mà ra cả. Tôi thêu dệt thế nào, cũng không lọt qua con mắt Sáu Diệp. Thuở xưa, gia đình Sáu Diệp rất thông minh. Ba anh em đều là tay giỏi đờn, ca, là trung tâm văn minh của làng tôi. Ngày mùa, chúng tôi tụ tập ở ngôi nhà Sáu Diệp, khi nấu cháo lươn, khi mót lúa đổi bún, ca hát thâu đêm. Cha của Sáu Diệp là anh Năm Dì, kể chuyện Tàu lâu lâu, hết hồi này đến hồi khác, hết tập này đến tập khác, giọng điệu, diễn tả hành động, tâm tư các nhân vật như thật. Hầu như tôi biết nhiều chuyện Tàu như *Tam quốc chí*, *Thủy hử*, chuyện *Tiết Nhơn Quý chinh đông*, *La Thông tảo bắc*, *Mục Liên Thanh Đề*... đều do anh Năm Dì kể hàng đêm

ngay tại sân nhà anh. Lũ chúng tôi vừa dỏng tai lắng nghe, vừa phụ giã gạo, quét bột làm bún giúp mẹ Sáu Diệp.

Trung tâm văn hóa miếu của chú Từ Khâm giúp chúng tôi giải buồn, thưởng trăng, nước Đồng Nai, ghét bọn quan lại... nhưng cũng học đôi thói lưu manh. Còn trung tâm văn hóa gia đình Sáu Diệp và anh Năm Dī lại giúp chúng tôi hiểu, học chuyện đời qua các pho truyện Tàu nổi tiếng, các tuồng tích, chuyện dân gian Đồng Nai cổ.

Hai nơi ấy lại nghèo xác xơ. Nghèo đến mức Sáu Diệp phải ăn cháo trộn khoai mì, có khi phải nhịn đói dài dài. Quần áo chỉ một bộ rằn ri từ ngày phải đi lính cho chúng. Vậy mà lần nào gặp lại tôi, Sáu Diệp vẫn trợn mắt, đôi lông mày nháy nháy trên trán, kể hết chuyện này đến chuyện khác. Rằng chỉ còn trơ lại vài chiếc gọi là có. Đầu lơ thơ vài cọng tóc, bạc trắng. Hầu như qua Sáu Diệp mà tôi hiểu lại những năm quê hương đánh Mỹ, đưa vào tiểu thuyết. Chú lại tập tọng viết lách. Tôi cày cục sửa, đăng trên báo Văn nghệ Đồng Nai do tôi làm Tổng biên tập. Tiền nhuận bút ít ỏi, tôi phải bỏ thêm tiền túi, bảo nhuận bút của báo. Chú cào sồn sột cái đầu đầy ghẻ chóc, cười ha hả. Rồi chú bỏ viết truyện, quay sang cái nghề, cũng là cái nghiệp đeo đẳng chú và gia đình chú từ ngày xưa ngày xưa: dờn ca, đặt bài hát vọng cổ, tuồng tích cải lương cho các gánh văn công nghiệp dư huyện Tân Uyên, Vĩnh Cửu quê tôi.

Lâu lâu về quê thăm mồ mả ông bà, tổ tiên, tôi với chú lại có dịp sa đà, hoài cổ... bên bờ con sông Đồng Nai của chúng tôi.

Có khi, chú phải qua sông Đồng Nai, trở lại Chiến khu Đ ngày xưa, đánh bẫy thỏ, thú rừng. Tiền bán thỏ, đánh bẫy, chú mua gạo nấu cháo cho đàn con nheo nhóc. Trời sanh voi đất sanh cỏ. Chú bảo vậy. Đàn con của chú đứa nào cũng mập mạp như hột mít. Đứa đi câu. Đứa nhắp ếch. Đứa theo chú qua Chiến

khu Đ đốn củi gánh xuống chợ bán, đổi thức ăn. Hai chúng tôi ngồi trên thành ngôi mộ cổ ngày xưa, nhắc lại từng đoạn, từng khúc, khi cất tiếng cười sảng khoái, khi nghẹn ngào lau nước mắt. Trời mênh mông. Đất mênh mông. Vậy mà, vắng mặt nhiều đứa quá. Giá còn chú Từ Khâm, chú Bảy Hơn diên, con Theo khùng. Vắng nhiều quá. Bao nhiêu người làng quen thân như hiển hiện trước hai chúng tôi: chú Chín Hùng, Thư ký Việt Minh thôn đầu tiên, Bí thư chi bộ Bình Long đầu tiên. Chú Tư Xoàng, bí thư chi bộ thời đánh Mỹ. Chị Thanh Hóa, anh Bảy Tài, các cháu Nhất, Nhì, Bên, Bảy Quẹt, cậu Ba Hàu vẫn đeo bám theo ta từ ngày đầu năm 1945 cho đến tận ngày chiến thắng 1975, tuy con đường đi hết sức nghèo nàn, chấp nôi...

Xét cho cùng, người sống không bao giờ quên người chết. Chỉ có người chết là đành quên người sống thôi!

CỌP BA MÓNG

Càng đi sâu lên phía bắc chiến khu, câu chuyện về cọp ba móng càng khiến chúng tôi lo lắng. Đi đường, các cô giành đi giữa. Đêm ngủ, các cô giành ngủ giữa.

Nhưng một đêm, trong khi đám con trai chúng tôi nằm yên chung quanh, Thanh Tao được nằm giữa, bỗng lồm cồm bò dậy dịch ra nằm ngoài giáp hàng rào cây nhọn do chúng tôi dựng lên cấp tốc. Thanh Tao thì thầm:

- Anh nằm giữa đi. Tôi, tôi yếu bụng.
- Có gì ăn đâu mà yếu bụng? - Tôi không tin, hỏi nhỏ.
- Đã yếu thì không ăn gì cũng yếu.

Gặng hỏi mãi, Thanh Tao vẫn nói vậy. Bỗng Thanh Huyền cười khì khì, trở mình:

- Thỏ đế thì có. Nó sợ bị cha nội ba móng chụp đó...

Nghe nhắc đến cọp ba móng, lập tức cả đám ngồi dậy. Đến lúc ấy, Thanh Tao mới nói thật:

- Hôm qua, một anh bộ đội trinh sát bị nó chụp khi anh đang nằm giữa - Thanh Tao đưa tay chỉ lên đám cây nhọn rào chung quanh - Họ nói cọp chụp người theo thế võ nháy vòng cầu. Nháy qua đầu hàng rào cây thế kia, nó rơi đúng người nằm giữa... Anh cán bộ đại đội trưởng nằm giữa, bị nó tha đi luôn,

lính tráng nằm bảo vệ chung quanh không kịp lên đạn, không kịp la một tiếng.

Chúng tôi không tin, cãi lại. Anh Nhị Nguyên quơ cây nửa vạt nhọn cửa cửa vào cây nửa làm hàng rào, phát những tiếng lạnh xương sống, bảo:

– Chuyện ấy có thiệt. Mấy đêm nay, còn ba móng chụp bốn người quanh vùng này. Hai bộ đội, hai dân thường, có chú Chín Tín em chú Tám Nghệ. Chú Chín Tín tu hành trong chùa tranh giữa rừng già, vậy mà nó không tha. Nó cũng không sợ oai của chú Tám Nghệ... Thôi, ngủ đi. Các cô nằm bên ngoài, sát hàng rào. Để tụi tôi nằm giữa cho. Nhưng đừng nằm gần vòng rào, nó thọc vào...

Các cô họ Thanh nhìn nhau, thè lưỡi, rùng mình.

– Thôi, ngồi xen kẽ như vậy, hoặc nằm xen kẽ, có chết cùng chết. Sao cái con cọp thành tinh ấy lại a dua với bọn Tây...
– Thanh Hậu ít chửi bới, thế mà đêm nay lại bực bội, cáu gắt, mắt đờm buồn, đưa tay vuốt mái tóc dài, rất dài ra sau gáy, phân công luôn – Anh Nhị Nguyên nằm đây, gần chị Thanh Huyền, Thanh Tao nằm đây, cạnh anh Chín... còn tôi...

Thanh Tao giãy nảy:

– Anh Chín tướng học trò trói gà không chặt, giúp gì được?
– Và nhảy tót lại nằm cạnh anh Nhị Nguyên, làu bàu – Tướng học trò, nhu, lúc nào cũng mơ màng tiểu thuyết trên trời dưới đất, con ba móng công tôi đi mất ảnh cũng không hay biết.

Thanh Hậu phì cười, môi đỏ tươi:

– Nhu vắc lu! Nè, hôm qua tôi nghe ông Ba Trợn kể chuyện sợ quá.

– Lại chuyện con ba móng thành tinh chớ gì? Ngủ đi! – Chị Thanh Huyền trề môi, cái cằm ba ngón xệ xuống. Trong đám chúng tôi, chị Thanh Huyền lớn tuổi hơn, lại khó tính. Thời ấy, chúng tôi không chẻ sợi tóc làm tư để phân biệt giữa khó tính và dễ tính. Chúng tôi chỉ thống nhất với nhau là chị Thanh Huyền có một nỗi niềm riêng kín đáo hơn chúng tôi, lúc rất vui vẻ cởi mở, lúc lại khép kín, cau có. Dù lúc nào, trước mặt chúng tôi, chị cũng là chị cả, duyên dáng và rất đẹp. Chị thường rầy la, bảo ban, dặn dò chúng tôi nhiều chuyện riêng, chuyện chung, nhất là đối với Thanh Hậu, Thanh Tao đàn em của chị. Chị dặn bảo hai cô út từ cách đi đứng, ngồi ăn cơm, coi chừng khuy áo ngực, tẩm tấp phơi quần áo con gái chớ kín đáo. Đừng để bọn con trai nhìn thấy quần áo lót con gái, họ dễ hình dung ra nhiều thứ chuyện trên đời... Những lúc có những chàng trai hào hoa các đơn vị bộ đội đến la cà, tán tỉnh, chị không rời hai cô út, chẳng khác bà mẹ khắc nghiệt. Mấy năm trời chung nhau như hình với bóng, thế mà chúng tôi chỉ biết được có một chi tiết về đời tư của chị trước khi vào rừng kháng chiến: Hình như chị luôn giữ trong đáy tim hình bóng một chàng trai nào đó còn tạm sống ngoài thành. Mỗi lần có tin người ngoài thành mới vào kháng chiến, tôi thấy chị bồi hồi, khắc khoải, thở dài thườn thượt. Đêm đêm chị thường hát nhỏ một mình bài “Hồn chinh phu”. Những lúc như thế, chúng tôi im lặng, len lét nhìn nhau dò hỏi, và thốt ra “Sao anh ấy không vô đây lẹ lẹ giùm cái... Để chị ấy héo hon thế này, sống sao thấu? Hay chúng mình nhờ đội tình báo của anh Bùi Trọng Nghĩa ra thành lôi cha nội ấy vô cho chị?”.

Đêm nay chị lại cúi gắt, rồi lăn qua ôm chầm Thanh Hậu vào lòng.

– Đừng kể những chuyện ác ấy nữa, sợ lắm. Mặc kệ số phận. Con người chết sống đều có số cả...

Im lặng một lát tưởng đã say giấc, nhưng chỉ nghe tiếng thở dài cố nén trong lồng ngực. Anh Nhị Nguyên lại quán thuốc lá rê bằng lá cò ke phơi khô, khét lẹt.

– Lại hút thuốc? – Chị Thanh Huyền lại gắt. Mặc kệ, anh Nhị Nguyên vẫn hút, lại kể:

– Đêm mai, mỗi người kiếm một cây nứa nhọn, cắm dựng đứng kế người như vậy nè. Thế vô của cọp là phải nhảy lên cao mới chụp được mồi, nên rất sợ cây nhọn, như chông chống nhảy dù vậy... Ông Ba Trợn nói có gặp con ba móng giữa rừng gần Hàn Dài. Ông đang đi một mình giữa truông vắng, tay xách bình toong rượu, bỗng thấy một thằng cha đội nón lá rách từ dưới suối bước lên, chệnh choáng như say rượu. Ông hỏi nó rượu ở đâu mà say lúy túy càn khôn vậy? Nó đến gần lột phăng chiếc nón lá rách. Trời, một cái mặt chần vẩn, rần ri, cái miệng đỏ như chấu máu, mười móng trước xè rộng vờn vờn trước mặt ông... Hoảng tam tinh, ông quăng cái bình toong rượu vào giữa mặt con ba móng. Nó chụp gọn bình toong rượu, quăng trả lại ông, nhảy chồm lên cao phủ xuống đầu ông... Chết điếng, ông chụp được cây nứa chìa ngược phía cổ họng nó...

– Thôi đi, sợ thấy mẹ còn kể.

– Ủ, thì cũng phải kể cho các bà rút kinh nghiệm đối phó chớ.

– Con người sinh ra đều có số phận hết. Đối phó cái gì? Ra trận, đạn tránh mình. Tình yêu vợ chồng, yêu một đảng, lấy một nẻo. Nếu không vậy, không có cái thứ bệnh tương tư trên đời này, không có ghen tương, tự tử hoặc cạo đầu đi tu... – Hình như lỡ lời, chị Thanh Huyền im lặng đột ngột, thở dài và quay

qua ôm chầm Thanh Hậu kéo riết vào lòng, khiến Thanh Hậu đỏ mặt kêu oai oái:

– Ngộp thở, chị... – Vùng thoát ra được, Thanh Hậu bò ra xa, ngồi xồm dậy và ngạc nhiên ngoái nhìn chị Thanh Huyền.

Thanh Hóa lật đật lấy khăn mặt bỏ đến lau hai dòng nước mắt đầm đìa trên mặt chị Thanh Huyền.

Đúng lúc ấy, anh Nhị Nguyên rút súng ngắn lên đạn, nháy ra gần hàng rào, bắn một phát, thét lớn:

– Cọp! Cọp!

Thế là chúng tôi nhắm mắt nhắm mũi la thét như điên, đập thùng thiếc báo động. Tiếng thùng thiếc loảng xoảng lan khắp khu rừng im ắng. Đám người tản cư cắm trại gần đó cũng hoảng hồn đập thùng thiếc bắn khí đá, la thét: “Cọp Cọp...”.

Khi tỉnh lại, người ướt đẫm mồ hôi, hơi thở hồng hộc cháy bỏng bên nhau... Hóa ra, trong cơn chống chọi với họa cọp ba móng, trai gái chúng tôi ôm choàng lấy nhau, kêu thét vào tai nhau đến khản cả giọng, tay chân quờ quạng tìm kiếm vũ khí, luôn cả bên trong áo của nhau mà không hề hay biết. Thanh Hậu đỏ mặt tía tai rút mãi mới lấy tay ra khỏi áo ngực của Thanh Tao, cả hai mặt đỏ như gấc.

Thế là từ đó đến sáng trắng, chúng tôi chẳng ai dám chớp mắt.

Gần sáng đêm hôm sau, cách đó một ngày đường, chúng tôi lại “báo động” một trận nữa trên chiếc lều của cơ quan Tài chính tỉnh bỏ trống. Anh Nhị Nguyên người can trường nhất dám ngủ dưới đất để bảo vệ. Nửa đêm chị Thanh Hậu có chuyện riêng phải xuống dưới...

Đúng lúc ấy, bên trại Canh nông tỉnh bỗng vang lên một tiếng súng và tiếng la: “Cọp”. Thế là cả khu rừng náo động, tiếng đập thùng thiếc, tiếng la “Cọp” lúu lười...

Anh Nhị Nguyên, chị Thanh Hậu tranh nhau trèo lên thang gác, khốn thay, cả hai đều trèo đánh đeo phía dưới bụng chiếc thang, miệng vẫn la “Cọp. Cọp”...

Trên gác, chúng tôi kêu to “Thanh Hậu đâu?”.

Im lặng một chút, bên Tài chánh hỏi vọng sang:

– Bên đó có ai sao không? Thanh Hậu...

Chúng tôi đột đốc tìm kiếm một lúc, mới thấy Thanh Hậu đang đánh đu giữa lưng chừng thanh gác...

Bên Tài chánh, một ông già mò đi tiểu ngoài rào, bị cọp ba móng nắm tay lôi riết ra ngoài. Súng nổ, người la toáng lên, nó cắn lấy một khúc tay của ông già, lủi mất...

Quả thật những ngày ấy, nạn cọp ba móng đã làm chúng tôi hoang mang, sợ sệt hơn cả giặc Tây. Chỉ một đêm, nó có thể đi hơn hai trăm cây số: Đầu hôm nó bắt một người ở Hàn Dài, cuối đêm một người ở Đất Cuốc cũng bị chính nó chụp. Người ta cộng lại, cho đến lúc ấy, đã có gần hai trăm người bị nó bắt. Khủng khiếp hơn, là hình như nó âm mưu trả một mối thù thâm căn cố đế nào đó, chứ không phải để ăn thịt. Nhiều người bị nó chụp, khi tìm được, chỉ mất có vài miếng thịt ở mặt, ở đùi thế thôi.

Ra gần bìa rừng hoặc gần sông Đồng Nai, bị Tây phục kích, rúc sâu giữa rừng già, bị cọp ba móng. Thật là sống dở chết dở. Lợi dụng tình thế ấy, giặc Tây tung bọn gián điệp đội da cọp, giả làm cọp ba móng rình mò, dò thám cơ quan, bộ đội, khủng bố người đi lẻ.

Nhiều cuộc càn rừng qui mô theo lệnh của Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Nhưng, nó khôn ranh lắm. Nó đã thành tinh rồi. Binh công xưởng của ông Bùi Cát Vũ sản xuất loại mìn đặc biệt cài dưới xác người bị chính nó bắt. Thế mà, gần sáng, trở lại bên xác ấy, nó nhận biết ngay là nguy hiểm, bỏ đi. Phải bọc chất cách hơi sắt thép quanh quả mìn. Binh công xưởng lại sản xuất loại mìn mới, đào lỗ bên dưới xác người bị nó bắt. Trên ngọn cây cao gần đấy, lính trinh sát đặt súng trung liên, thay phiên nhau chờ... Lần ấy là xác một anh bộ đội lập rất nhiều thành tích, ra vô căn cứ địch như đi chợ. Thế mà... anh đang nằm một mình giữa bãi nghĩa địa của con ba móng... Đến gần sáng, hai chiến sĩ súng máy trên ngọn cây trác cổ thụ mới nghe thấy tiếng sột soạt gần đấy. Và cộp ba móng xuất hiện. Nó bước một cách ngạo nghễ quanh anh chiến sĩ nằm đấy, hai chân sau cào cào xuống lớp đất láng bóng nó dọn sẵn. Quanh chỗ anh nằm, có nhiều đầu lâu, nhiều khúc xương tay, xương chân trắng hếu, bãi đất láng bóng nhầy nhựa máu tươi lẫn máu khô, áo, quần rách vương vãi trên cành cây... Nó đi vài vòng, hít mũi kiểm tra mùi lạ, mới cất cao đầu, há hoác miệng gầm gào vài tiếng ùm ùm rền mặt đất, lùi lại ba bước, lấy đà nhảy phốc lên cao theo thể võ gia truyền, lao vòng cầu xuống đúng giữa ngực anh chiến sĩ...

Một bụng khói màu da cam bốc cao. Nó lăn vài vòng, và bật dậy rất nhanh, nhưng một loạt đại liên, rồi một loạt trung liên từ ngọn cây cao đã quật nó lăn quay nhiều vòng... Thế mà trước phút tắt thở, nó còn nhổ trốc gốc hai cây lành ngạnh, một cây bứa cao hơn năm, sáu thước...

Người ta đặt nó nằm trên chiếc xe trâu dài gần ba thước, kéo về trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh cho mọi

người tin. Cả chiến khu thở phào, nấu một bữa cơm không dọn khoai để ăn mừng.

Quán ông Ba Trợn ở suối Sâu lại đông khách: Cán bộ, bộ đội đi lẻ tẻ thâu đêm. Nhân dân lên rừng sâu làm rẫy, đốt than, cánh thương buôn giữa thành thị và chiến khu, người nhà vùng tạm chiếm vô chiến khu thăm bà con, quan sát tình hình... Ông Ba Trợn làm giàu trở lại, xoa bộ râu bó hàm cười khoái trá:

– Cọp ba móng còn, Ba Trợn chết. Cọp ba móng chết, Ba Trợn còn. Ba Trợn còn, chiến khu còn, kháng chiến sẽ thắng lợi.

*
**

Chúng tôi vừa cấp tốc rời địa điểm đóng quân bên con suối không tên sau nhiều ngày đêm bị giặc bao vây. Gạo đã hết. Khoai củ dự trữ cũng không còn.

Đêm nằm cạnh nhau, nghe tiếng réo lục ục trong bụng nhau. Tội nghiệp các bạn gái. Đáng lẽ cánh con trai chúng tôi chịu đói đỡ hơn. Nhưng chính các cô lại lả trước.

Thanh Hậu, Thanh Tao xanh mét, bước xuống suối rửa mặt mà vấp té mấy lần, bá cảnh này, vịn cảnh khác, thở hổn hển, môi tái mét.

Tôi bước đến đưa tay dìu Thanh Hậu. Tay cô, vai cô lạnh ngắt.

– Nhị Nguyên, anh Nhị Nguyên, lại đây, mau! – Tôi hoảng hốt réo gọi Nhị Nguyên đang rình mò chém cá suối gần đó.

Anh Nhị Nguyên vội vàng băng suối chạy đến, cùng tôi dìu Thanh Hậu lên lán. Thanh Tao tự lên một mình được, nhưng gần đến lán thì ngã quy.

Soạn chỗ cho hai cô nằm nghỉ, chúng tôi bán khoán, tìm cách cứu đói các bạn gái.

Nhị Nguyên khục khịt mũi, nhìn ngó chung quanh cánh rừng già một lúc, lại lắc đầu:

– Tôi đi chém cá suối. Được con nào hay con ấy. Cóc, nhái gì cũng được. Sau đó, tôi băng rừng đến suối Sâu tìm Ban quân lương trung đoàn. Chị Thanh Hóa đi dọc bờ suối này tìm rau tàu bay, tìm măng tre. Mùa này, măng tre già tuy có cao, nhưng vẫn ăn được.

Chị Thanh Hóa rùng mình, nhăn mặt. Tôi biết, Thanh Hóa sợ vắt. Quả thật mùa này, vùng này, vắt nhiều quá. Chúng nằm đầy lớp lá mục quanh các bụi tre, ven bờ suối. Nghe tiếng chân, nghe hơi người, chúng ngóc dậy, quơ vòi tìm kiếm. Rùng mình một cái, nghe lạnh toát toàn thân, mồ tay chỗ nào cũng đầy vắt! Ở nách. Ở cổ. Ở ngực. Ở môi, mặt, bụng, hai chân... Gan lì như cánh con trai chúng tôi, như ông Ba Trợn, mà phải nhảy lên kêu la oai oái, không tài nào gỡ kịp hàng chục con vắt khắp thân thể. Chỉ nghĩ đến, đã rùng mình, lạnh sống lưng. Bỏ măng rừng, phải chui vào bụi tre. Nghe “rào” một cái như trời mưa, thế là lúc nhúc, khắp người, bùng nhùng.

Thanh Hậu chồm dậy, cố mỉm cười:

– Không sao đâu mà. Còn chịu được. Lát nữa khỏe lại em với Thanh Tao còn khâu vá mấy cái ruột tượng đựng gạo, hai cái áo rách của má Hai, thằng Út ngoài xóm. Chị Thanh Hóa ở lại chơi với tụi em.

Nhị Nguyên nhăn mặt:

– Đâu có được. Phải lo sức khỏe các bạn chớ. Cơ quan loe hoe mấy mống, để dói như vậy, coi sao được? Thôi, tôi đi chém cá đây.

Quay sang tôi, Nhị Nguyên khịt mũi, bảo nhỏ:

– Kế hoạch của cậu đâu vô đó rồi. Cứ ra bìa rừng gặp họ. Ngon lành há?

Thanh Hậu đưa mắt nhìn tôi:

– Kế hoạch gì, anh?

– Kiểm chút ít dần bụng – Tôi nói cho qua chuyện, sợ các cô lo sợ phản đối, hoặc dò theo. Tôi lật đật chạy xuống suối múc lên cho Thanh Hậu và Thanh Tao một lon nước, bảo nhỏ Thanh Hậu:

– Đây. Lương thực của Thanh Hậu với Thanh Tao đây. Ráng chịu qua ngày nay. Trưa, anh Nhị Nguyên đem cá về, nấu cháo với rau tàu bay của chị Thanh Hoa hái. Nếu có măng tre, càng tốt.

Thanh Hậu nhìn lon nước suối “lương thực” trong tay tôi, nhoẻn cười nhìn Thanh Tao:

– Cám ơn anh. Dù sao, cũng có cái... để mà sống, chờ hai ông trở về. Nè, đưa mấy tài liệu dạy học in xu xoa cho tụi tôi nghiên cứu. Mai mốt, đến làng Phước Sang, Bình Mỹ, phải dùng tới tài liệu đó rồi.

Tôi chạy đến gốc cây lành ngạnh đầy gai, mở túi xách bằng vải rút xấp tài liệu “chống giặc dốt” đưa Thanh Hậu. Thanh Hậu lật vài trang, kêu lên:

– Trời ơi, in mờ quá, đọc rách mắt hết.

Tôi cúi nhìn vào đôi mắt rất sáng, trong veo của Thanh Hậu. Mắt Thanh Hậu rất trong, vời vợi.

– Máy ông trên Ty Giáo dục cũng rách mắt mới in được tài liệu này. In bột. Hết gạo, không xay bột để in được. Phải in bằng đất sét. Đất sét thì cái xứ Chiến khu Đ này còn nhiều. Xưởng in tu thơ của ông Hoàng Thơ, ông Bảy Ngói còn hoạt động mút mùa, đến ngày kháng chiến thành công.

Thanh Hậu mắc cỡ, ngoảnh mặt nơi khác, lấy tay che mặt:

– Không sợ đất sét chiến khu hết, mà kháng chiến chưa thành công à?

Tôi bỗng nói một câu vô duyên khiến Thanh Hậu đỏ mặt:

– Chỉ sợ tội mình già cúp bình thiếc thôi!

– Chắc tới lúc đó, nhìn nhau thấy buồn cười quá há?

Chị Thanh Hóa đã xắn quần quá gối, tay chống gậy tre có cù ngoéo, nhăn mặt:

– Già có cái đẹp, cái duyên của già. Già trước là tôi đây nè. Các bạn nhỏ hơn tôi nhiều lo gì.

Chị lại hát vài câu bài hát chúng tôi rất thích: “Cô lái đò”.
Chẳng lẽ ôm cầm chờ đợi mãi. Cô đành bội ước bỏ tình quân...

Thanh Tao chồm dậy bưng lon nước sôi, hỏi:

– Ai? Ai đành bội ước bỏ tình quân?

– Ai biết ai! – Thanh Hậu lại đỏ mặt, che mắt.

Anh Nhị Nguyên lầu bầu gì đó, xách dao xuống suối sau khi móc trái lựu đạn OF trao lại Thanh Hậu giữ.

Thanh Tao chụp lấy, đặt cạnh đầu nằm:

– Thanh Hậu nhát thỏ đế, cất cái này làm gì? Để tôi. Thanh Hậu giữ xấp tài liệu này, được rồi. Tiểu thư mà...

– Tiểu thư rừng núi, chớ không phải “Đài các” – Thanh Hậu đưa tay vén mấy sợi tóc đen mượt bên má dù là đôi má xanh xao, tội nghiệp! Có lẽ vì đói, nên mấy hôm nay, cái cổ của Thanh Hậu có cao hơn nhiều. Thanh Hậu lại nuốt nước bọt:

– Bây giờ mà có một cái bánh cam hay tô hủ tiếu rau tàu bay quán ông Ba Trợn há...

– Em lại thèm bánh tráng cuốn lá lành ngạnh, đọt cần thăng hay đinh lăng.

– Tôi lại thèm một chén cơm nguyên chất, không độn khoai mì hay rau tàu bay... – Tôi cũng nuốt nước bọt, cố nuốt thật nhẹ.

Thanh Hậu cười lớn lên:

– Thanh niên mà. Nam thực như hổ, nữ thực như miêu...

– Hổ hay miêu gì, cũng đang trơ mỏ... – Thanh Tao thực tế hơn, tay mân mê trái lựu đạn OF.

Bỗng Thanh Hậu nhìn tôi, khúc khích:

– Sao anh không đem cái bản thảo gì gì đó ra chợ Tân Uyên bán, mua gạo vô đây cho chị em nhờ?

– Bản thảo gì? – Tôi giật mình nhìn chiếc túi da treo đằng cây lành ngạnh.

– Thôi, đừng đánh trống lảng! Biết hết rồi! Bí mật quân sự làm gì... Một chàng, một nàng yêu nhau trong trường sơ học Tân Uyên, rồi cùng nhau vào rừng kháng chiến, lại... dưới trăng, bên bờ suối, bên đống lửa trại... – Nụ cười của Thanh Hậu tắt dần khi nhắc đến một đoạn trong bản thảo tiểu thuyết

của tôi – Đẹp thật. Thơ mộng thật. Nè, anh viết cô nào, chàng nào vậy? Thanh Hậu, Thanh Tao thì đời nào được vô tiểu thuyết của anh. À, Thanh Trúc tóc phi dê, đúng rồi...

Mặt tôi nóng ran. Tôi lật đật chạy lại cái túi xách, kiểm tra lại. Bản thảo tiểu thuyết của tôi vẫn còn đây. Ngoài cái bản thảo ấy ra, tôi còn đang viết dở hai cái nữa: *Mày giết anh tao* và *Dưới bóng dừa xiêm*. Có lẽ lúc tôi đi chém cá, đi dạy học ngoài làng, Thanh Hậu, Thanh Tao và Thanh Hóa đã khám phá ra các bản thảo ấy.

– Buồn tình, viết bậy bạ cho vui thôi, có gì đâu – Tôi nhìn hai cô gái thân quen nhiều năm kháng chiến đang đói meo, nói băng quơ.

– Viết cho vui thôi à? Không có ý gì à? – Thanh Hậu không buông tha – Vậy hồi đang học ở trường Tân Uyên, anh cũng buồn tình mới viết cuốn tiểu thuyết *Hai khẩu súng lục* chớ gì? Mà hồi đó, anh buồn ai? Chẳng lẽ buồn thầy Dợt, thầy Đáng, hay thầy Tài? Hay buồn cô nào?

Tôi xuống giọng năn nỉ:

– Thôi mà Thanh Hậu. Hồi đang học với Thanh Hậu từ lớp nhì một năm, hai năm, lớp nhất, lại là chuyện khác. Lúc đó, tôi mê đọc, mê viết tiểu thuyết lắm. Với lại, chị Sáu tôi bảo tôi viết để chị đọc...

– Les deux pistolets... – Thanh Hậu bỗng đọc lại tựa cuốn tiểu thuyết học trò ngày ấy, và che miệng cười khúc khích, mắt lung linh, hàm răng trắng lóa và đôi môi đỏ tươi.

Thanh Tao giãy nảy vì bị Thanh Hậu rúc sâu vào nách, la oai oái, đưa tay kéo vạt áo che ngực: – Nhột quá trời nè. Cười gì mà cười dữ vậy, Thanh Hậu? Bộ hết đói rồi hả?

Thanh Hậu vuốt mái tóc lòa xòa phủ trán, nguyệt Thanh Tao một cái, bảo tôi:

– Anh còn nhớ bài ám tả “La biche au’adieu” không? – Và Thanh Hậu che miệng cười thoải mái. Lâu lắm, tôi mới thấy Thanh Hậu hồn nhiên đến thế. Tôi đỏ mặt khi Thanh Hậu nhắc lại cái lần tôi bị thầy Dợt nắm tóc động vô bằng đen côm cốp khi tôi viết sai chữ au’adieu. Lúc ấy, tôi choáng váng. Bụi phấn bay trắng mặt tôi. Không phải vì bị đánh đau. Mà vì, do tính lãng mạn, lơ là khi viết đến đoạn ấy, sự đau khổ của con nai cái đi tìm con trong cánh rừng, dưới ánh trăng đêm bàng bạc...

– Cho đến bây giờ, tôi cũng không hiểu phải viết chữ au’adieu như thế nào cho đúng? – Tôi than phiền cùng Thanh Hậu. Sau lần bị thầy Dợt đánh hôm ấy, tôi đã tìm tự điển Việt Pháp xem xem chữ ấy viết thế nào?

– Có tìm được không? – Thanh Hậu thôi cười, hỏi tôi, tay trái mân mê mái tóc của Thanh Tao, một ngón tay giơ phía trước viết trong tưởng tượng – Em cũng không biết. Giá lúc ấy, thầy Dợt cho anh viết chữ ấy lên bảng, hay hơn.

Tôi bồi hồi:

– Tôi biết hiện nay, thầy Dợt còn sống. Giá tìm gặp, đưa thầy vô chiến khu với thầy Ngói, thầy Tài, thầy Trình, vui quá há?

– Biết đâu mà tìm! Mỗi người một nơi. Mạnh ai nấy chạy. Dễ gì gặp lại nhau.

– Thế tại sao chị với anh Chín lại gặp nhau ở đây? Vì cái gì? Số, hay duyên nợ? – Trời, Thanh Tao “thực tế” nói một câu lạnh xương sống. Thanh Hậu quơ tay bụm miệng Thanh Tao, mặt đỏ đến bả vai. Mắt lơ đãng nhìn lên tán cây trác cổ thụ, có

nhiều dây gùi đeo bám, quấn quanh, sum sê. Tôi cũng đưa mắt nhìn theo, nhưng chỉ trông thấy vài chiếc lá úa vàng, rơi xoay trong gió!

Chợt Thanh Hậu cất tiếng đọc một đoạn trong tiểu thuyết tôi vừa viết, đoạn ấy tôi trích một đoạn trong bài ám tả tôi viết trên bảng đen ở trường Tân Uyên mà tôi rất thích: Des milliers crapaux-buffles crient vers le ciel de couleur mauve...”.

Giọng đọc rất ấm, thanh của gái thị thành, đôi môi đỏ tươi của Thanh Hậu khiến tôi bàng hoàng, ngoảnh nhìn chăm chú vào đôi mắt mơ màng, đôi môi chúm chím của Thanh Hậu. Thanh Tao trở mặt kinh ngạc nhìn hai chúng tôi. Trời, Thanh Hậu lén đọc bản thảo của tôi hồi nào? Và sao lại nhớ cái đoạn trích ấy? Tuổi thơ của lũ học trò sơ học chúng tôi. Ngôi trường Tân Uyên với tiếng trống vào lớp, hồi trống tan trường vào buổi chiều, khi từ cánh rừng phía trong sân banh Tân Lợi vang đến tiếng vượn hú, khi hàng đàn lính Nhật ngồi nghe ngệ trên xe đạp, súng trường Nhật dài chấm đất, thị uy qua cổng trường. Một lần, chúng tôi rủ nhau quán giẻ lau bảng đánh bốc dũ dội, bên ngoài các cô gái chia hai phe hoan hô âm ỉ, có mặt Thanh Hậu một bên. Không hiểu Thanh Hậu thuộc phe nào? Bụi phấn trong hai nùi giẻ lau bảng bay trắng lớp học. Ông đốc Ngoạn vào lúc nào, chẳng ai hay. Rồi thầy Dợt của chúng tôi hét to một tiếng bằng tiếng Pháp: “Voyou... Voyou, ma... cà bong”.

Tức thì chiếc thước bản đẹp quất liên hồi vào đầu tôi, vào vai đối thủ của tôi mặt mũi nhem nhuốc phấn trắng trộn mồ hôi.

– À, genous tous! – Thầy đỏ mặt ra lệnh cho cả trai, gái có mặt hôm đó phải lập tức quì gối tại chỗ nửa tiếng đồng hồ.

Ông đốc Ngoạn cái miệng rất rộng, đi qua đi lại chỗ các “võ sĩ quyền Anh” và các cô gái cổ động viên, nói một tràng tiếng Pháp về luân lý và công dân giáo dục.

Mặt mũi lũ chúng tôi đứa nào cũng đỏ bầm, tím ngắt, và nhem nhuốc bụi phấn, như hề.

Thầy Dợt năm ấy còn rất trẻ, mới ra trường Nợcman, chỉ lớn hơn chúng tôi bảy, tám tuổi gì đó, phong độ rất thanh niên, nói tiếng Pháp như gió. Đứa nào làm sai quấy, hay đối đáp sai bằng tiếng Pháp, thầy nút ngón tay trở vào tai thầy, cúi khòm sát trò ấy, giả bộ không nghe, không thấy, không biết!

Trò Đức thường mót tiểu bất thường lúc đang học. Mỗi khi nó ôm quần đứng bật dậy xin thầy:

– Permettez-moi d'aller ma besoin? (Xin thầy cho tôi ra ngoài có việc cần).

Thầy lại nút ngón tay trở vào tai thầy, nghiêng đầu sát đầu Đức, làm bộ nhăn mặt hỏi vặn lại nhiều lần:

– Que voulez vous? (Trò muốn gì?)

Thế là Đức bí quá, đấy quần ướt sũng! Đám con trai bịt miệng cười rộ. Đám con gái che mặt ngó lơ ra đường. Thế là thầy Dợt cười một cách khoái trá, giật chiếc chổi lông gà sau lưng áo, múa một vòng như phường hát:

– Cha chả, cái mùi amoniac đâu mà thơm lạ, bố, bố tướng quân Đức.

May sao, lúc ấy, chiếc đồng hồ treo tường đánh chuông. Thầy Dợt thôi cười, nghiêm trang phán từng tiếng một:

– Sonner le tamtam! (Đánh trống tan trường)

Thế là đang quì, thằng Đức dựng dậy chạy cắm đầu đến chiếc trống treo ở cuối lớp, vung chiếc dùi đã mục, đập thật lực vào mặt trống một hồi dài. Đức rất mê đánh trống. Không đứa nào tranh được cái khoái ấy của nó. Chẳng may, đang đập đến giữa hiệp, bỗng mặt trống thủng một lỗ, chiếc dùi gãy ngang, lọt vô trong một khúc, kêu loong toong, loong toong...

Chúng tôi ôm nhau cười lăn ra. Thầy Dợt biến sắc, thét hỏi:

– Qu'est-ce ça, Đức?

Đức run rẩy đáp nửa tiếng Tây nửa tiếng ta, mồ hôi vã ra:

– Monsieur, un troue et le paton...

Thế là Đức đành phải quì nửa giờ nữa. Chúng tôi ùa ra trường như bầy chim.

Thanh Hậu nhớ lại và ngửa cổ cười đến giàn giụa nước mắt, vụt hỏi tôi:

– Nè, lúc ấy, hai anh đánh nhau vì cô nào hả? Tranh nhau hả?

Thanh Tao cũng nín cười, nguýt Thanh Hậu một cái, vắn lại:

– Còn cô nào nữa? Hỏi vậy cũng hỏi!

(May sao và hạnh phúc sao, sau năm 1975 chiến thắng, tôi trở về Đồng Nai trong bộ quân phục cấp tá, quyết tìm ngay thầy Dợt. Tìm khắp vùng chợ Tân Uyên đến chợ Biên Hòa, mới biết thầy còn sống. Tôi lật đật mua quà bánh, đến đường Phan Đình Phùng thăm thầy. Tôi hình dung là thầy nay đã già lắm.